



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2014
www.fpt.com.vn



TOÀN CẦU HÓA
TẦM CAO MỚI

VIẾT TẮT

CNTT	:	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
S.M.A.C	:	SOCIAL, MOBILE, ANALYTICS/BIG DATA, CLOUD (MẠNG XÃ HỘI, CÔNG NGHỆ DI ĐỘNG, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN, ĐIỆN TOÁN Đám Mây)
ĐH	:	ĐẠI HỌC
HĐQT	:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TGD	:	TỔNG GIÁM ĐỐC
BKS	:	BAN KIỂM SOÁT
ĐHĐCĐ	:	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CTTV	:	CÔNG TY THÀNH VIÊN
FPT	:	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
FPT IS	:	CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT
FPT TELECOM	:	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
FPT SOFTWARE	:	CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT
FPT TRADING	:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT
FPT RETAIL	:	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
FPT INVESTMENT	:	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ FPT
FPT ONLINE	:	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
FPT EDUCATION	:	CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC FPT
VND	:	ĐỒNG VIỆT NAM
LNTT	:	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

NỘI DUNG

	FPT 2014	04	
	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT		04
	Các chỉ số cơ bản 2014		06
	Các hoạt động nổi bật 2014		08
	Tình hình tài chính nổi bật 2010 - 2014		10
	TỔNG QUAN	12	
	Tầm nhìn, sứ mệnh		14
	Giới thiệu chung		14
	Lịch sử hình thành và phát triển		15
	Ngành nghề kinh doanh		16
	Cơ cấu quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý		20
	Giới thiệu Ban lãnh đạo		24
	Thông tin vốn cổ phần và cổ đông		29
	Định hướng phát triển		30
	PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	36	
	Phân tích hoạt động kinh doanh 2014 và đánh giá của Ban Điều hành		38
	Triển vọng và kế hoạch năm 2015		51
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty		52
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	54	
	Mô hình quản trị công ty		56
	Thông tin và hoạt động của HĐQT		57
	Báo cáo Ban Kiểm soát		63
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD		65
	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty		68
	Quản trị rủi ro		69
	Quan hệ nhà đầu tư		72
	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	76	
	Thông điệp của Giám đốc Trách nhiệm Xã hội		78
	Tổng quan		79
	Mô hình phát triển bền vững		80
	Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững		83
	Sự tham gia của các bên liên quan		85
	Phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh		92
	Phát triển nguồn nhân lực và hoạt động cộng đồng		96
	Hoạt động môi trường		105
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	106	



2014 là năm đánh dấu sự trở lại quỹ đạo tăng trưởng doanh thu trên 20% của FPT sau nhiều năm khó khăn liên tiếp. Chúng ta đã có một năm tăng trưởng cả về chiều rộng (khách hàng mới, sản phẩm mới, thị trường mới) và chiều sâu (công nghệ mới, đẳng cấp mới). FPT tiếp tục chứng minh vị thế tiên phong trong lĩnh vực CNTT-Viễn thông...

Kính thưa quý cổ đông,

Thị trường CNTT toàn cầu năm 2014 bắt đầu có những tín hiệu tốt sau thời kỳ suy thoái kéo dài. Báo cáo của Gartner, IDC, GfK đều cho thấy thị trường thiết bị CNTT, di động và dịch vụ ủy thác (outsourcing) toàn cầu đều có đà tăng trưởng khá tốt với tốc độ khác nhau tùy từng lĩnh vực. Trong nước, GDP tăng 5,9%, vượt kế hoạch đề ra, tăng trưởng tín dụng đạt gần 13%, đều là những con số vượt xa nhiều năm liên tiếp gần đây.

Theo đà phục hồi đó, 2014 là năm đánh dấu sự trở lại quỹ đạo tăng trưởng doanh thu trên 20% của FPT sau nhiều năm khó khăn liên tiếp. Chúng ta đã có một năm tăng trưởng cả về chiều rộng (khách hàng mới, sản phẩm mới, thị trường mới) và chiều sâu (công nghệ mới, đẳng cấp mới). FPT tiếp tục chứng minh vị thế tiên phong trong lĩnh vực CNTT - Viễn thông với quy mô hơn 22.000 người, có mặt trên 19 quốc gia; dẫn đầu định hướng công nghệ tại thị trường khu vực thông qua việc trúng thầu hàng loạt các dự án cung cấp giải pháp CNTT cho khối chính phủ nước ngoài có trị giá hàng triệu USD; không ngừng kiến tạo dấu ấn sắc nét trên bản đồ CNTT thế giới thông qua việc liên tục góp tên trong các bảng xếp hạng uy tín trong lĩnh vực dịch vụ ủy thác.

2014 cũng là điểm nhấn đặc biệt trên con đường toàn cầu hóa của FPT. Có thể nói, FPT đã có một năm vận động và biến chuyển toàn diện về nhân sự, tổ chức, quản trị, đầu tư, công nghệ, thị trường theo một xu hướng tập trung nhất quán, đó là toàn cầu hóa. Mọi nỗ lực thay đổi đều phục vụ cho mục tiêu hướng tới tập đoàn toàn cầu thực sự, không phải chỉ ở mức độ hiện diện mà quan trọng hơn là đẳng cấp công nghệ phục vụ khách hàng. Đội ngũ chuyên gia nước ngoài gia tăng nhanh chóng, đạt con số 600 người. Thương vụ M&A mua lại bộ phận CNTT tại Slovakia từ tập đoàn năng lượng RWE (Đức) không những xác lập kỷ lục về giá trị hợp đồng mang lại mà còn khẳng định sự sẵn sàng của FPT trước những dự án quy mô và đẳng cấp. Hướng đi chiến lược này là phương thức hữu hiệu mà FPT sẽ tiếp tục nhân rộng trong năm tới để tiến sâu hơn và xa hơn trên con đường toàn cầu hóa.

Xu hướng S.M.A.C và "internet of things" trên toàn cầu đã và đang mang lại cơ hội không giới hạn cho FPT. Chúng ta đang tích cực ngày đêm chuẩn bị về mọi mặt để làm sao biến những cơ hội đó thành hiện thực. Chương trình "10 ngàn kỹ sư cầu nối" là cam kết của FPT với thị trường

Nhật Bản, được khởi động từ tháng 11/2014. FPT đào tạo kỹ sư CNTT Việt Nam bằng tiếng Nhật ngay tại Nhật Bản, cung ứng 10.000 kỹ sư cầu nối cho thị trường Nhật Bản. FPT đang dồn mọi quyết tâm để đạt tốc độ tăng trưởng ổn định hai chữ số trên tầm bay mới.

Tại thị trường trong nước, dự án xây dựng Hệ thống Bán vé tàu điện tử cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là một điểm sáng mới, khẳng định vai trò và sứ mệnh của người đi đầu tham gia tháo gỡ giải quyết các vấn đề an sinh xã hội cho người dân bằng CNTT. Quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước được Chính phủ ban hành tháng 12/2014 đã mở ra cơ hội chưa từng có cho FPT tích cực tham gia xây dựng hạ tầng và hành chính thông minh, góp phần mau chóng hiện đại hóa đất nước, nâng cao toàn diện năng lực cạnh tranh quốc gia.

Kết thúc 2014, có rất nhiều điểm sáng trong hoạt động của FPT. Tuy nhiên, một số vấn đề nội bộ về nhân sự và quy trình chưa được tháo gỡ kịp thời đã dẫn tới việc kết quả đạt được chưa như mong muốn khi lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra. Toàn thể lãnh đạo FPT đã nghiêm túc phân tích vấn đề và quyết liệt tìm giải pháp giải quyết dứt điểm trong năm 2014. Chính sách thu nhập theo đó sẽ được cải tiến để gắn chặt hơn nữa trách nhiệm của từng người, đặc biệt là người đứng đầu với kết quả hoạt động của đơn vị ở mọi cấp.

Thông điệp chiến lược 2015 – 2017 là TĂNG TRƯỞNG, đó là chỉ tiêu then chốt toàn thể lãnh đạo và nhân viên FPT đã thống nhất và cam kết. Ở tầm bay mới, FPT cần phải trở lại quỹ đạo tăng trưởng hai chữ số như chúng ta đã từng có. Ban lãnh đạo FPT dành mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất mang lại sự tăng trưởng bền vững và lợi ích lâu dài cho cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn quý cổ đông.

TRƯƠNG GIA BÌNH

Chủ tịch HĐQT



RWE IT SLOVAKIA 100%

01. HOẠT ĐỘNG M&A

Đây là một hướng đi chiến lược quan trọng giúp FPT tiếp tục tăng trưởng. Năm 2014, FPT hoàn tất hai thương vụ M&A đầu tiên trong lịch sử phát triển của Tập đoàn.

- » Mua công ty RWE IT Slovakia – công ty thành viên của RWE, Tập đoàn năng lượng hàng đầu châu Âu, giúp bổ sung thêm 01 lĩnh vực đặc thù mới là hạ tầng công ích (utilities) trong danh mục các lĩnh vực có khả năng cung ứng dịch vụ phần mềm, và giúp mở rộng hoạt động tại thị trường châu Âu.

- » Hoàn tất việc mua lại 123mua.vn, một trong những trang thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam. Thương vụ này là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Sendo.vn trong năm 2014 và giai đoạn tiếp theo. FPT đặt mục tiêu đưa Sendo.vn trở thành trang thương mại điện tử có nhiều giao dịch nhất thông qua việc cung cấp các dịch vụ có chất lượng vượt trội với mô hình mua bán đảm bảo.



02. BỔ NHIỆM 02 THÀNH VIÊN QUỐC TẾ THAM GIA HĐQT TẬP ĐOÀN

HĐQT đã bổ nhiệm ông Tomokazu Hamaguchi, Chủ tịch Hiệp hội Dịch vụ Công nghệ Thông tin Nhật Bản (JISA) và ông Dan E Khoo, Chủ tịch WITSA vào vị trí ủy viên HĐQT độc lập với vai trò góp phần đẩy mạnh hoạt động của tập đoàn tại thị trường nước ngoài. Như vậy, số thành viên quốc tế tham gia HĐQT FPT hiện nay là 03 người.



03. THẮNG THẦU NHIỀU DỰ ÁN TRIỆU USD TẠI THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI



Dự án “Cung cấp và triển khai hệ thống Quản lý thuế thu nhập tích hợp cho cơ quan Thuế Bangladesh” có tổng trị giá 6,6 triệu USD.

Hợp đồng “Cung cấp, cài đặt, kiểm thử và chuyển giao hệ thống Quản lý khiếu nại, tố cáo” trị giá 1,4 triệu USD cho chính phủ Philippines.

04. TIÊN PHONG TRONG XU HƯỚNG THUÊ NGOÀI DỊCH VỤ CNTT



Dự án cung cấp Hệ thống bán vé tàu điện tử cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam do FPT triển khai là một trong những hợp đồng lớn đầu tiên trong lĩnh vực thuê ngoài dịch vụ CNTT tại Việt Nam. Thông qua hệ thống mới này, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã xây dựng được mô hình bán vé mới công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng phục vụ. Thành công của dự án này là kinh nghiệm quan trọng giúp FPT tự tin tham gia vào lĩnh vực kinh doanh mới đầy tiềm năng là cung cấp dịch vụ thuê ngoài trong lĩnh vực CNTT.

05. NHẬN ĐƯỢC NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN



Top 100 Nhà cung cấp dịch vụ ủy thác (The Global Outsourcing 100) hàng đầu thế giới do Hiệp hội các chuyên gia ủy thác chuyên nghiệp quốc tế (IAOP) đánh giá trong 2 năm liên tiếp (2014-2015).

FPT là công ty CNTT duy nhất của Việt Nam có mặt trong danh sách 100 doanh nghiệp có tiềm năng phát triển và vốn hóa lớn trong khu vực ASEAN do Tập đoàn Nikkei lựa chọn.

Top 10 trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam do Tạp chí Forbes đánh giá.

Môi trường làm việc tốt nhất và Chính sách đào tạo nguồn nhân lực xuất sắc tại Giải thưởng Vietnam HR 2014 do Talentnet và Báo Lao động và Xã hội tổ chức và luôn nằm trong Top 5 các bảng xếp hạng doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam do các đơn vị uy tín tổ chức, góp phần giúp FPT tiếp cận tốt với nguồn nhân lực chất lượng cao.

06. MỞ RỘNG VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG NHIỀU CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG QUAN TRỌNG TRÊN TOÀN QUỐC



Khởi công giai đoạn 02 Làng Phần mềm F-Ville tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội với diện tích 28.000 m², đáp ứng khoảng 3.000 chỗ làm việc.

Khởi công khu Phúc hợp văn phòng FPT (FPT Complex) tại khu Đô thị Công nghệ FPT Đà Nẵng với diện tích 5,9 ha, đáp ứng khoảng 10.000 chỗ làm việc cho FPT tại khu vực miền Trung.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng Tòa nhà F-Town 2 tại khu Công nghệ cao Quận 9, TP.HCM với diện tích xây dựng 14.733 m², đáp ứng khoảng 2.000 chỗ làm việc.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng Tòa nhà hiệu bộ của ĐH FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội với diện tích 11.065 m². Đây là tòa nhà đầu tiên của Việt Nam đạt giải ở hạng mục Giáo dục tương lai tại Festival Kiến trúc thế giới.

07. MỞ RỘNG QUY MÔ HIỆN DIỆN TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

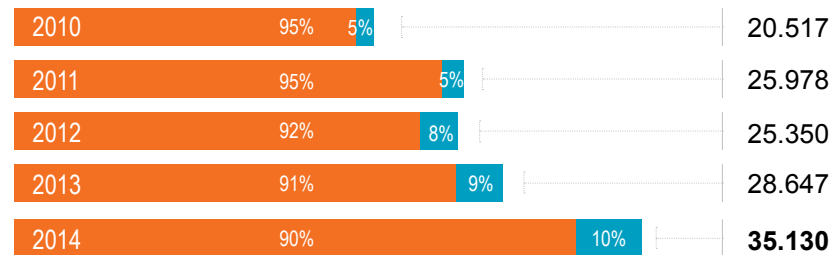


FPT đã có mặt tại 63/63 tỉnh thành trên toàn quốc.

FPT đã hiện diện tại 19 quốc gia trên thế giới.

DOANH THU NĂM 2014 TĂNG TRƯỞNG 23% YOY

Đơn vị: tỷ VND

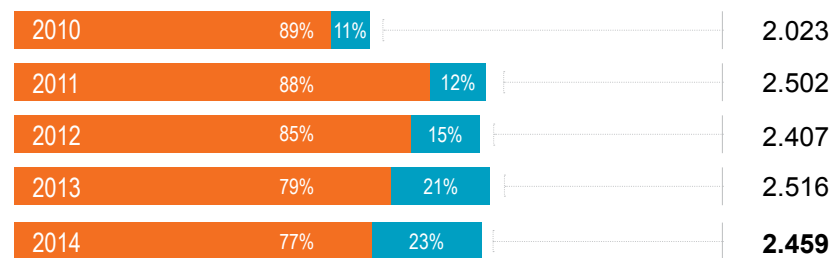


Doanh thu trong nước (orange) | Doanh thu nước ngoài (blue)

Năm 2014, doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt **3.684** tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ, chiếm 10% tổng doanh thu (năm 2013: 9%).

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2014 ĐẠT 2.459 TỶ ĐỒNG GIẢM 2%

Đơn vị: tỷ VND

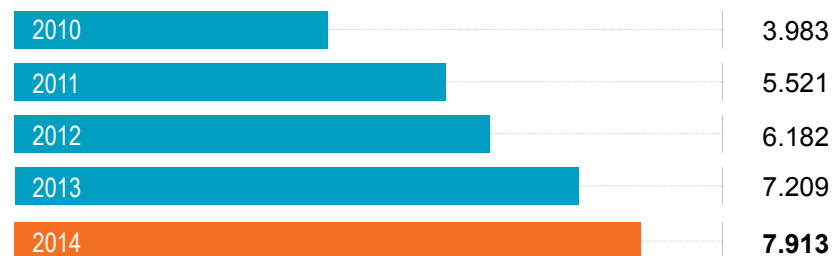


LNTT từ trong nước (orange) | LNTT từ nước ngoài (blue)

Năm 2014, lợi nhuận trước thuế từ thị trường nước ngoài đạt **575** tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, chiếm 23% tổng lợi nhuận trước thuế toàn tập đoàn (năm 2013: 21%).

VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG 99% SAU 5 NĂM

Đơn vị: tỷ VND

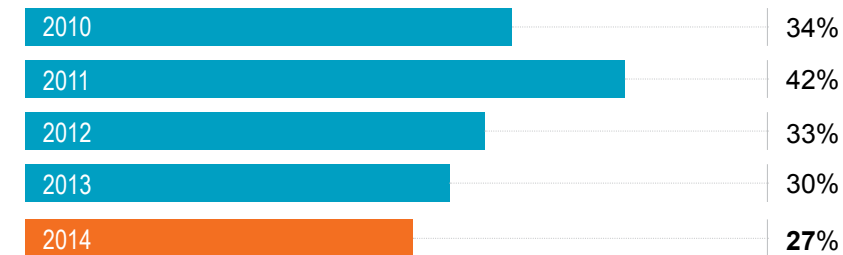


35.130 TỶ ĐỒNG
DOANH THU NĂM 2014

2.459 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

7.913 TỶ ĐỒNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU

HIỆU QUẢ KINH DOANH ĐẠT 27% NĂM 2014



27%
LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS) NĂM 2014 ĐẠT 4.746 VND/CỔ PHIẾU, TĂNG 1% SO VỚI NĂM 2013

Đơn vị: VND



4.746 VND/CỔ PHIẾU
EPS TĂNG 1% SO VỚI 2013

Lưu ý: EPS từ 2010 – 2013 được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 25% trong năm 2014.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010 – 2014

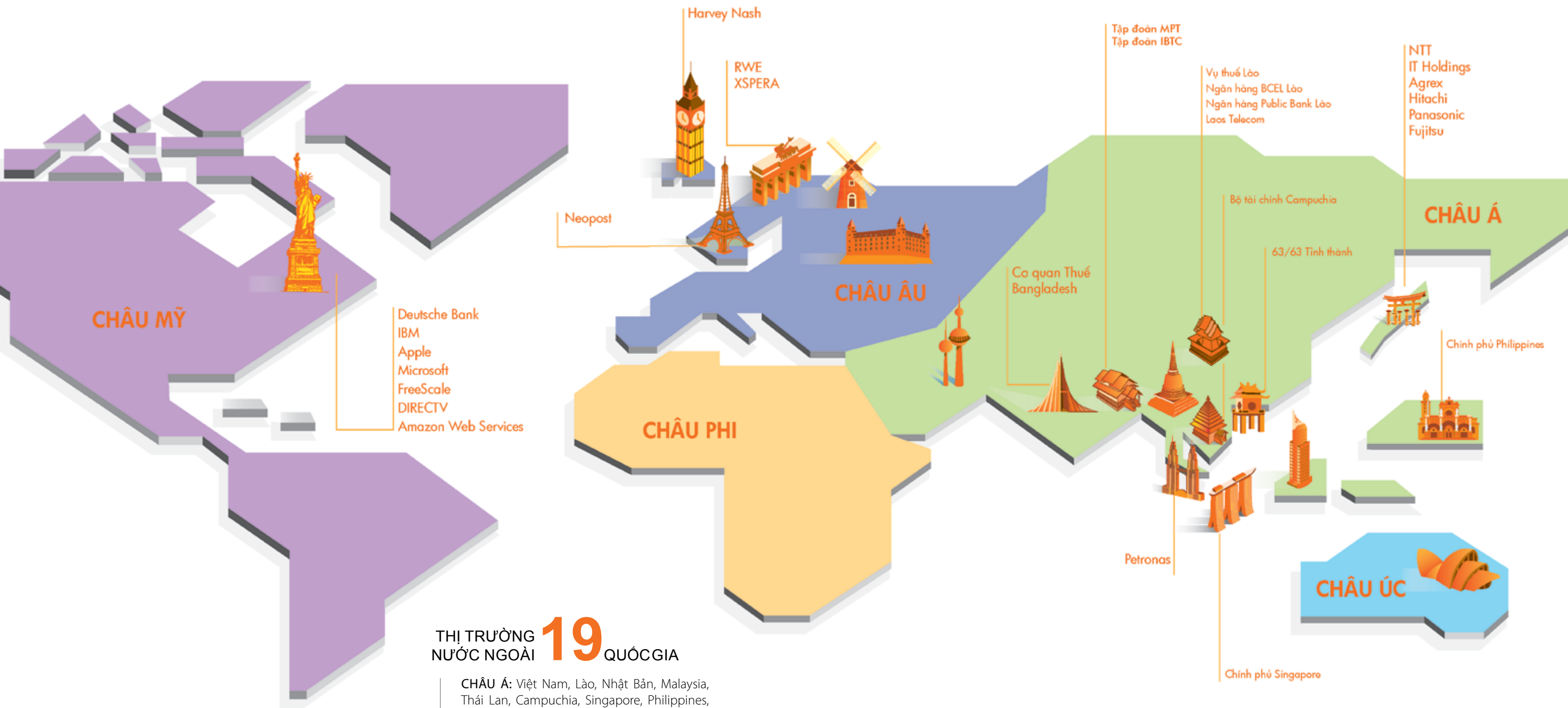
Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng/giảm so với cùng kỳ	2012	Tăng/giảm so với cùng kỳ	2013	Tăng/giảm so với cùng kỳ	2014	Tăng/giảm so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	20.517	25.978	27%	25.350	-2%	28.647	13%	35.130	23%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.877	2.420	29%	2.318	-4%	2.451	6%	2.401	-2%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.023	2.502	24%	2.407	-4%	2.516	5%	2.459	-2%
4	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	2.591	3.127	21%	3.035	-3%	3.113	3%	3.356	8%
5	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay	2.261	2.751	22%	2.635	-4%	2.648	0%	2.625	-1%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.692	2.079	23%	1.985	-5%	2.065	4%	2.079	1%

TỔNG QUAN VỀ FPT

Chiến lược toàn cầu

Danh sách khách hàng khắp thế giới là minh chứng cho thành công của chiến lược toàn cầu hóa mà FPT đang thực hiện



THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI **19** QUỐC GIA

CHÂU Á: Việt Nam, Lào, Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan, Campuchia, Singapore, Philippines, Myanmar, Indonesia, Kuwait, Bangladesh

CHÂU ÂU: Anh, Pháp, Đức, Slovakia, Hà Lan

CHÂU MỸ: Mỹ

CHÂU ÚC: Úc



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất về tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.



GIỚI THIỆU CHUNG

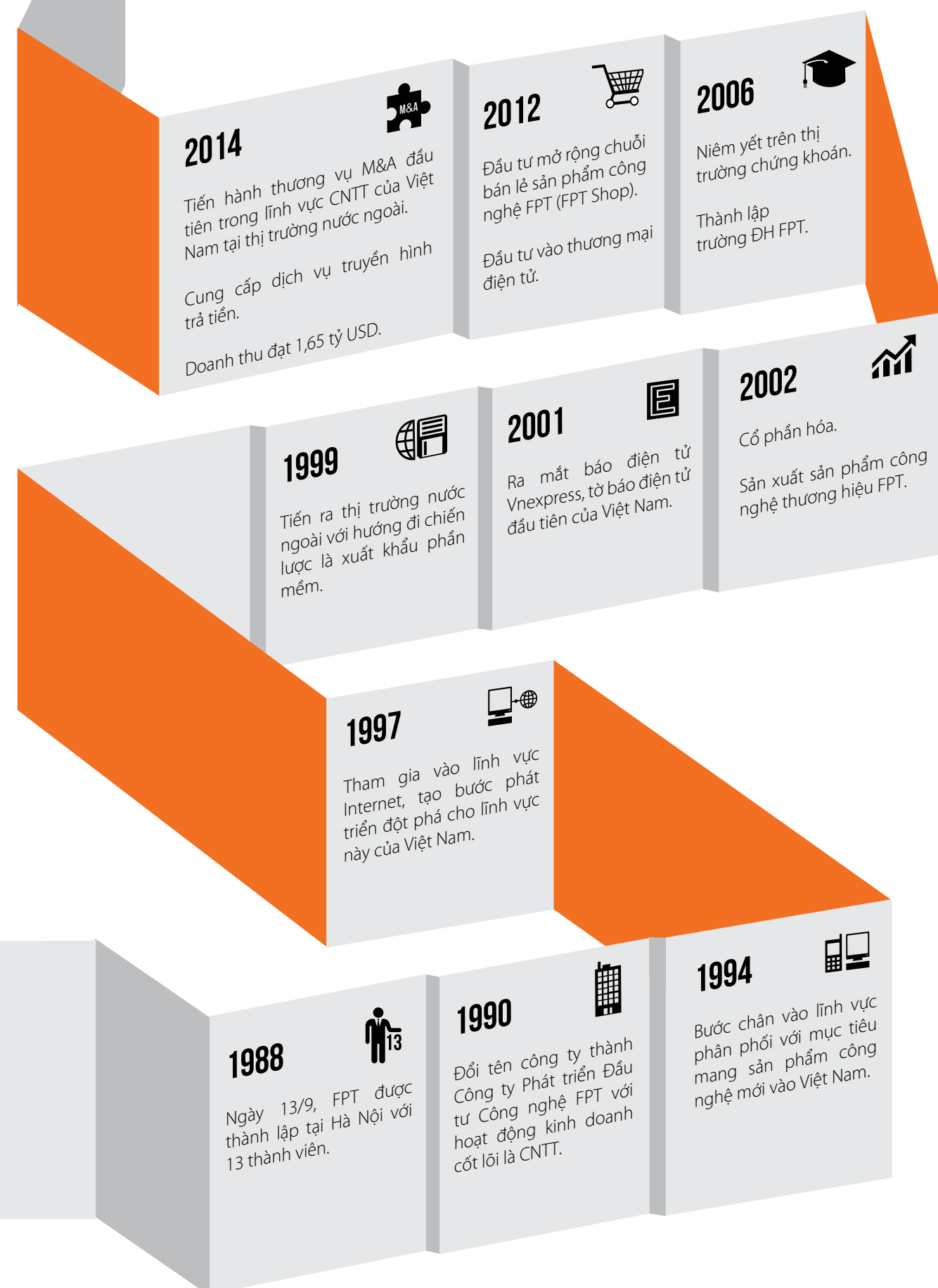
Tên công ty : **Công ty Cổ phần FPT**
 Tên tiếng Anh : FPT Corporation
 Tên viết tắt : FPT
 Ngày thành lập : 13/9/1988
 Mã chứng khoán : **FPT**
 Vốn điều lệ : 3.439.766.000.000 đồng

Trụ sở chính:
 Tòa nhà FPT, phố Duy Tân,
 quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84. 04) 7300 7300
 Fax: (+84. 04) 3768 9061

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mã số thuế: **0101248141**

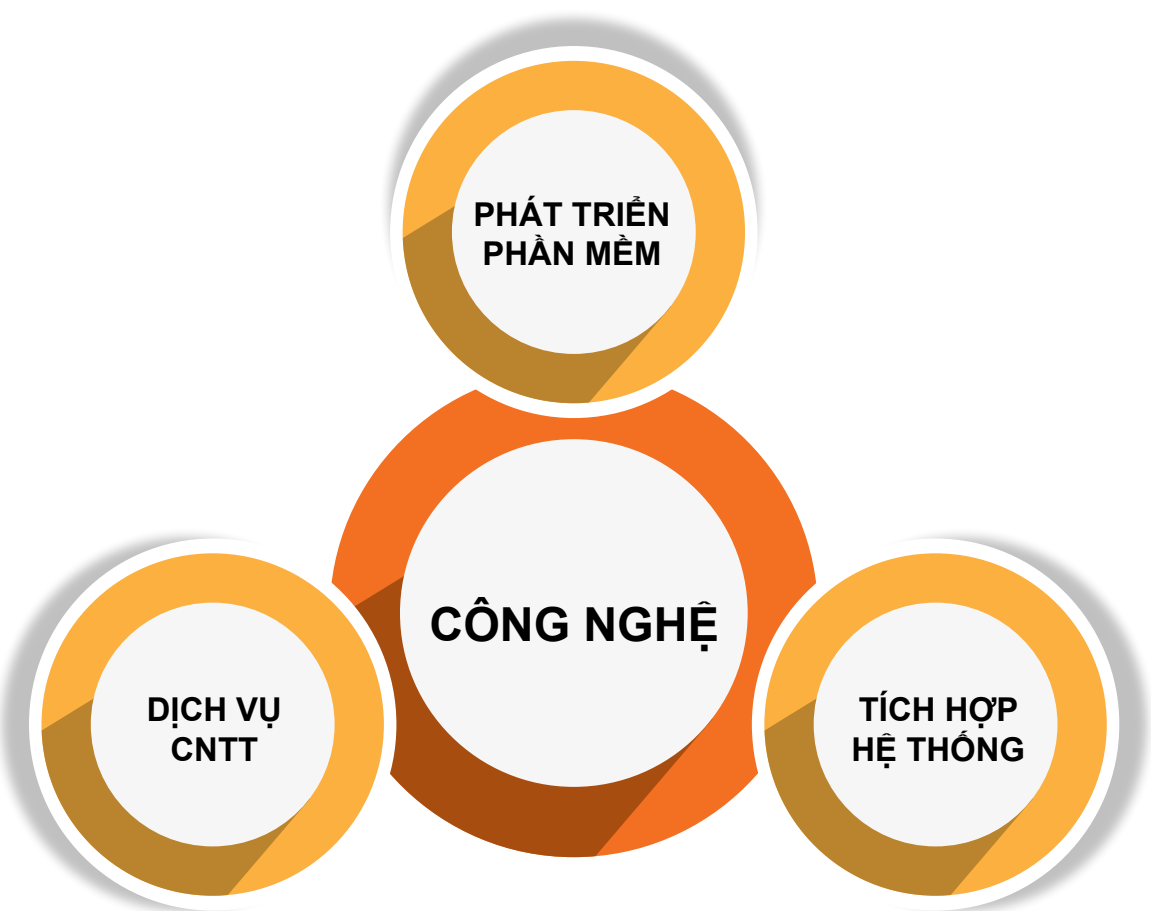
Website: www.fpt.com.vn



FPT HOẠT ĐỘNG TRẢI RỘNG TRONG HẦU HẾT CÁC LĨNH VỰC QUAN TRỌNG CỦA NGÀNH CNTT-VT TỪ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM, TÍCH HỢP HỆ THỐNG, DỊCH VỤ CNTT, VIỄN THÔNG, PHÂN PHỐI - BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ ĐẾN ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CNTT CHẤT LƯỢNG CAO.

KHỐI CÔNG NGHỆ

(ĐÓNG GÓP 20% DOANH THU VÀ 30% LỢI NHUẬN)



Lĩnh vực PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Giải pháp phần mềm trong các lĩnh vực chuyên biệt như chính phủ, tài chính công, ngân hàng – tài chính, giáo dục, y tế, giao thông;
- » Giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) chuyên sâu trên nền tảng: SAP, Oracle, People Soft và các hãng công nghệ khác;
- » Giải pháp bảo mật.
- » Điện toán đám mây (Cloud computing);
- » Công nghệ di động (Mobility);
- » Dịch vụ ủy thác quy trình doanh nghiệp (BPO);
- » Thiết kế phần mềm nhúng cho các thiết bị di động;
- » Phát triển ứng dụng và bảo trì;
- » Chuyển đổi công nghệ phần mềm;
- » Kiểm thử chất lượng phần mềm;
- » Xây dựng phát triển phần mềm;

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **100** giải pháp phần mềm được cấp bản quyền trong các lĩnh vực chuyên biệt như: chính phủ, tài chính công, ngân hàng-tài chính, giáo dục, y tế, giao thông;
- » **24** Trung tâm cung cấp dịch vụ tại 19 quốc gia;
- » **8.528** kỹ sư, chuyên gia công nghệ;
- » **6.000** dự án ủy thác dịch vụ phần mềm (software outsourcing projects) với 2,5 triệu ngày công (man-days);
- » **TOP 100** Nhà cung cấp dịch vụ ủy thác (The Global Outsourcing 100).



Lĩnh vực TÍCH HỢP HỆ THỐNG

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Dịch vụ hạ tầng CNTT;
- » Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu cho doanh nghiệp;
- » Hệ thống mạng, bảo mật;
- » Lưu trữ máy chủ;
- » Hệ thống thanh toán, giám sát, các thiết bị đặc chủng cho ngành ngân hàng;
- » Dịch vụ triển khai các giải pháp ngân hàng, chứng khoán và viễn thông;
- » Các sản phẩm chuyên dụng cho ngân hàng, viễn thông, giao thông, hải quan;
- » Quản trị cơ sở dữ liệu.

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **Số 1** tại Việt Nam cả về doanh thu và quy mô nhân lực;
- » Một số sản phẩm, giải pháp đã giành được thứ hạng cao tại các giải thưởng quốc tế như: Giải nhì Giải thưởng CNTT-TT khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APICTA AWARDS 2014); Giải Vàng ASEAN ICT Awards và Giải Bạc Giải thưởng Công nghệ Thông tin và Truyền thông ASEAN ICT
- » **Nhà tích hợp hệ thống xuất sắc** của Oracle;
- » **Triển khai hầu hết những hệ thống công nghệ thông tin tổng thể** cho các tổ chức giữ vai trò xương sống của nền kinh tế Việt Nam.



Lĩnh vực DỊCH VỤ CNTT

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Dịch vụ điện tử FPT: Dịch vụ Chữ ký số (FPT.CA), Dịch vụ Hải quan điện tử (FPT.VNACCS) và Dịch vụ Thuế điện tử (FPT.eTax);
- » Bảo hành – bảo trì ủy quyền các thiết bị tin học cho hãng, cung cấp, sửa chữa thiết bị, linh kiện tin học...

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **Số 1** tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ CNTT;
- » **Đối tác cấp cao nhất** của: Cisco, IBM, Microsoft, SAP, Symantec....

KHỐI VIỄN THÔNG

(ĐÓNG GÓP 13% DOANH THU, 38% LỢI NHUẬN)



Lĩnh vực DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Internet băng rộng (xDSL, Triple Play, FTTH);
- » Kênh thuê riêng;
- » Voice;
- » Trung tâm dữ liệu;
- » Dịch vụ truyền hình (HD Box, OneTV, FPT Play);
- » Dịch vụ chia sẻ dữ liệu trực tuyến Fshare.

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **Số 2** tại thị trường Việt Nam về dịch vụ truy cập internet băng rộng cố định;
- » Hạ tầng internet phủ rộng tới **59/63** tỉnh thành;
- » Sở hữu hạ tầng viễn thông lớn với tổng chiều dài trên 8.400 km bao gồm tuyến đường trục Bắc – Nam; tuyến đường trục Tây Nguyên; tuyến đường trục kết nối quốc tế với Lào và các tuyến trục liên tỉnh kết nối 59 tỉnh thành trên toàn quốc;
- » Là thành viên của **Tuyến cáp quang biển Cổng kết nối châu Á - Mỹ** (Asia – American Gateway), và **Tuyến cáp quang biển Cổng kết nối châu Á – Thái Bình Dương** (Asia – Pacific Gateway);
- » Dung lượng băng thông quốc tế **280 Gbps**;
- » **04** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc.



Lĩnh vực NỘI DUNG SỐ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

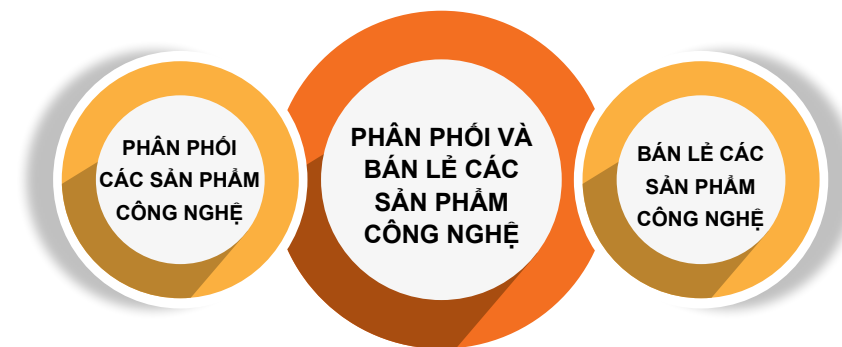
- » Hệ thống báo điện tử VnExpress.net; Ngoisao.net; iOne.net;
- » Quảng cáo trực tuyến;
- » Hệ thống quảng cáo thông minh eClick AdNetwork;
- » Thương mại điện tử (Sendo.vn).

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **Số 1** về dịch vụ quảng cáo trực tuyến;
- » **VnExpress có 34,5 triệu độc giả thường xuyên**;
- » Sở hữu sàn thương mại điện tử có số lượng và giá trị giao dịch lớn hàng đầu Việt Nam (Sendo.vn).

KHỐI PHÂN PHỐI - BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

(ĐÓNG GÓP 65% DOANH THU, 24% LỢI NHUẬN)



Lĩnh vực PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Phân phối các sản phẩm, giải pháp của: Apple, IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba, ...;
- » Sản xuất các sản phẩm công nghệ thương hiệu FPT như: máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng.

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **Số 1** tại Việt Nam với 29% thị phần;
- » Nhà phân phối của trên 30 đối tác công nghệ lớn;
- » **1.500** đại lý phân phối tại 63/63 tỉnh thành;
- » Hệ thống kho bãi tại 04 tỉnh thành lớn là Hà Nội, Tp.HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ và các kho nhỏ tại hệ thống thành phố vệ tinh như Nghệ An, Hải Phòng, ... được quản lý bằng phần mềm với báo cáo doanh số cập nhật theo thời gian thực.



Lĩnh vực BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Máy tính;
- » Máy tính bảng;
- » Điện thoại;
- » Phụ kiện;
- » Các sản phẩm của Apple theo hình thức chuỗi cửa hàng bán lẻ đặc thù của hãng.

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » **163** cửa hàng FPT Shop tại 63/63 tỉnh thành;
- » **Chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple** bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và CES (Consumer Electronic Stores) với thương hiệu F.Studio.



KHỐI GIÁO DỤC

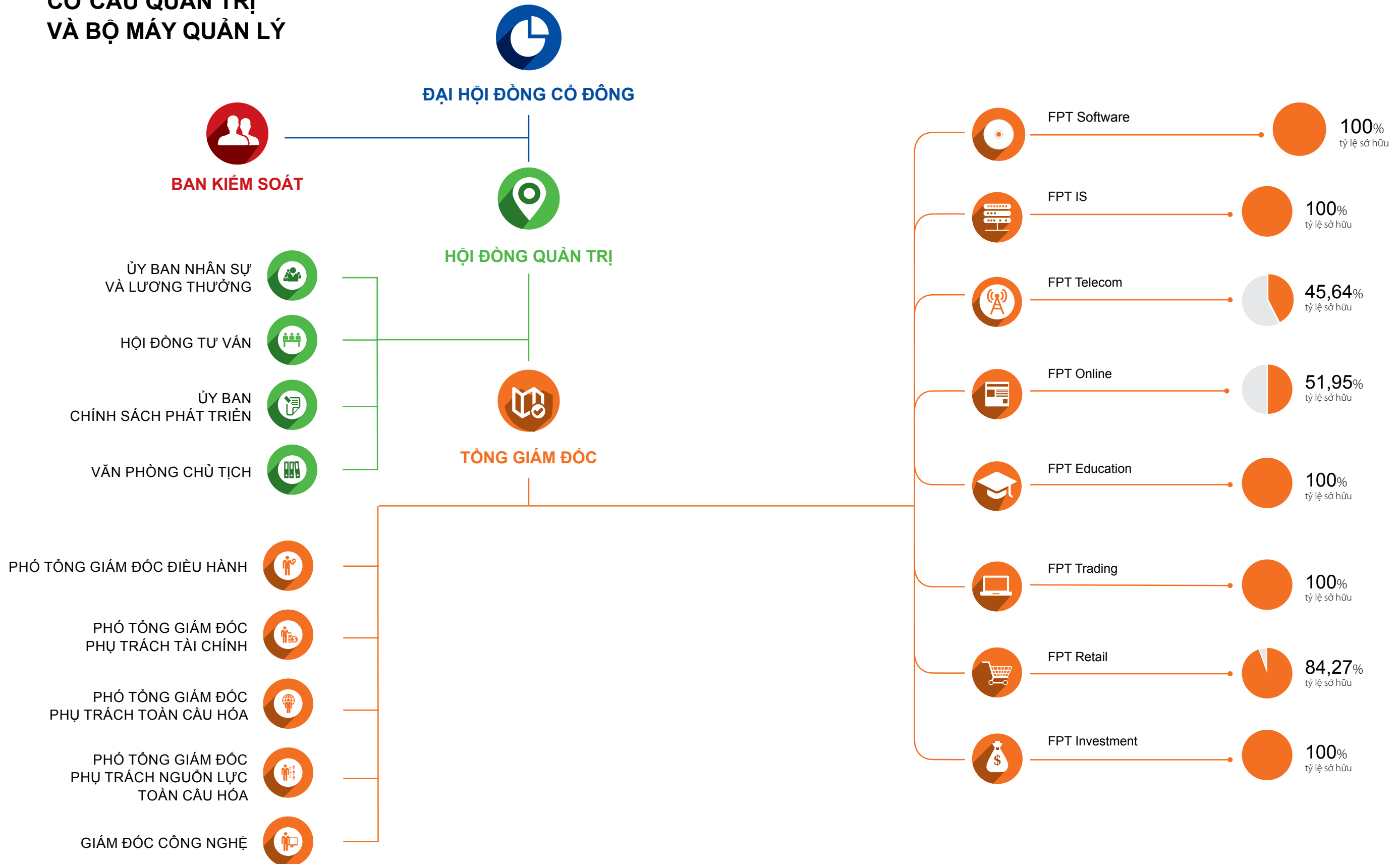
SẢN PHẨM DỊCH VỤ CUNG CẤP

- » Đại học và sau đại học;
- » Cao đẳng;
- » Liên kết quốc tế;
- » Phát triển sinh viên quốc tế;
- » Phổ thông;
- » Đào tạo cho Doanh nghiệp.

NĂNG LỰC VÀ VỊ THẾ

- » Trường đại học đầu tiên của Việt Nam được QS Stars (Anh) xếp hạng 5* về Chất lượng giảng dạy và 4* về Tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp;
- » Đang đào tạo khoảng **17.000 sinh viên, học viên**;
- » **98%** sinh viên ra trường có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON
VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON



Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của FPT (%)
>1 CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT	Tầng 6-12, Tòa nhà FPT phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm	520.000.000.000	100
>2 CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT	Tầng 20-22: Tòa nhà văn phòng Keangnam, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống	850.000.000.000	100
>3 CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT	Tầng 1, Tòa nhà FPT phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ internet băng rộng, kênh thuê riêng, trung tâm dữ liệu, voice, dịch vụ truyền hình, và các dịch vụ trực tuyến khác	1.246.198.090.000	45,64
>4 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT	408 Điện Biên Phủ, P. 11, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến	140.853.360.000	51,95
>5 CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC FPT	Tòa nhà DETECH, 8 Tôn Thất Thuyết, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ.	250.000.000.000	100



>6 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT	Tầng 2, tòa nhà Zodiac, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính.	600.000.000.000	100
>7 CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT	261 Khánh Hội, P. 5, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông.	151.298.200.000	84,27
>8 CÔNG TY ĐẦU TƯ FPT	Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư của FPT.	600.000.000.000	100

CÔNG TY LIÊN KẾT



>1 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán	733.323.900.000	20
>2 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT	Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý Quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác	110.000.000.000	25

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch HĐQT

Ông tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, ĐH Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982. Năm 1991, ông được nhà nước công nhận danh hiệu Phó Giáo sư.

Năm 2013, ông được Tập đoàn truyền thông Nikkei, Nhật Bản trao giải thưởng Nikkei Asia vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam.

Sáng lập ra FPT năm 1988, trong suốt quá trình phát triển của FPT, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng vượt bậc của FPT.

BÙI QUANG NGỌC

Thành viên sáng lập,
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, ĐHTT Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986.

Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của FPT, luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

Ông là nhà quản trị xuất sắc của FPT. Ông là chuyên gia hàng đầu về CNTT của FPT từ những năm 1990 và được bình chọn là một trong 10 lãnh đạo CNTT (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương (năm 2005).

ĐỖ CAO BẢO

Thành viên sáng lập,
Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984.

Từ năm 1994, với vai trò lãnh đạo cao nhất của FPT IS, ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và liên tục dẫn đầu thị trường Tích hợp hệ thống, Phát triển phần mềm và Dịch vụ CNTT tại Việt Nam.

Hiện ông là Chủ tịch FPT IS, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng FPT, Phó Chủ tịch Hiệp hội An toàn Bảo mật thông tin Việt Nam khóa 1 (2008 - 2012), Ủy viên Ban chấp hành Hội Tin học Việt Nam khóa 6 (2007 - 2011) và khóa 7 (2011 - 2014).



Năm 2014, cơ cấu thành viên HĐQT FPT có một số thay đổi. HĐQT đã phê duyệt đơn từ nhiệm của ông Trương Đình Anh và bà Lê Nữ Thùy Dương. Tiếp đó, với định hướng bổ sung thêm những thành viên HĐQT có uy tín và kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực CNTT – Viễn thông để thúc đẩy chiến lược Toàn cầu hóa của công ty, HĐQT đã phê duyệt bổ nhiệm tạm thời ông Tomokazu Hamaguchi, Chủ tịch Hiệp hội Dịch vụ Công nghệ Thông tin Nhật Bản và ông Dan E Khoo, Chủ tịch Danh dự của Liên minh Công nghệ Thông tin Thế giới vào vị trí Ủy viên HĐQT độc lập của FPT.



LÊ SONG LAI

Ủy viên HĐQT
Không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Luật tại Trường ĐH Quốc gia Hà Nội năm 1998 và Trường ĐH Tổng hợp Cambridge (Anh) năm 1999.

Ông hiện đang là Phó TGD Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC).

Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017. Hiện SCIC nắm giữ 6,05% cổ phiếu FPT (Chốt danh sách ngày 26/02/2015).

JEAN-CHARLES BELLIOU

Ủy viên HĐQT
Không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Ecole Supérieure de Commerce de Reims (Pháp).

Ông Jean-Charles đã làm việc ở Việt Nam 13 năm. Ông từng là TGD một ngân hàng nổi tiếng của Pháp tại Việt Nam và là chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng với 24 năm kinh nghiệm về tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án.

Hiện, ông là Tham tán Thương mại Pháp, Trưởng đại diện của Trí Tín International Hà Nội (TTI).

Ông được Red River Holdings đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017. Hiện Red River Holdings nắm giữ 5,73% cổ phiếu FPT (Chốt danh sách ngày 26/02/2015).

TOMOKAZU HAMAGUCHI

Ủy viên HĐQT
Độc lập

Ông được biết đến là một "cây đa cây đề" trong lĩnh vực CNTT với trên 40 năm kinh nghiệm.

Ông là nguyên Chủ tịch kiêm CEO của NTT Data - Công ty Dịch vụ CNTT lớn thứ 6 toàn cầu. NTT Data trực thuộc NTT Group của Nhật Bản, tập đoàn đứng thứ 32 trong danh sách 500 công ty lớn nhất thế giới của Fortune (Fortune Global 500) năm 2013. Hiện nay, ông Tomokazu Hamaguchi đang là cố vấn cao cấp cho công ty này và là Chủ tịch Hiệp hội Dịch vụ Công nghệ Thông tin Nhật Bản (JISA).

Ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập tạm thời tại FPT từ tháng 10/2014 với vai trò tư vấn, chỉ đạo thực hiện chiến lược toàn cầu hóa của Tập đoàn; tư vấn chiến lược của Tập đoàn tại thị trường Nhật Bản.

DAN E KHOO

Ủy viên HĐQT
Độc lập

Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại các tổ chức công nghệ uy tín trên thế giới như: Chủ tịch Tổ chức Công nghệ Thông tin Đông Nam Á (SITO); chủ tịch Tổ chức Công nghệ Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO).

Ông hiện đang là Chủ tịch danh dự của Liên minh Công nghệ Thông tin Thế giới (WITSA).

Ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập tạm thời từ tháng 11/2014 với vai trò hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chiến lược toàn cầu hóa của Tập đoàn; tư vấn chiến lược và hoạt động của Tập đoàn tại các quốc gia đang phát triển.

BAN ĐIỀU HÀNH



BÙI QUANG NGỌC
Tổng Giám đốc

Ông là một trong 13 thành viên sáng lập của FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các CTTV quan trọng như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Ông là nhà quản trị xuất sắc của FPT. Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của FPT, luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

Tháng 8/2013, ông được HĐQT bổ nhiệm làm TGD FPT nhằm tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD theo chuẩn mực quản trị hiện đại và giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.



CHU THỊ THANH HÀ
Phó Tổng Giám đốc

Bà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2006.

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Tham gia FPT Telecom từ ngày đầu thành lập, bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Media (2003); PTGD FPT Telecom (2005); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009).

Hiện bà còn là Chủ tịch HĐQT FPT Telecom và FPT Retail.



NGUYỄN THẾ PHƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Ông tốt nghiệp ĐH Ngoại thương năm 1999.

Ông gia nhập FPT tháng 8/2000 và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính, kế toán FPT theo chuẩn quốc tế.

Gần 15 năm qua, với việc đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong lĩnh vực: tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho FPT.

Hiện, ông còn là GD Tài chính FPT.



NGUYỄN LÂM PHƯƠNG
Giám đốc Công nghệ

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Ngành Kỹ thuật hệ thống, trường ĐH Năng lượng Matxcova (Nga) năm 1991 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2002.

Gia nhập FPT từ năm 1991, ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như: GD Công ty FPT Software toàn cầu, PTGD Công ty FPT IS, kiêm nhiệm GD Trung tâm Phát triển Thương mại toàn cầu thuộc FPT IS HCM, PTGD phụ trách Công nghệ FPT Software.

Hiện, ông còn là Chủ tịch Hội đồng Công nghệ FPT.



DƯƠNG DŨNG TRIỀU
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Toàn cầu hóa

Ông tốt nghiệp ĐH Bách Khoa năm 1995

Ông gia nhập FPT năm 1995 và là người có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý triển khai các dự án CNTT lớn của FPT trong lĩnh vực ngân hàng, viễn thông, thuế tại thị trường trong nước và nước ngoài.

Từ năm 2010-2014, trong vai trò Tổng Giám đốc FPT IS, ông đã có những đóng góp quan trọng đưa FPT IS trở thành tổng thầu của nhiều dự án CNTT lớn như dự án Ứng dụng Quản lý Thuế thu nhập cá nhân (PIT) cho ngành Thuế, dự án ERP (Enterprise Resource Planning - Quản lý nguồn lực doanh nghiệp) cho Tập đoàn Petrolimex, dự án Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam...

Từ tháng 5/2014, ông chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Phụ trách toàn cầu hóa.



NGUYỄN KHẮC THÀNH
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Nguồn lực
Toàn cầu hóa

Ông gia nhập FPT năm 1991 và đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Đơn vị Sản xuất phần mềm của FPT, trực tiếp tham gia đảm bảo nguồn nhân lực cho mảng xuất khẩu phần mềm.

Từ năm 1999-2004, ông đảm nhận vị trí Giám đốc Trung tâm đào tạo lập trình viên quốc tế, theo mô hình franchise của Aptech (Ấn Độ). Ông đã đưa FPT Aptech trở thành đơn vị đào tạo lập trình viên quốc tế số 1 tại Việt Nam. Ông là một trong những thành viên sáng lập ra Đại học FPT và là người có những đóng góp quan trọng trong việc từng bước mở rộng các ngành đào tạo, phát triển thành trường Đại học FPT và các bậc đào tạo trong lĩnh vực giáo dục của FPT như hiện nay.

Từ tháng 5/2014, ông chính thức đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Nguồn lực toàn cầu hóa.



Nhằm góp phần thúc đẩy việc thực thi chiến lược toàn cầu hóa và Chương trình “Quy hoạch và Luân chuyển lãnh đạo FPT”, HĐQT FPT đã thông qua Nghị quyết về việc bổ nhiệm ông Dương Dũng Triều làm Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Toàn cầu hóa và ông Nguyễn Khắc Thành làm Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Nguồn lực Toàn cầu hóa.

BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VIỆT THẮNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông là Tiến sĩ Kinh tế. Ông tốt nghiệp ĐH Thương mại Hà Nội năm 1989 và là Thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, ĐH Rushmore University (Mỹ) năm 2006.

Từ năm 1997, ông làm việc tại Khoa Quản trị Kinh doanh, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Từ 13/10/2009, ông là Hiệu phó ĐH FPT kiêm Viện trưởng Viện Quản trị Kinh doanh (FSB).

Ông là thành viên Ban Kiểm soát FPT từ năm 2008 và được bầu làm Trưởng Ban kể từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2012.

NGUYỄN KHẢI HOÀN
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Học viện Tài chính (Nga) năm 1999 và là Tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học (Nga) năm 2003.

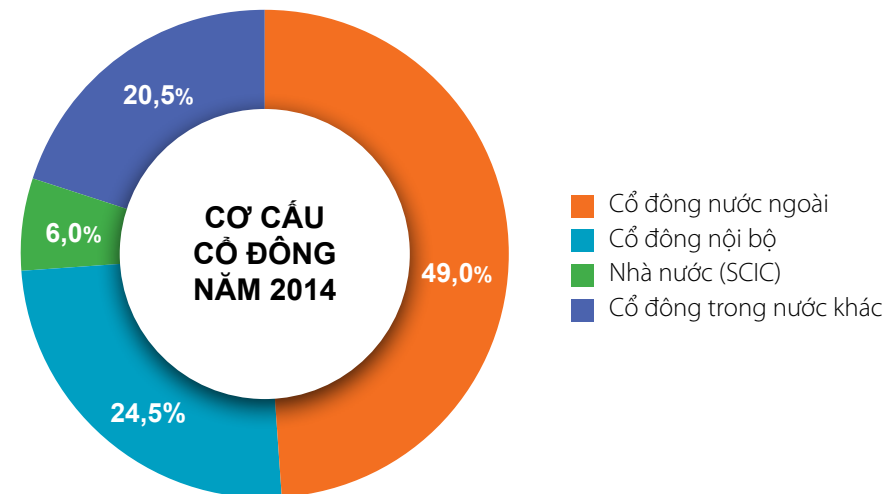
Năm 2003, ông gia nhập FPT. Từ năm 2005 đến 2010, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng FPT Software. Từ ngày 1/1/2011, ông được bổ nhiệm là Phó TGD Phụ trách Tài chính FPT Software.

CAO DUY HÀ
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Cử nhân danh dự chuyên ngành Kinh tế, ĐH New South Wales (Úc) và Cử nhân chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng trường ĐH Newcastle (Úc). Ông đang là ứng cử viên trình độ III, chương trình CFA.

Hiện nay, ông là Phó phòng, Ban Kế hoạch Tổng hợp SCIC. Ông tham gia HĐQT và BKS một số công ty trong danh mục SCIC quản lý như: Trưởng BKS Công ty CP giống và cây trồng trung ương (NSC) nhiệm kỳ 2012-2017, thành viên BKS FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017.

THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN

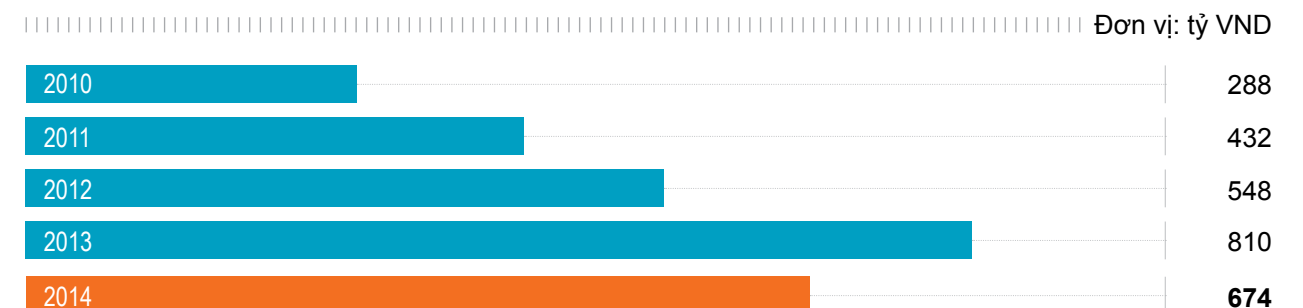


Tính đến ngày 31/12/2014

Vốn điều lệ của Công ty	3.439.766.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	343.976.600 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	343.894.224 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	82.376 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC TỪ NĂM 2010 - 2014

CỔ TỨC TIỀN MẶT



Lưu ý: Cổ tức tiền mặt được tính theo tỷ lệ cổ tức tiền mặt được ĐHĐCĐ phê duyệt cho năm đó. Ví dụ, năm 2013, mức cổ tức 810 tỷ đồng được tính dựa trên tỷ lệ cổ tức 3.000 VND/cổ phiếu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

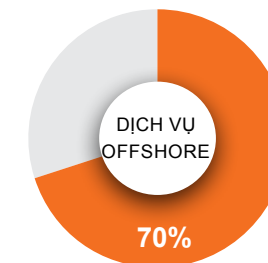
Năm 2015, Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 6,2%. Các định chế tài chính cũng dự báo GDP năm 2015 ở mức quanh 6%, cao hơn tăng trưởng GDP năm 2014. Diễn biến chỉ số PMI trong năm 2014 cho thấy nền sản xuất có dấu hiệu mở rộng trở lại. Các chỉ số trên, kèm kỳ vọng tín dụng năm 2015 tăng trưởng tốt ở mức 13 – 15% cho thấy nền kinh tế được kỳ vọng sẽ cải thiện so với năm 2014.

TRIỂN VỌNG NGÀNH VÀ CƠ HỘI CHO FPT

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU MỞ RA CƠ HỘI LỚN



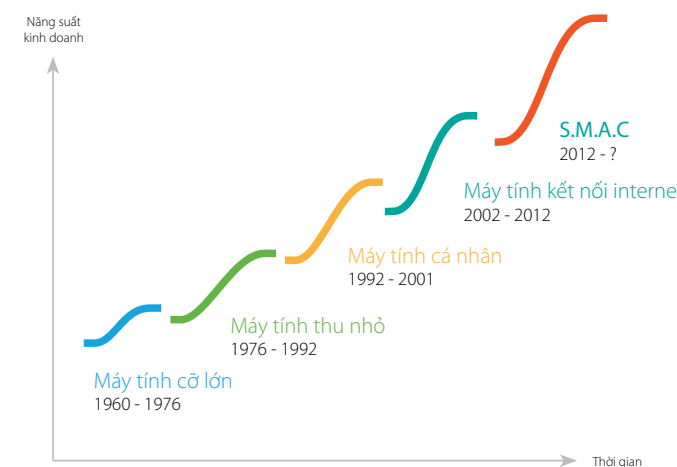
XU HƯỚNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ OFFSHORE TRÊN THẾ GIỚI VÀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA VIỆT NAM



70% CÁC CIO ĐƯỢC HỎI CHO BIẾT HỌ SẼ THAY ĐỔI CÔNG NGHỆ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ OUTSOURCING TRONG VÒNG 2 - 3 NĂM TỚI.

Theo khảo sát được coi là lớn nhất toàn cầu hiện nay do Gartner thực hiện với sự tham gia của 2.399 Giám đốc CNTT (CIO) trên 77 quốc gia toàn thế giới, 70% các CIO được hỏi cho biết họ sẽ thay đổi công nghệ và nhà cung cấp dịch vụ ủy thác chức năng CNTT trong vòng 2-3 năm tới do một số các yếu tố, trong đó "giá và cấu trúc giá" là yếu tố được chọn nhiều nhất với 55% lựa chọn.

Theo thống kê của A.T.Kearney trong chỉ số xếp hạng Các điểm đến ủy thác phần mềm toàn cầu, Việt Nam được điểm cao nhất về độ hấp dẫn về tài chính (xét trên các tiêu chí như Chi phí nguồn nhân lực, Chi phí hạ tầng (chi phí thuê đất, điện, viễn thông, đi lại) và các chi phí về thuế và pháp lý).

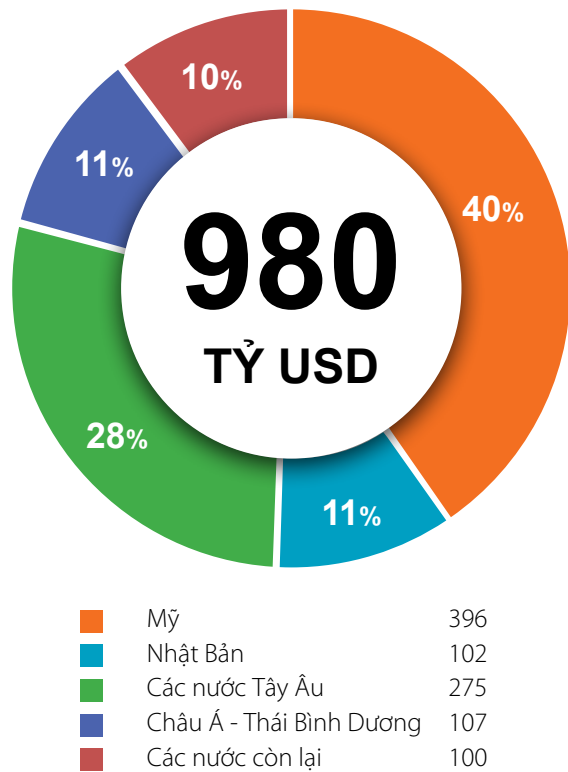


Các đợt sóng công nghệ lớn trên thế giới (Nguồn: Cognizant)



XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ MỚI S.M.A.C MỞ RA NHIỀU CƠ HỘI LỚN

Gartner và IDC đều thống nhất ở chung một điểm: nền tảng CNTT mới, pha trộn giữa 4 xu hướng S.M.A.C, bắt đầu từ năm 2012, đã và đang nhanh chóng thay đổi cách thức con người kinh doanh trong vòng 5-10 năm tới. Sự xuất hiện của các nền tảng công nghệ mới S.M.A.C được xem như sẽ một lần nữa đưa các công ty công nghệ về cùng điểm xuất phát, và điều này được kỳ vọng sẽ tạo ra cơ hội cho những quốc gia đi sau trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ ủy thác dịch vụ CNTT (IT Outsourcing).

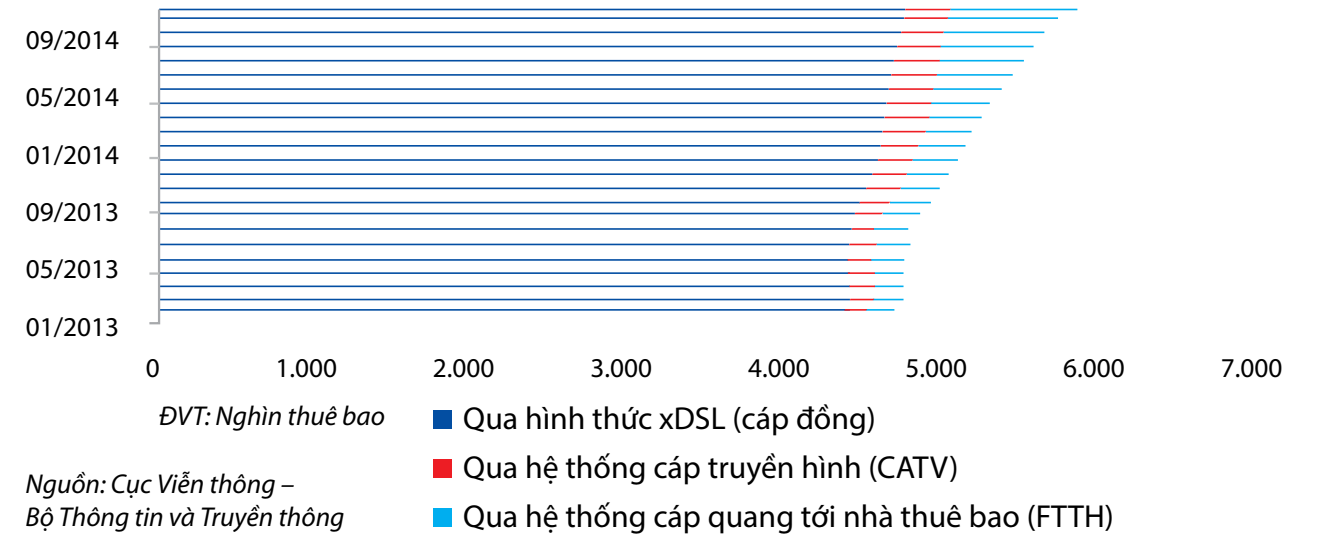


QUY MÔ THỊ TRƯỜNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA FPT

Theo báo cáo Dự báo Dịch vụ CNTT Toàn cầu, 2012 – 2018 (Forecast: IT Services, Worldwide, 2012 – 2018) của Gartner, tổng mức chi cho CNTT thế giới được ước tính vào khoảng 980 tỷ USD vào năm 2015, trong đó riêng chi cho Ủy thác dịch vụ CNTT (IT Outsourcing – ITO) là 299 tỷ USD.

Mỹ - như thường lệ - vẫn là thị trường có mức chi cho ITO lớn nhất (xấp xỉ 396 tỷ USD), tiếp đến là thị trường Nhật Bản với 102 tỷ USD. Nhóm các quốc gia Tây Âu có tổng mức chi cho ITO ước tính vào khoảng 275 tỷ USD. Nhóm các nước châu Á – Thái Bình Dương ước tính chi tiêu cho ITO đạt khoảng 107 tỷ USD.

Số lượng thuê bao internet cố định của Việt Nam theo các hình thức truy cập (T1/2013 - T12/2014)



Nguồn: Cục Viễn thông – Bộ Thông tin và Truyền thông

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG CNTT-VT TRONG NƯỚC

THỊ TRƯỜNG TÍCH HỢP HỆ THỐNG VÀ GIẢI PHÁP PHẦN MỀM - KỶ VỌNG TỪ MÔ HÌNH MỚI

Thị trường CNTT Việt Nam được kỳ vọng sẽ có những chuyển biến tích cực hơn trong năm 2015 so với những năm gần đây. Nền kinh tế có những dấu hiệu hồi phục, doanh nghiệp bắt đầu chi tiêu trở lại. Khối khách hàng các cơ quan nhà nước cũng đón nhận tín hiệu tích cực khi Thủ tướng Chính phủ chính thức ký ban hành Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước. Quyết định có hiệu lực thi hành từ 15/02/2015. Mô hình thuê dịch vụ CNTT

là một mô hình mới trong lĩnh vực CNTT tại Việt Nam, theo đó thay vì các cơ quan nhà nước phải bỏ tiền đầu tư, xây dựng, vận hành các dự án CNTT thì giờ đây vai trò đó sẽ do các nhà cung cấp dịch vụ CNTT đảm nhận. Các cơ quan nhà nước sẽ trả chi phí thuê theo định kỳ thay vì phải bỏ toàn bộ số tiền đầu tư ngay từ đầu. Mô hình này được kỳ vọng sẽ giúp giảm ngân sách đầu tư nhà nước (hàng năm), trong khi các cơ quan nhà nước vẫn tăng được tốc độ ứng dụng CNTT, tăng năng suất lao động.

THỊ TRƯỜNG VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH - FTTH TĂNG TRƯỞNG MẠNH

Tỷ lệ hộ gia đình dùng dịch vụ internet cố định tại Việt Nam ước tính vào khoảng 25-30%, thấp hơn mức trung bình của các nước đang phát triển (31%), mức trung bình của châu Á – Thái Bình Dương (36%), châu Âu (78%) và châu Mỹ (57%), chỉ cao hơn mức trung bình của châu Phi cho thấy Việt Nam còn nhiều tiềm năng phát triển. Theo thống kê của Cục viễn thông, Bộ Thông tin Truyền thông, tính tới tháng 12/2014, cả nước có hơn 5,7 triệu thuê bao internet cố định, tăng 16% so với thời điểm cùng kỳ năm 2013, trong đó loại hình cáp quang tới hộ gia đình (FTTH) có mức tăng trưởng mạnh nhất với mức tăng 189% so với cùng kỳ. Xu hướng chuyển dịch sang sử dụng dịch vụ trên cáp quang đang trở nên rõ ràng do nhu cầu về băng thông, đặc biệt tại các thành phố lớn tăng lên với sự xuất hiện của các loại hình dịch vụ chiếm nhiều băng thông như phim (đặc biệt là các phim chất lượng HD), ảnh, dịch vụ lưu trữ,... và do chi phí triển khai dịch vụ cáp quang thấp hơn đáng kể so với trước đây.

THỊ TRƯỜNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG, SẢN PHẨM CNTT - ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH ĐƯỢC KỶ VỌNG TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG TỐT

Theo dự báo của IDC, năm 2015, dòng sản phẩm duy nhất dự kiến tiếp tục tăng trưởng là các sản phẩm điện thoại thông minh và máy tính cá nhân di động (ví dụ máy tính bảng, phablet) với dự kiến tăng trưởng 20%. Dự báo này cũng phù hợp với xu hướng trong các năm gần đây và cho thấy xu hướng dịch chuyển sang các sản phẩm di động vẫn đang được các chuyên gia đánh giá sẽ còn tiếp diễn. Tuy nhiên, thị trường máy tính để bàn tại Việt Nam dự kiến không tăng về số lượng và giảm khoảng 5% về giá trị, trong đó sức cầu dự kiến giảm mạnh nhất từ khối khách hàng cá nhân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Máy tính xách tay (laptop) dự kiến giảm khoảng 4% về sản lượng và giảm 10% về giá trị, trong đó các khối khách hàng chính là cá nhân, chính phủ và doanh nghiệp đều được dự báo có mức tiêu thụ giảm.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2015 – 2017



TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ TRIỂN VỌNG CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA FPT NHƯ TRÊN, HĐQT ĐỀ RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CHO GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 NHƯ SAU:

+40%
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU TOÀN CẦU HÓA MỖI NĂM

2.000
ĐÀO TẠO THÊM KỸ SƯ CẦU NỐI TẠI NHẬT BẢN TỪ NĂM 2015 – 2017

S.M.A.C

+70%
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU MỖI NĂM NHỜ ÁP DỤNG S.M.A.C MỖI NĂM

100%
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU MỖI NĂM TỪ CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ/GIẢI PHÁP TRÊN NỀN CÔNG NGHỆ S.M.A.C (SMART) TRÊN PHẠM VI TOÀN CẦU

>20 TRIỆU USD
02 HỢP ĐỒNG/NĂM CÓ QUY MÔ DOANH SỐ TRÊN 20 TRIỆU USD

HƯỚNG TỚI TẬP ĐOÀN TOÀN CẦU

FPT kỳ vọng doanh thu toàn cầu hóa lớn hơn doanh thu trong nước, có tỷ lệ nhân viên và lãnh đạo người nước ngoài đáng kể, có mặt trên khắp các châu lục với một số mục tiêu cụ thể như sau:

- » Tăng trưởng doanh thu toàn cầu hóa đạt tốc độ 40%/năm;
- » Tỷ lệ nhân viên người nước ngoài chiếm 10% tổng số nhân viên vào năm 2017;
- » Hoạt động M&A dự kiến sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong định hướng chiến lược Toàn cầu, với mục tiêu hoàn thành 1-2 thương vụ mua bán sáp nhập công ty con của những Tập đoàn hàng đầu, ưu tiên các lĩnh vực Hạ tầng công ích, Viễn thông, Ngân hàng, Thương mại, Sản xuất;
- » Đào tạo 2.000 kỹ sư cầu nối tại Nhật Bản từ năm 2015 – 2017.

TRỞ THÀNH CÔNG TY SỐ 1 VỀ S.M.A.C

FPT mong muốn đi tiên phong trong cuộc cách mạng SMART thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ S.M.A.C vào các hoạt động quản trị và kinh doanh của mình và cung cấp dịch vụ mới cho khách hàng.

Một số mục tiêu cụ thể:

- » Tốc độ tăng trưởng doanh thu nhờ áp dụng S.M.A.C vào hoạt động kinh doanh đạt 70%/năm;
- » Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ cung cấp các dịch vụ/giải pháp trên nền công nghệ S.M.A.C (SMART) cho khách hàng trên phạm vi toàn cầu đạt 100%/năm;
- » Chuyển đổi tối đa hệ thống thông tin của FPT lên nền tảng S.M.A.C.

MỞ RỘNG QUY MÔ CÁC HỢP ĐỒNG

FPT mong muốn thay đổi vượt bậc về quy mô kinh doanh thông qua những hợp đồng cung cấp giải pháp, dịch vụ trọn gói với quy mô lớn và dài hạn.

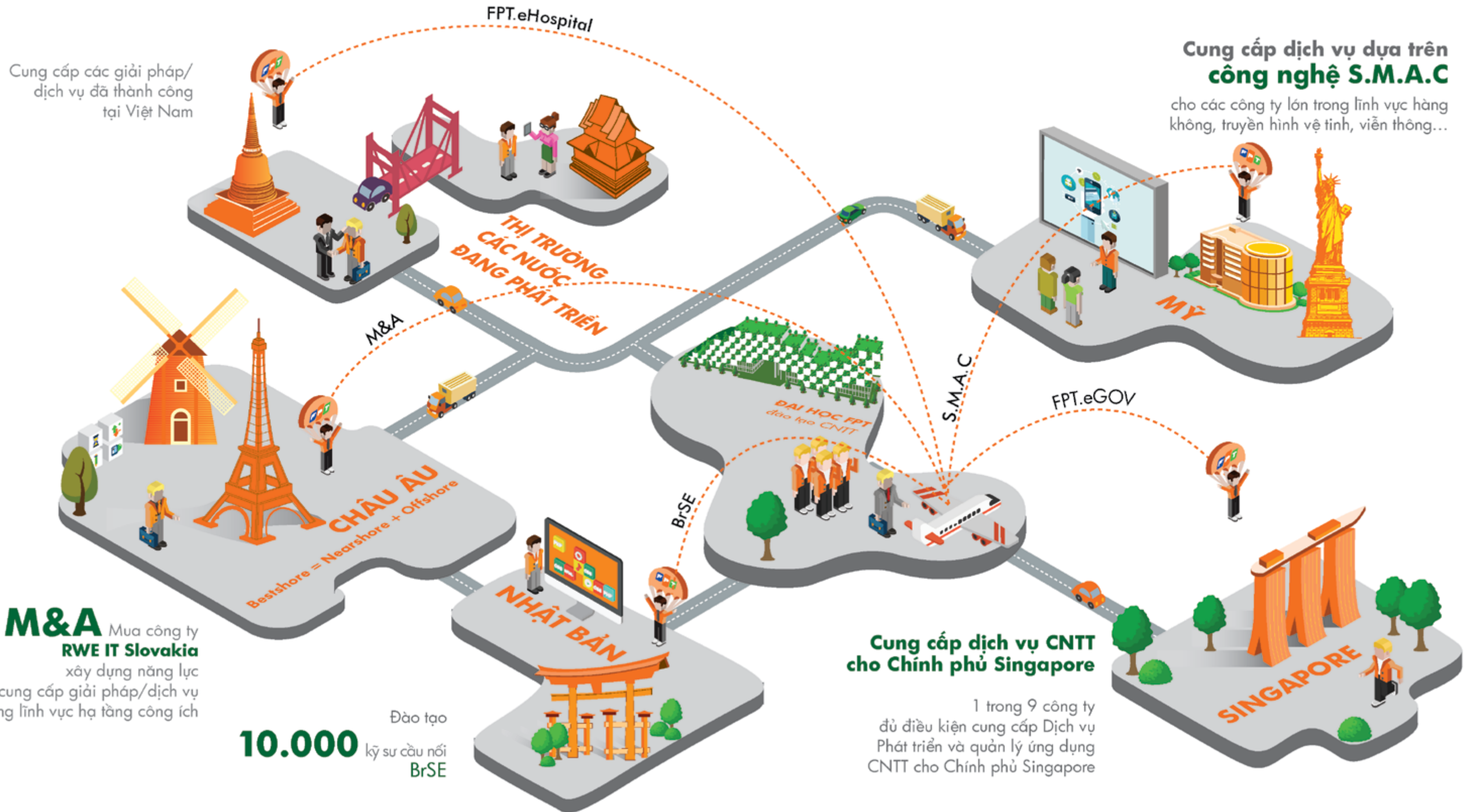
Một số mục tiêu cụ thể:

- » 02 hợp đồng/năm có quy mô doanh số trên 20 triệu USD;
- » Nâng cấp hoặc xây dựng mới mỗi năm 01 giải pháp và dịch vụ kèm theo đạt quy mô hợp đồng 10 triệu USD;
- » Mỗi năm thêm 02 khách hàng ủy thác dịch vụ CNTT có doanh thu trên 5 triệu USD/năm.

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năng lực chuyên sâu tại thị trường nước ngoài

Tại các thị trường trọng điểm, FPT đã xây dựng được những năng lực chuyên sâu phù hợp để tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt, đẩy nhanh tốc độ chiếm lĩnh thị trường và quy mô tăng trưởng.



35.130

TỶ ĐỒNG

DOANH THU TOÀN TẬP ĐOÀN NĂM 2014, TĂNG TRƯỞNG 23% SO VỚI NĂM 2013

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014

DOANH THU, LÃI GỘP

Doanh thu toàn Tập đoàn năm 2014 đạt 35.130 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với năm 2013.

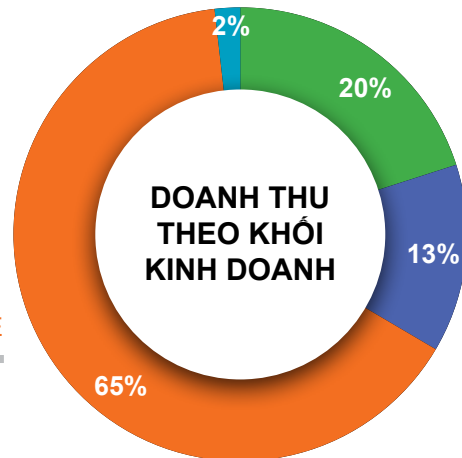
Chiến lược Toàn cầu hóa, dẫn đầu là khối Công nghệ tiếp tục là một động lực tăng trưởng quan trọng của tập đoàn. Kết thúc năm 2014, doanh thu từ toàn cầu hóa tăng 37% so với năm 2013, chiếm 10% doanh thu tập đoàn (năm 2013: chiếm 9%).

Định hướng tăng trưởng thông qua M&A bắt đầu có đóng góp vào tăng trưởng chung. Tháng 06/2014, FPT mua lại công ty RWE IT Slovakia – công ty thành viên chuyên cung cấp dịch vụ CNTT cho công ty mẹ RWE – tập đoàn năng lượng hàng đầu châu Âu – và đổi tên thành FPT Slovakia. Nếu không tính doanh thu hợp nhất từ FPT Slovakia, doanh thu toàn cầu hóa năm 2014 tăng trưởng 30% so với năm trước.

KHỐI GIÁO DỤC VÀ KHÁC

634 TỶ ĐỒNG

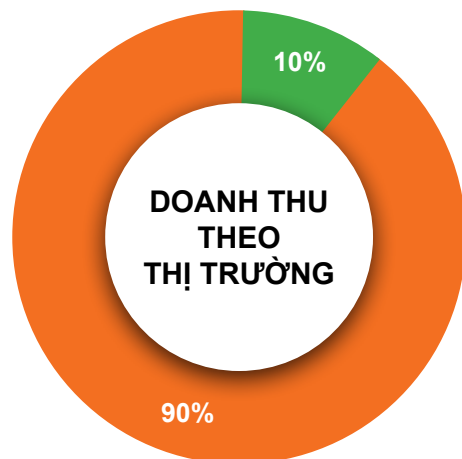
DOANH THU TĂNG 13% SO VỚI NĂM 2013



KHỐI PHÂN PHỐI & BÁN LẺ

22.730 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TĂNG 31% SO VỚI NĂM 2013



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

31.447 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TĂNG 21% SO VỚI NĂM 2013

KHỐI CÔNG NGHỆ

7.038 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TĂNG 8% SO VỚI NĂM 2013

KHỐI VIỄN THÔNG

4.728 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TĂNG 14% SO VỚI NĂM 2013

THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI

3.684 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TĂNG 37% SO VỚI NĂM 2013

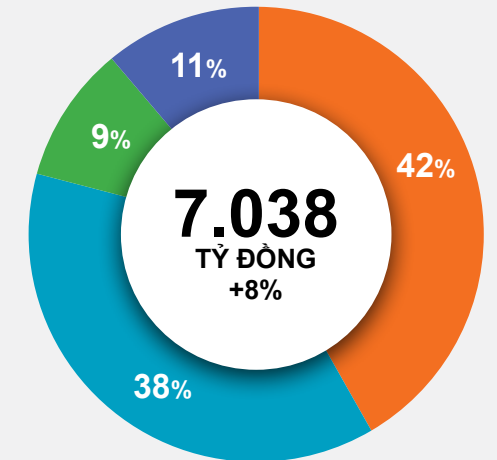


KHỐI CÔNG NGHỆ

Doanh thu tăng 8% so với năm 2013. Xuất khẩu phần mềm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao 36% so với năm trước, tuy nhiên khối kinh doanh dự án CNTT trong nước (bao gồm Giải pháp phần mềm, Tích hợp hệ thống và Dịch vụ CNTT) tiếp tục khó khăn.

Đơn vị: tỷ VND

Phần mềm xuất khẩu	2.928	+36%
Tích hợp hệ thống	2.679	-11%
Giải pháp phần mềm	653	-2%
Dịch vụ CNTT	779	+8%

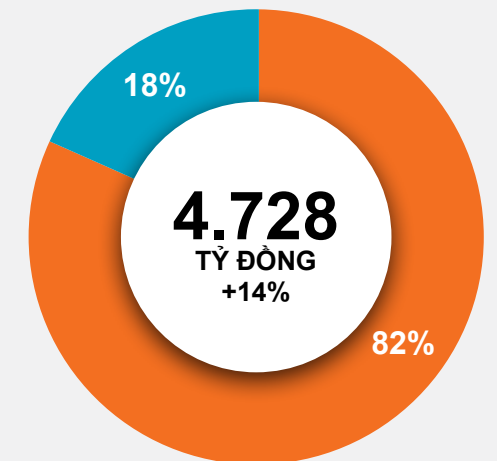


KHỐI VIỄN THÔNG

Mảng kinh doanh tạo ra doanh thu lớn nhất là Dịch vụ viễn thông, chiếm 82% doanh thu khối Viễn thông, tiếp tục tăng trưởng tốt. Lĩnh vực Nội dung số có doanh thu giảm 3% do kết quả giảm sút của mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến. Quảng cáo trực tuyến có doanh thu tăng 7% so với năm 2013, đạt 325 tỷ đồng.

Đơn vị: tỷ VND

Dịch vụ viễn thông	3.876	+19%
Nội dung số	852	-3%

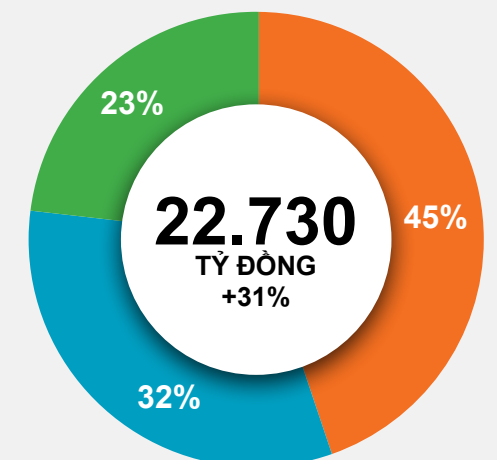


KHỐI PHÂN PHỐI & BÁN LẺ

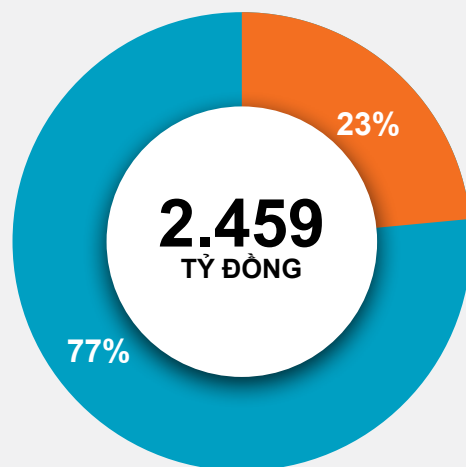
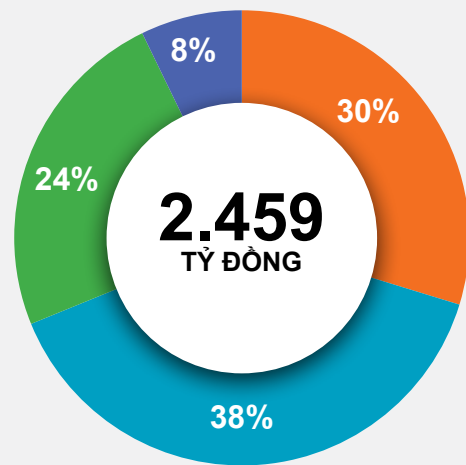
Tăng trưởng mạnh về doanh thu, đạt 22.730 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2013. Cả hai lĩnh vực Phân phối (bán buôn/si) và Bán lẻ đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhờ xu hướng dịch chuyển từ điện thoại phổ thông (feature phone) sang điện thoại thông minh (smart phone) diễn ra mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam và lĩnh vực Bán lẻ tiếp tục nhân rộng quy mô chuỗi cửa hàng.

Đơn vị: tỷ VND

Phân phối mobile	10.210	+19%
Phân phối IT	7.294	+24%
Bán lẻ	5.226	+78%



LỢI NHUẬN



2.459 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TOÀN TẬP ĐOÀN

Lợi nhuận trước thuế toàn tập đoàn đạt 2.459 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ do lợi nhuận từ thị trường trong nước sụt giảm. Lợi nhuận từ thị trường nước ngoài đạt 575 tỷ đồng trong năm 2014, tăng 11% so với cùng kỳ, đóng góp 23% vào tổng lợi nhuận trước thuế (năm 2013: đóng góp 21%).

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO KHỐI KINH DOANH

Đơn vị: tỷ VND

Khối kinh doanh	Giá trị (tỷ VND)	Biến động (%)
Công nghệ	740	-20%
Viễn thông	936	-7%
Phân phối, bán lẻ	589	+46%
Giáo dục & khác	194	+3%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: tỷ VND

Thị trường	Giá trị (tỷ VND)	Biến động (%)
Thị trường nước ngoài	575	+11%
Thị trường trong nước	1.884	-6%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ KHỐI CÔNG NGHỆ

Màng Xuất khẩu phần mềm có lợi nhuận tăng 14%. Tuy nhiên lợi nhuận của khối kinh doanh dự án CNTT trong nước sụt giảm đã ảnh hưởng tới kết quả chung.

Đơn vị: tỷ VND

Loại hình	Giá trị (tỷ VND)	Biến động (%)
Phần mềm xuất khẩu	518	+14%
Tích hợp hệ thống	137	-48%
Dịch vụ CNTT	84	-22%
Giải pháp phần mềm	1	-99%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ KHỐI VIỄN THÔNG

Ghi nhận 936 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Kết quả này thấp hơn 7% so với năm 2013 do chi phí đầu tư cho quang hóa và sự giảm sút của mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến. FPT cũng đã thu hẹp hoạt động kinh doanh này. EBITDA lĩnh vực Dịch vụ viễn thông đạt 1.434 tỷ đồng, tăng 25% trong năm 2014.

Đơn vị: tỷ VND

Loại hình	Giá trị (tỷ VND)	Biến động (%)
Dịch vụ viễn thông	834	0%
Nội dung số	102	-40%

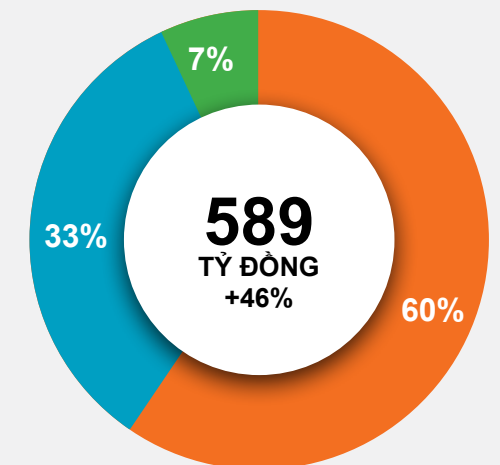
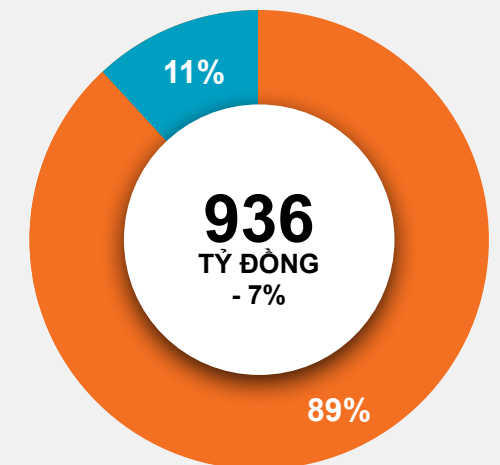
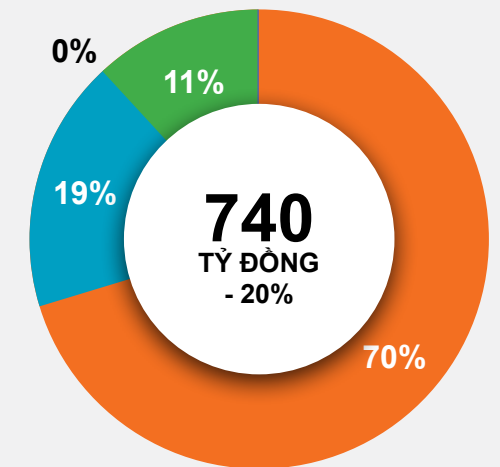


LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ KHỐI PHÂN PHỐI & BÁN LẺ

Lợi nhuận trước thuế tăng mạnh 46% so với năm 2013, trong đó lĩnh vực Phân phối (bao gồm phân phối (bán buôn) các sản phẩm CNTT và điện thoại di động) có lợi nhuận tăng 26% và lĩnh vực Bán lẻ ghi nhận lợi nhuận trước thuế 41 tỷ đồng (năm 2013: lỗ 32 tỷ đồng).

Đơn vị: tỷ VND

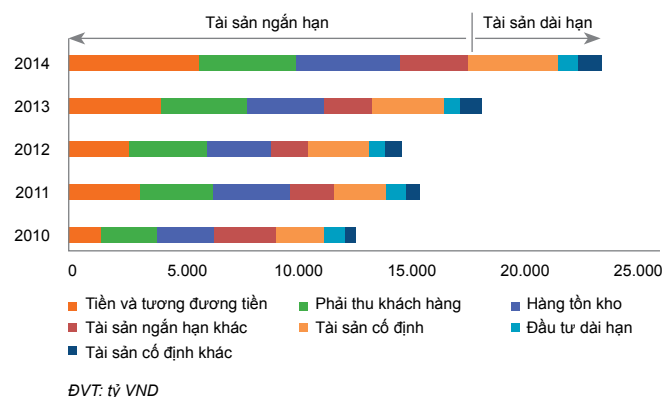
Loại hình	Giá trị (tỷ VND)	Biến động (%)
Phân phối mobile	351	+9%
Phân phối IT	197	+71%
Bán lẻ	41	N/A



22.658 TỶ ĐỒNG

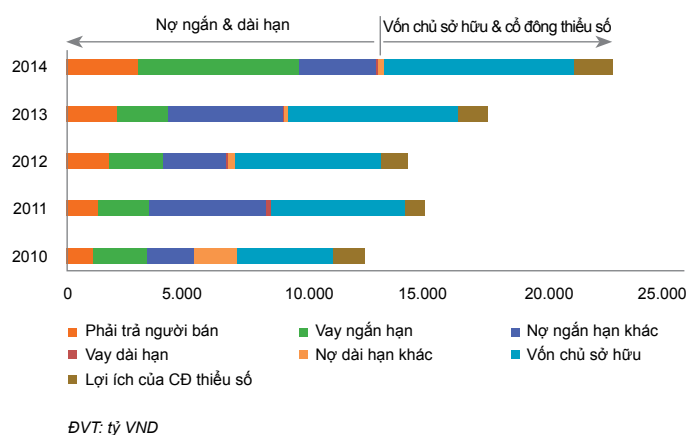
TỔNG TÀI SẢN TOÀN CÔNG TY, TĂNG 29% SO VỚI NĂM TRƯỚC. TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM TỪ 2010 – 2014, TỔNG TÀI SẢN TĂNG TRUNG BÌNH 16%/NĂM

TỔNG TÀI SẢN



Tổng tài sản toàn Công ty tính tới ngày 31/12/2014 là 22.658 tỷ đồng, tăng 29% so với năm trước. Trong giai đoạn 05 năm từ 2010 – 2014, tổng tài sản tăng trung bình 16%/năm. Năm 2014, cơ cấu tài sản không có nhiều biến động so với các năm trước. Tài sản ngắn hạn chiếm 75%, không khác biệt nhiều so với trung bình 05 năm trở lại đây (76%), trong đó tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2014 chiếm tỷ trọng lần lượt là 25%, 18% và 20% tổng tài sản.

TỔNG NGUỒN VỐN



Tại thời điểm 31/12/2014, vốn chủ sở hữu tăng 10% so với thời điểm cùng kỳ năm 2013, chiếm 35% tổng nguồn vốn (trung bình giai đoạn 2009 – 2013: chiếm 37% tổng nguồn vốn).

Tỷ trọng Nợ/Vốn tại thời điểm 31/12/2014 là 1,69 lần (tại 31/12/2013: 1,29 lần). Thay đổi chủ yếu do số dư Nợ ngắn hạn (kỳ hạn vay ngắn dưới 12 tháng) tăng lên so với thời điểm cùng kỳ năm 2013 (do lĩnh vực phân phối và bán lẻ mở rộng quy mô).

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

	Đơn vị: tỷ VND	
	2013	2014
Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.319	2.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.400	1.151
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-1.576	-1.469
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	608	1.903
Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.751	4.336

FPT tiếp tục ghi nhận dòng tiền dương từ hoạt động sản xuất kinh doanh với lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2014 là 1.151 tỷ đồng. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư không khác nhiều so với năm trước do dư lượng tiền từ các năm trước được gửi ngân hàng trong năm 2013 đã được đầu tư vào cơ sở hạ tầng trong năm 2014. Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính tăng từ 608 tỷ đồng trong năm 2013 lên 1.903 tỷ đồng năm 2014 chủ yếu do tăng dư nợ vay ngắn hạn trong các lĩnh vực phân phối và bán lẻ do mở rộng quy mô kinh doanh.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Chỉ Tiêu	2012	2013	2014
1	Hệ số Thanh toán Hiện thời (lần)	1,5	1,4	1,3
2	Hệ số Thanh toán Nhanh (lần)	1,1	1,1	1,0
3	Vay DH/ Vốn CSH (lần)	0,0	0,0	0,2
4	Nợ thuần/ Vốn CSH (lần)	0,0	0,0	0,0
5	Hệ số đảm bảo lãi vay (lần)	11,5	20,0	15,8
6	Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	2.410	1.400	1.151
7	Số dư tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng (tỷ đồng)	2.705	3.963	5.635
8	Nợ thuần (tỷ đồng)	176	259	1.230

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tiếp tục duy trì ở mức dương và lành mạnh với 1.151 tỷ đồng trong năm 2014. Số dư tiền và tương đương tiền (bao gồm tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng) tăng lên 5.635 tỷ đồng tính tới cuối năm, chủ yếu do dư nợ ngắn hạn tăng do tăng trưởng của khối phân phối và bán lẻ. Nợ thuần cũng tăng tương ứng lên 1.230 tỷ đồng, dẫn tới tỷ số Nợ thuần/ Vốn chủ sở hữu tăng lên 0,2 lần, tuy nhiên vẫn ở mức thấp.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

	Chỉ Tiêu	2012	2013	2014
1	Tỷ suất lãi gộp	18,5%	19,3%	17,9%
2	Tỷ trọng chi phí bán hàng & quản lý/Doanh thu	9,7%	11,2%	11,1%
3	EBITDA/Doanh thu	12,0%	10,8%	9,6%
4	Lãi trước thuế/Doanh thu	9,5%	8,8%	7,0%
5	Lãi sau thuế/Doanh thu	7,8%	7,2%	5,9%
6	ROE	32,7%	29,9%	27,1%
7	ROA	13,8%	13,1%	10,7%

Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh có kết quả giảm trong năm 2014 so với năm 2013 chủ yếu do một số nguyên nhân nằm trong kế hoạch ngắn hạn của Công ty: (1) Mảng Xuất khẩu phần mềm chịu ảnh hưởng ngắn hạn của việc gia tăng chi phí phát triển kinh doanh và chi phí M&A RWE IT Slovakia; (2) dự án đầu tư quang hóa trong lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông cũng ảnh hưởng tới lợi nhuận do các chi phí liên quan không được vốn hóa toàn bộ; (3) Doanh thu và lợi nhuận từ lĩnh vực Phân phối & Bán lẻ (hai lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận thấp) tăng trưởng cao hơn các lĩnh vực kinh doanh chính khác cũng khiến tỷ suất lợi nhuận toàn FPT suy giảm. Ngoài ra, lợi nhuận từ khối kinh doanh dự án CNTT trong nước và mảng kinh doanh trò chơi trực tuyến cũng có ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận chung.

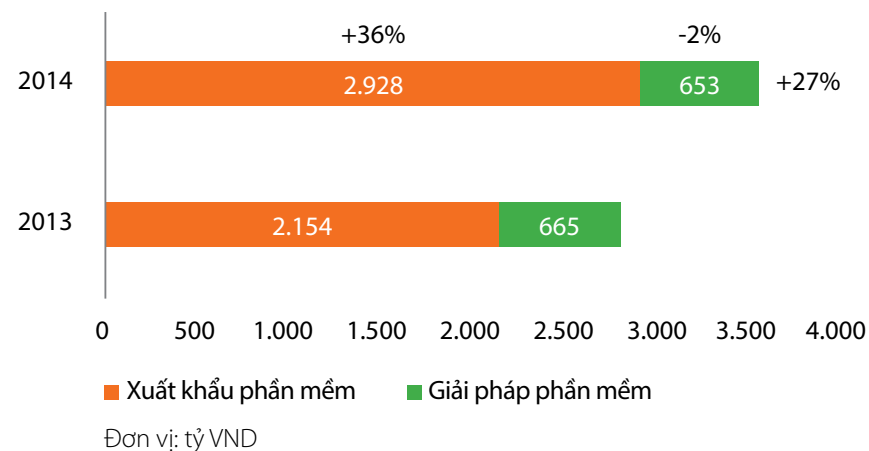
KẾT QUẢ KINH DOANH THEO KHỐI KINH DOANH



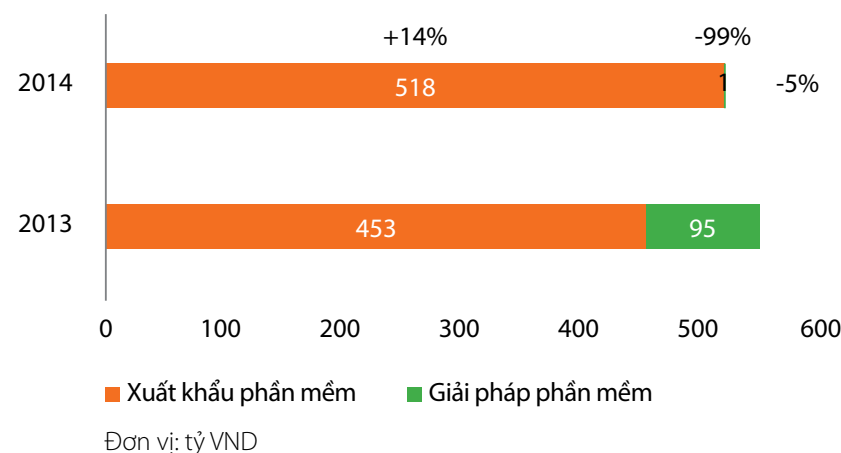
KHỐI CÔNG NGHỆ

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

DOANH THU PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM



LỢI NHUẬN PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM



2.928 TỶ ĐỒNG
DOANH THU XUẤT KHẨU
PHẦN MỀM

Năm 2014, doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm đạt 2.928 tỷ đồng, tương đương 137 triệu USD, tăng trưởng 36% so với năm 2013. Nếu không tính doanh thu của FPT Slovakia, doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm tăng trưởng 26% so với năm 2013.

Doanh thu được đa dạng hóa tốt, nhóm khách hàng lớn nhất tiếp tục duy trì tăng trưởng tốt

Doanh thu Xuất khẩu phần mềm được đa dạng hóa tốt. Top 30 khách hàng lớn chiếm 67% tổng doanh thu lĩnh vực Xuất khẩu phần mềm. Đồng thời, các nhóm khách hàng lớn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2014

MẢNG XUẤT KHẨU PHẦN MỀM

Mảng Xuất khẩu phần mềm kết thúc năm 2014 với kết quả ấn tượng: tăng trưởng 36% về doanh thu với tất cả các thị trường đều tăng trưởng ít nhất 2 chữ số về khối lượng công việc, hoàn tất thương vụ M&A đầu tiên trong lịch sử FPT - mua lại công ty RWE IT Slovakia và ký được hợp đồng có giá trị hàng chục triệu USD trong vòng 5 năm với công ty RWE. Tuyển mới 2.252 người, nâng tổng số nhân viên tại FPT Software lên con số 7.377 người. FPT Software cũng liên tục đạt các giải thưởng uy tín về nhân sự, đứng thứ 2 trong số các công ty phần mềm có môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam theo xếp hạng của Anphabe.

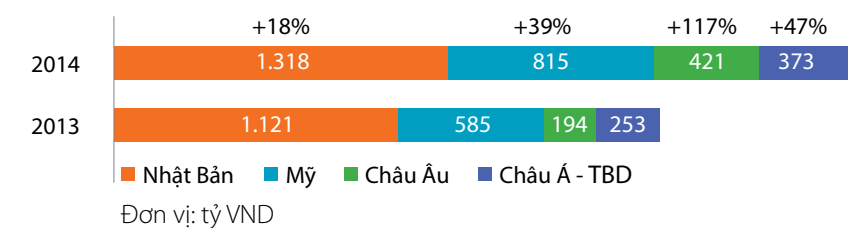
	2013	2014	% Tăng trưởng	% Tổng doanh thu 2014
Top 5 khách hàng	562	757	35%	26%
Top 10 khách hàng	882	1.133	28%	39%
Top 20 khách hàng	1.307	1.633	25%	56%
Top 30 khách hàng	1.530	1.933	26%	67%

Đơn vị: tỷ VND

Tất cả các thị trường đều tăng trưởng ít nhất hai chữ số về khối lượng công việc

Thị trường Nhật Bản – thị trường xuất khẩu phần mềm lớn nhất của FPT tiếp tục tăng trưởng tốt với mức tăng 37% về khối lượng công việc. Doanh thu từ thị trường này đạt 1.318 tỷ đồng, tương đương 62 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ. Chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng về khối lượng công việc và doanh thu (tính theo đồng Việt Nam) chủ yếu do đồng Yên Nhật (JPY) tiếp tục giảm giá 14% trong năm 2014.

DOANH THU XUẤT KHẨU PHẦN MỀM THEO THỊ TRƯỜNG



Thị trường Mỹ tiếp tục tăng trưởng tốt với mức tăng 39%, đạt 815 tỷ đồng, tương đương 38,34 triệu USD, chiếm 28% doanh thu Xuất khẩu phần mềm (năm 2013: 27%).

Thị trường châu Âu tăng trưởng 117% so với năm 2013, đạt 421 tỷ đồng, tương đương 19,8 triệu USD nhờ hợp nhất kết quả kinh doanh của đơn vị mới sáp nhập FPT Slovakia. Nếu loại kết quả của công ty mới sáp nhập, doanh thu từ thị trường châu Âu tăng trưởng 18% so với năm 2013.

Thị trường Châu Á – Thái Bình Dương (APAC) đạt 373 tỷ đồng, tương đương 17,5 triệu USD, tăng trưởng 47% so với năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 14% so với năm 2013

Lợi nhuận trước thuế đạt 518 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2013. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế giảm từ 21% xuống 17,7% trong năm 2014 do chiến lược đầu tư tập trung tăng doanh số, thị phần và chi cho một số khoản mục chi phí mới phát sinh trong năm 2014 như (1) khoản chi một lần duy nhất trong năm 2014 (khoảng 11 tỷ đồng) liên quan đến việc chuyển địa điểm làm việc mới, làng Phần mềm F-Ville tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội; (2) chi phí M&A liên quan đến thương vụ mua lại RWE IT Slovakia. Năm 2014, các khoản chi liên quan tới việc dịch chuyển công việc từ Slovakia về Việt Nam khoảng 25,2 tỷ đồng. Nếu loại hai khoản chi đột biến này trong năm 2014, lợi nhuận trước thuế mảng Xuất khẩu phần mềm tăng 22% so với năm 2013.

653 TỶ ĐỒNG
DOANH THU GIẢI PHÁP PHẦN MỀM

MẢNG GIẢI PHÁP PHẦN MỀM

Mảng Giải pháp phần mềm, trong đó phần lớn doanh thu đến từ thị trường trong nước tiếp tục có một năm kém khả quan. Kết thúc năm 2014, doanh thu đạt 653 tỷ đồng, giảm 2% và lợi nhuận trước thuế đạt 1 tỷ đồng, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này chủ yếu do giá trị hợp đồng từ năm 2013 chuyển sang ít, các hợp đồng trong năm được ký muộn và tăng chi phí đầu tư cho hoạt động toàn cầu hóa trong khi chưa ghi nhận được doanh thu từ các dự án đang trong quá trình triển khai.

Doanh số ký từ thị trường nước ngoài tăng trưởng tốt

Điểm sáng trong hoạt động mảng Giải pháp phần mềm là giá trị hợp đồng mang sang năm 2015 tăng mạnh so với thời điểm cùng kỳ năm trước. Riêng thị trường nước

ngoài, doanh số ký đạt trong năm 2014 tương đương 522 tỷ đồng, tăng 194% so với năm 2013.

Tiên phong cung cấp hệ thống cho khối cơ quan Nhà nước theo mô hình thuê dịch vụ CNTT

Năm 2014 cũng ghi dấu ấn quan trọng khi FPT tiên phong cung cấp dịch vụ CNTT cho khối cơ quan nhà nước theo hình thức thuê ngoài thông qua việc cung cấp Hệ thống Bán vé điện tử cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Kết thúc năm, dự án đã hoàn tất giai đoạn 01 và đang bước vào giai đoạn 02. Tính đến hết ngày 21/12/2014 đã có gần 1,7 triệu lượt truy cập vào website đặt chỗ. Ngày 30/12/2014, Thủ tướng Chính phủ chính thức ký ban hành Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước. Dự án này mở ra một hướng kinh doanh mới cho tập đoàn là cung cấp dịch vụ thuê ngoài trong lĩnh vực CNTT cho các cơ quan nhà nước. Mô hình thuê ngoài dịch vụ CNTT được thử nghiệm thay cho mô hình đầu tư trước đây được kỳ vọng sẽ giúp tháo gỡ phần nào nút thắt về vốn khiến thị trường dự án CNTT tăng trưởng chậm lại trong những năm gần đây.

2.679 TỶ ĐỒNG
DOANH THU TÍCH HỢP HỆ THỐNG

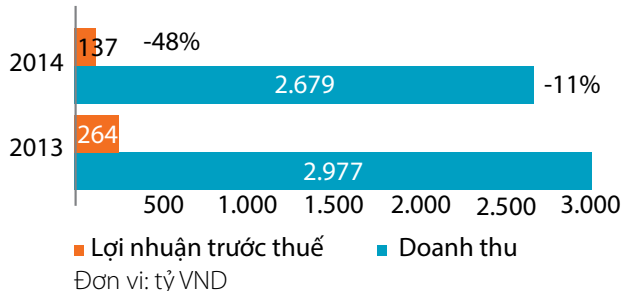
Kết quả năm 2014 suy giảm do thị trường kinh doanh dự án CNTT trong nước tiếp tục khó khăn, kỳ vọng hồi phục trong năm 2015 nhờ giá trị hợp đồng để lại lớn.

LĨNH VỰC TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Ngân sách Nhà nước chi cho CNTT giảm liên tục trong 3 năm qua khiến thị trường thiếu các dự án lớn. Khối Ngân hàng và các doanh nghiệp cũng hạn chế chi tiêu do quá trình tái cơ cấu và kinh tế khó khăn.

Tuy vậy, doanh nghiệp đã bắt đầu chi tiêu trở lại và thị trường bắt đầu tái xuất hiện các hợp đồng lớn trong năm 2014. Điều này cũng phần nào được thể hiện qua doanh số ký (giá trị hợp đồng ký được) và giá trị hợp đồng chuyển sang năm 2015 đều tăng mạnh so với thời điểm cùng kỳ năm trước. Đây là cơ sở để đặt kỳ vọng tăng trưởng trở lại trong năm 2015.

KẾT QUẢ KINH DOANH LĨNH VỰC TÍCH HỢP HỆ THỐNG

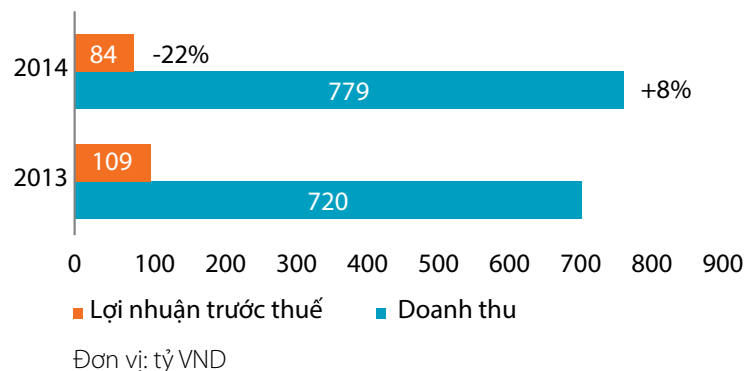


779 TỶ ĐỒNG
DOANH THU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

DỊCH VỤ CNTT

Tương tự như các mảng kinh doanh Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống, mảng Dịch vụ CNTT có phần lớn doanh thu đến từ thị trường trong nước, đặc biệt từ khối khách hàng ngân hàng đang gặp khó khăn, do vậy cũng có kết quả kém khả quan trong năm 2014.

KẾT QUẢ KINH DOANH LĨNH VỰC DỊCH VỤ CNTT



3.876 TỶ ĐỒNG
DOANH THU DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

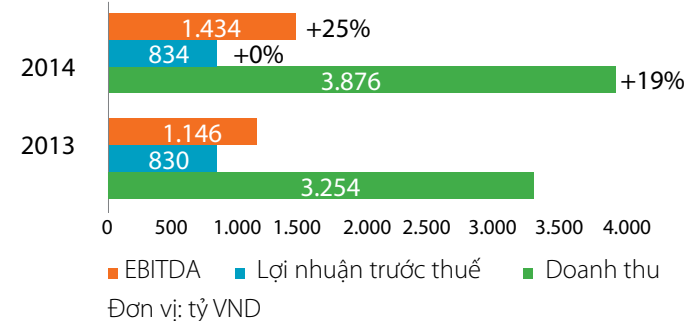
Năm 2014, lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông tiếp tục mở rộng hạ tầng và vùng phủ, hiện diện tại 59/63 tỉnh/thành phố trên cả nước. Kế hoạch quang hóa hạ tầng thực hiện vượt kế hoạch. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ truyền hình trả tiền qua internet (IPTV).

KHỎI VIỄN THÔNG

LĨNH VỰC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Năm 2014, lĩnh vực Dịch vụ viễn thông giữ vững tốc độ tăng trưởng 19%, đạt 3.876 tỷ đồng, tương đương 101% kế hoạch, trong đó mảng kinh doanh internet băng rộng tiếp tục tăng trưởng 21% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 834 tỷ đồng, tương đương mức thực hiện năm 2013, đạt 102% kế hoạch.

KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG



Khối khách hàng cá nhân tiếp tục tăng trưởng tốt, tăng cường phát triển thuê bao kèm theo giới thiệu các dịch vụ gia tăng

852 TỶ ĐỒNG
DOANH THU NỘI DUNG SỐ

Lĩnh vực Nội dung số tiếp tục duy trì vị trí số 1 của báo điện tử VnExpress với 34,5 triệu độc giả thường xuyên, doanh thu quảng cáo trực tuyến tăng 7% so với 2013, doanh thu từ lĩnh vực phát hành trò chơi trực tuyến giảm do thay đổi chiến lược kinh doanh của đơn vị.

LĨNH VỰC NỘI DUNG SỐ

Kết quả suy giảm do thu hẹp kinh doanh mảng Trò chơi trực tuyến

Kết thúc năm 2014, doanh thu lĩnh vực Nội dung số đạt 852 tỷ đồng, giảm 3%, lợi nhuận trước thuế đạt 102 tỷ đồng, giảm 40% so với năm 2013, chủ yếu do mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến có kết quả giảm sút. Mảng Quảng cáo trực tuyến tiếp tục tăng trưởng về cả doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh ngân sách chi cho quảng

Doanh thu kinh doanh internet băng rộng tiếp tục tăng trưởng tốt với mức tăng 21% so với năm 2013, đạt 2.779 tỷ đồng. Với tầm nhìn "mọi dịch vụ trên một kết nối", năm 2014, FPT Telecom đã chính thức giới thiệu dịch vụ Truyền hình và video theo yêu cầu mang tên FPT Play HD. Đây là dịch vụ truyền hình trả tiền dựa trên công nghệ truyền hình qua giao thức internet (IPTV), có thể cung cấp ngay trên sợi cáp quang sẵn có tại nhà khách hàng. Năm 2015, đơn vị sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường, tăng số lượng thuê bao phát triển mới gấp hơn 3 lần so với năm 2014.

Khối khách hàng doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng khả quan

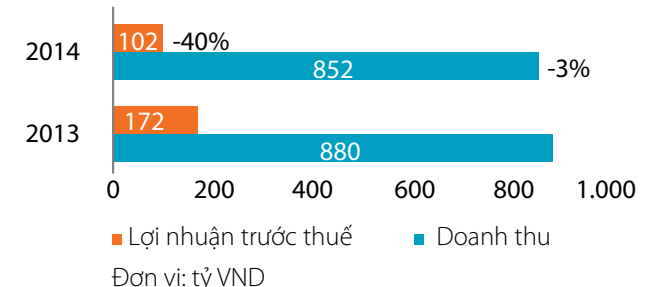
Năm 2014, nền kinh tế trong nước chưa thực sự hồi phục, GDP vẫn nằm trong dải tăng trưởng thấp trong nhiều năm trở lại đây. Tuy vậy, khối khách hàng doanh nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng tương đối khả quan. Kết thúc năm 2014, khối doanh nghiệp đạt doanh thu 1.097 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ, chiếm 28% doanh thu lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông. Trong đó, dịch vụ Kênh thuê riêng (leased-line) tiếp tục tăng trưởng tốt với mức tăng 15%. Dịch vụ Trung tâm dữ liệu (Data centre), dịch vụ Tên miền (domain hosting) tăng trưởng chậm do các trung tâm dữ liệu đã chạy hết công suất. Năm 2015, FPT Telecom sẽ đầu tư nâng cấp mở rộng 02 trung tâm dữ liệu tại Cầu Giấy (Hà Nội) và Khu chế xuất Tân Thuận (TP. HCM), tạo tiền đề tăng trưởng cho 2016.

Lợi nhuận đi ngang do hạch toán chi phí của dự án quang hóa

Theo kế hoạch năm 2014 được HĐQT phê duyệt, FPT Telecom đã thực hiện việc chuyển đổi hạ tầng cho khách hàng từ cáp đồng sang cáp quang tại các thành phố lớn. Chi phí quang hóa khiến lợi nhuận trước thuế bị ảnh hưởng. Lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay (EBITDA) năm 2014 đạt 1.434 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2013.

cáo trực tuyến có xu hướng giảm do kinh tế chưa khởi sắc. Năm 2015, FPT sẽ tập trung duy trì thương hiệu Publisher (nhà phát hành quảng cáo) hàng đầu Việt Nam, đồng thời mở rộng danh mục thương hiệu báo chí và xây dựng các nội dung cho di động. Bên cạnh đó, FPT sẽ đẩy mạnh áp dụng các xu hướng công nghệ S.M.A.C vào hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm tăng chất lượng tin tức, chất lượng dịch vụ và tăng cường tính tương tác với các đối tượng liên quan.

KẾT QUẢ KINH DOANH NỘI DUNG SỐ





KHÔI PHÂN PHỐI & BÁN LẺ

Khôi Phân phối và Bán lẻ có kết quả ấn tượng trong năm 2014. Doanh thu toàn khối đạt 22.730 tỷ đồng, tăng 31% và lợi nhuận trước thuế đạt 589 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2013

17.504

TỶ ĐỒNG
DOANH THU PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VÀ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

LĨNH VỰC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VÀ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Lĩnh vực Phân phối sản phẩm công nghệ có kết quả ấn tượng trong bối cảnh một số ngành hàng chính trên thị trường tiếp tục suy giảm. Doanh thu phân phối tăng 21% so với năm 2013, đạt 17.504 tỷ đồng, trong đó phân phối các sản phẩm CNTT chiếm 42%, tương đương 7.294 tỷ đồng, tăng trưởng 24% và phân phối điện thoại di động chiếm 58%, tương đương 10.210 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2013.

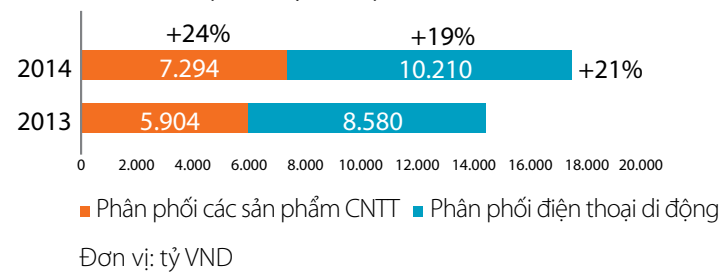
Ở nhóm các sản phẩm điện thoại di động, các thiết bị bán ra chủ yếu là điện thoại thông minh với danh mục sản phẩm phủ khắp các phân khúc từ cao cấp, tới trung cấp và các sản phẩm giá rẻ khác đến từ các hãng Nokia, HTC, Lenovo và Asus. Trong đó, iPhone là sản phẩm có tăng trưởng ấn tượng nhất trong năm 2014 với mức tăng 165%, chiếm 23% doanh thu phân phối điện thoại di động của FPT (năm 2013: 10% - FPT bắt đầu phân phối iPhone từ tháng 4/2013). Tăng trưởng này phù hợp với diễn biến thị trường chung, trong đó các sản phẩm di động đang

ngày càng chiếm ưu thế so với các sản phẩm truyền thống (máy tính để bàn, máy tính xách tay).

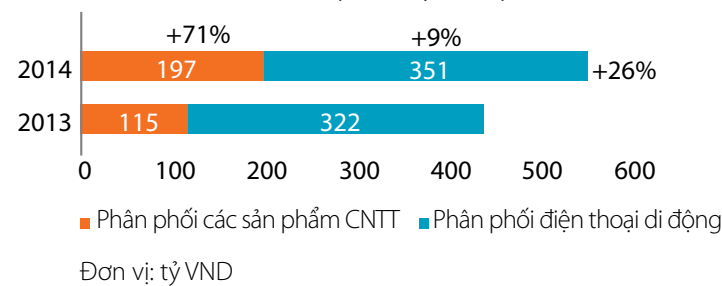
Tăng trưởng chung đến từ các nhóm sản phẩm mang tính di động cao như máy tính bảng và điện thoại thông minh

Ở nhóm các sản phẩm CNTT, máy tính bảng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 162% so với năm 2013, đóng góp 14% vào doanh thu phân phối sản phẩm CNTT (năm 2013: chiếm 6%).

DOANH THU PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CNTT VÀ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CNTT VÀ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG



5.226

TỶ ĐỒNG
BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

LĨNH VỰC BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

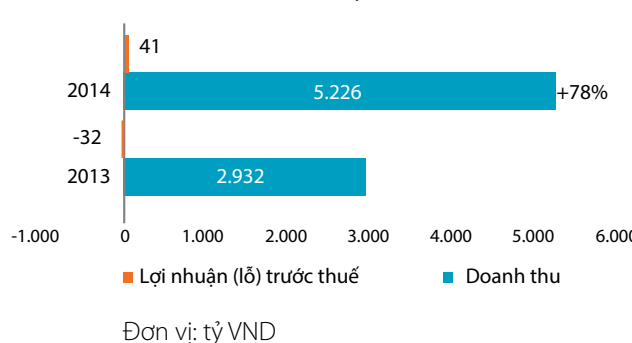
Lợi nhuận vượt 72% so với kế hoạch, mở mới 63 cửa hàng trong năm 2014 (vượt 13 cửa hàng so với dự kiến). Bán hàng trực tuyến và thông qua các kênh phi truyền thống tăng trưởng mạnh, chiếm 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Tăng cường đầu tư nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Tăng trưởng nhờ tiếp tục mở rộng chuỗi cửa hàng khắp toàn quốc, đạt 163 cửa hàng tính tới cuối năm 2014

Lĩnh vực Bán lẻ các sản phẩm công nghệ có một năm thành công vượt kỳ vọng với lợi nhuận trước thuế đạt 41

tỷ đồng, vượt 72% so với dự tính ban đầu (năm 2013: lỗ 32 tỷ đồng). Kết quả ấn tượng này có được nhờ quy mô chuỗi cửa hàng tiếp tục được mở rộng (đạt 163 cửa hàng tính tới 31/12/2014, so với 100 cửa hàng vào thời điểm 31/12/2013), doanh số tăng trưởng tốt, lãi gộp được cải thiện.

KẾT QUẢ KINH DOANH LĨNH VỰC BÁN LẺ



KHÔI GIÁO DỤC

NĂM 2014 TIẾP TỤC LÀ MỘT NĂM ĐẠI HỌC FPT ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TÍCH.

Sinh viên Đại học FPT độc chiếm hai ngôi vị cao nhất trong cuộc thi Olympic Tin học Sinh viên Việt Nam 2014, Vô địch cuộc thi S.M.A.C Challenge – cuộc thi viết ứng dụng điều khiển robot trên thiết bị sử dụng hệ điều hành Android, và Giải nhì cuộc thi viết ứng dụng di động do Huawei tổ chức. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm đạt 98% trong đó có 15% làm việc tại nước ngoài như Nhật Bản, Mỹ, Singapore.

Năm 2014, Đại học FPT cũng bổ nhiệm Tiến sĩ Đàm Quang Minh vào vị trí Hiệu trưởng, tái cấu trúc và thực hiện trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo. Tiến sĩ Minh cũng là Hiệu trưởng đại học trẻ nhất Việt Nam tại thời điểm được bổ nhiệm. Tiến sĩ Lê Trường Tùng - nguyên Hiệu trưởng kiêm Chủ tịch HĐQT ĐH FPT tiếp tục giữ chức Chủ tịch HĐQT. Việc tái cấu trúc khối Giáo dục nhằm tăng tối đa tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các khối hoạt động và nằm trong lộ trình triển khai chiến lược GSM (Global – Smart – Mega), gồm 3 định hướng chính: Global - Tỷ lệ sinh viên nước ngoài chiếm 15%; Smart - Các khối đào tạo dựa trên công nghệ tiên tiến và Mega - Trở thành đại học lớn với quy mô 100.000 người học vào năm 2020.

ĐẦU TƯ

Trong năm 2014, FPT đã tiếp tục đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực cốt lõi và đưa vào sử dụng nhiều công trình hạ tầng quan trọng liên quan tới các lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ và Giáo dục trên toàn quốc:

- » Dự án quang hóa tại địa bàn các thành phố lớn đã hoàn thành vượt kế hoạch, hoàn thành trên 50% khối lượng công việc toàn dự án cho giai đoạn 2014 – 2015;
- » Khởi công giai đoạn 2 Làng Phần mềm F-Ville tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc với diện tích sử dụng 28.000 m², đáp ứng khoảng 3.000 chỗ làm việc cho cán bộ phần mềm tại khu vực Hà Nội;
- » Khởi công khu Phúc hợp văn phòng FPT (FPT Complex)

tại khu Đô thị Công nghệ FPT Đà Nẵng với tổng diện tích sàn hơn 5,9 ha, đáp ứng khoảng 10.000 chỗ làm việc cho cán bộ phần mềm tại khu vực miền Trung. Tòa nhà FPT Complex Đà Nẵng được EDGE cấp chứng chỉ Tòa nhà Tiết kiệm năng lượng đầu tiên tại Việt Nam;

- » Hoàn thành và đưa vào sử dụng Tòa nhà F-Town 2 với diện tích xây dựng 14.733 m², đáp ứng khoảng 2.000 chỗ làm việc cho cán bộ phần mềm tại khu vực TP. HCM;
- » Hoàn thành và đưa vào sử dụng Tòa nhà Hiệu bộ của ĐH FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc với diện tích sử dụng 11.065m². Đây là tòa nhà đầu tiên của Việt Nam đạt giải ở hạng mục Giáo dục tương lai tại Festival Kiến trúc thế giới.

Tình hình giải ngân theo các lĩnh vực trong năm 2014 như sau:

Khối	Tên dự án	Đơn vị: tỷ VND		
		Giải ngân 2014	Kế hoạch 2014	% giải ngân so với kế hoạch
Viễn thông	Đầu tư làm chủ hạ tầng & nâng cao chất lượng dịch vụ	476	450	106%
	Đầu tư cho sản phẩm mới (quang hóa, truyền hình trả tiền, dịch vụ khác)	640	625	102%
	Tổng đầu tư cho khối Viễn thông	1.116	1.075	104%
Công nghệ	F-Ville 1 (Hòa Lạc, Hà Nội)	29	20	147%
	F-Town 2 (Q.9, TP.HCM)	120	121	99%
	FPT Complex (Đà Nẵng)	22	25	88%
	Tổng đầu tư cho khối Công nghệ	171	166	103%
Giáo dục	Các công trình tại cơ sở ĐH FPT tại Hòa Lạc, Hà Nội	107	130	82%
	Tổng đầu tư cho khối Giáo dục	107	130	82%
Tổng cộng		1.394	1.371	102%

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TRONG NĂM 2014, FPT ĐÃ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU MẠNH MẼ 2 ĐƠN VỊ LÀ FPT IS VÀ FPT EDUCATION.

Theo đó, FPT IS – đơn vị phụ trách chính mảng kinh doanh các dự án CNTT trong nước, đã thực hiện cấu trúc lại các đơn vị thành viên theo mô hình phát triển và cung cấp các giải pháp, dịch vụ chuyên sâu cho các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của quốc gia. Cụ thể như sau:

- Theo chức năng hoạt động: gồm 03 nhóm
 - » Nhóm 01: Cung cấp giải pháp và dịch vụ CNTT chuyên ngành trực tiếp cho khách hàng thuộc các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế trọng điểm như: Ngân hàng & Tài chính, Tài chính công, Viễn Thông, Điện, Nước, Giao Thông, Y Tế, Chính phủ điện tử, Doanh nghiệp...
 - » Nhóm 02: Cung cấp giải pháp quản trị Doanh nghiệp, quản trị nội bộ và dịch vụ CNTT gián tiếp tới khách hàng thông qua nhóm 01 và được phép kinh doanh trực tiếp với các khách hàng ngoài khách hàng của nhóm 01;
 - » Nhóm 03: Cung cấp giải pháp và dịch vụ CNTT nền tảng và hỗ trợ xây dựng giải pháp chuyên ngành cho các khách hàng do nhóm 01 và 02 phụ trách.
- Theo lĩnh vực Kinh doanh chuyên sâu: gồm 08 nhóm
 - » Giải pháp Ngân hàng – Tài chính;
 - » Giải pháp Tài chính công;

- » Giải pháp Chính phủ điện tử và Y tế;
- » Giải pháp Viễn thông, Điện, Nước và Giao Thông Vận tải;
- » Giải pháp cho Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nội bộ (ERP);
- » Dịch vụ CNTT;
- » Dịch vụ Hạ tầng CNTT và Phần mềm nền tảng;
- » Giải pháp và dịch vụ CNTT cho thị trường quốc tế.

Việc tái cấu trúc này sẽ giúp FPT IS xây dựng thành công các giải pháp chuyên sâu cho các ngành kinh tế trọng điểm, củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường, đảm bảo cho việc tăng trưởng bền vững của công ty trong những năm tới.

Bên cạnh đó, khối Giáo dục cũng được tái cấu trúc lại theo 05 khối đào tạo chính gồm: khối Phổ thông, khối Cao đẳng, khối Đại học, khối Liên kết quốc tế và khối Phát triển sinh viên quốc tế. Đồng thời bộ máy điều hành cũng sẽ được mở rộng bao gồm: Ban Giám hiệu, Giám đốc các khối, Viện trưởng, Giám đốc các công ty trực thuộc và Trưởng ban chức năng.

Việc tái cấu trúc hoạt động của khối Giáo dục nhằm tăng tối đa tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các khối hoạt động và nằm trong lộ trình triển khai chiến lược GSM (Global - Smart - Mega) của ĐH FPT.

Thay đổi quan trọng về nhân sự cấp cao

Năm 2014, FPT có nhiều thay đổi quan trọng trong bộ máy điều hành để nâng cao năng lực cạnh tranh, trẻ hóa đội ngũ.

Thời gian	Họ và tên	Vị trí bổ nhiệm
Tháng 05/2014	Ông Dương Dũng Triều	Phó TGD FPT Phụ trách Toàn cầu hóa
Tháng 05/2014	Ông Nguyễn Khắc Thành	Phó TGD FPT Phụ trách Nguồn lực toàn cầu hóa
Tháng 04/2014	Ông Phạm Minh Tuấn	TGD FPT IS
Tháng 09/2014	Ông Đàm Quang Minh	Hiệu trưởng Trường ĐH FPT

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

Khối Công nghệ kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng cao ở mảng Xuất khẩu phần mềm, đồng thời kỳ vọng vào sự hồi phục sau khi tái cấu trúc của khối kinh doanh dự án CNTT trong nước (bao gồm các lĩnh vực Giải pháp phần mềm, Tích hợp hệ thống và Dịch vụ CNTT) dựa trên giá trị hợp đồng ký trong năm 2014 và giá trị hợp đồng ký còn để lại sang năm 2015 đạt mức cao đáng kể so với trung bình 3 năm gần đây.

Ở khối Viễn thông, lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông tiếp tục thực hiện dự án quang hóa trong năm 2015 khiến lợi nhuận dự kiến tăng trưởng thấp do phần lớn chi phí quang hóa được ghi nhận vào chi phí trong năm. Lĩnh vực Nội dung số dự kiến giảm doanh thu từ mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến và thanh toán trực tuyến, đồng thời lợi nhuận lĩnh vực Nội dung số dự kiến tăng nhờ thu hẹp hoạt động mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến. Mảng kinh doanh Quảng cáo dự kiến tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, nhằm khai thác tốt hơn nguồn tài nguyên thông tin dữ liệu lớn.

Khối Phân phối và Bán lẻ kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng 12% về doanh thu và 19% về lợi nhuận, trong đó, tăng trưởng lợi nhuận dự kiến chủ yếu đến từ lĩnh vực Bán lẻ với mức tăng lợi nhuận trước thuế gấp gần 3 lần, từ 41 tỷ năm 2014 lên 122 tỷ trong năm 2015. Lĩnh vực Phân phối dự kiến tăng trưởng một chữ số do lo ngại về việc thị trường CNTT tiếp tục giảm và chưa có các dấu hiệu phục hồi rõ rệt trong năm 2014, tuy thị trường điện thoại thông minh và các sản phẩm di động khác (như máy tính bảng) dự kiến vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt.

Trên cơ sở đó, HĐQT đã họp bàn và thống nhất thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế	
	2015	Thay đổi	2015	Thay đổi
Khối Công nghệ	8.310	18%	998	35%
Khối Viễn thông	5.134	9%	1.005	7%
Khối Phân phối - bán lẻ	25.510	12%	698	18%
Khối Giáo dục & khác	646	2%	149	-23%
Tổng cộng	39.600	13%	2.850	16%

Lưu ý: Kế hoạch được lập dựa trên tăng trưởng tự thân (không tính M&A). Tăng trưởng doanh thu Khối Viễn thông trong năm 2015 là 22% nếu loại bỏ doanh thu của mảng trò chơi trực tuyến và khác trong năm 2014 để so sánh tương đương.

CÁC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Các lĩnh vực dự kiến có mức đầu tư cao nhất bao gồm Viễn thông, Xuất khẩu phần mềm và Giáo dục.

Trong lĩnh vực Viễn thông, ngoài các dự án mở rộng và làm chủ hạ tầng, phục vụ tăng trưởng thuê bao và kế hoạch quang hóa như năm 2014, năm 2015, FPT dự kiến tăng thêm các chi phí đầu tư liên quan đến cáp quang biển, xây thêm các trung tâm dữ liệu để nâng công suất phục vụ và đẩy mạnh đầu tư cho truyền hình trả tiền.

Mảng Xuất khẩu phần mềm và lĩnh vực Giáo dục, do đặc thù sử dụng nhiều nhân lực và có lượng sinh viên lớn, các dự án đầu tư tập trung vào việc xây dựng các làng phần mềm và khu học xá cho đại học tại các thành phố khác.

Kế hoạch đầu tư năm 2015 dự kiến như sau:

Khối	Tên dự án	Đơn vị: tỷ VND
Viễn thông	Đầu tư làm chủ hạ tầng & nâng cao chất lượng dịch vụ	600
	Đầu tư cho sản phẩm mới (quang hóa, truyền hình trả tiền, dịch vụ khác)	800
	Tổng đầu tư cho khối Viễn thông	1.400
Công nghệ	Đầu tư văn phòng làm việc tại Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng	400
	Tổng đầu tư cho khối Công nghệ	400
	Đầu tư xây dựng trường tại Hà Nội, TP. HCM	150
Giáo dục & khác	Đầu tư khác	81
	Tổng đầu tư cho khối Giáo dục & Khác	231
	Tổng cộng	2.031

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Kết quả kinh doanh 2014 ghi nhận sự tăng trưởng tốt về doanh thu của toàn công ty với con số đạt 35.130 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với năm 2013.

Hầu hết các lĩnh vực như Phát triển phần mềm, Viễn thông, Phân phối & Bán lẻ và Giáo dục đều đạt kế hoạch đề ra và tăng trưởng tốt trong năm 2014. Chỉ có 02 lĩnh vực gồm Tích hợp hệ thống và Trò chơi trực tuyến gặp khó khăn và suy giảm, dẫn đến việc không đạt kế hoạch lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế suy giảm nhẹ, ở mức 2% so với năm 2013, đạt 2.459 tỷ đồng. Tuy vậy lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng nhẹ 2% so với 2013, đạt 1.632 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 4.746 đồng/cổ phiếu.

Bên cạnh đó, quy mô hoạt động của công ty cũng được mở rộng mạnh mẽ với sự hiện diện tại 63/63 tỉnh thành của khối Bán lẻ và 59/63 tỉnh thành của khối Viễn thông.

Đây là kết quả đáng được ghi nhận trong bối cảnh kinh tế chưa hồi phục.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

Toàn cầu hóa:

2014 là một năm khởi sắc trong hoạt động toàn cầu hóa của FPT. Doanh thu từ thị trường nước ngoài tiếp tục tăng

trường mạnh mẽ. Tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng 37%, lợi nhuận tăng 11%. Trong đó, xuất khẩu phần mềm tiếp tục là mũi nhọn tăng trưởng với tỷ lệ 36% so với năm 2013 và tất cả các thị trường đều tăng trưởng ít nhất 2 chữ số. Định hướng bán giải pháp phần mềm trong các lĩnh vực chuyên biệt cho thị trường các nước đang phát triển có nhiều tín hiệu tốt với việc thắng thầu hàng loạt hợp đồng triệu USD, đưa mức doanh số hợp đồng ký đạt 522 tỷ đồng, tăng trưởng 194% so với năm 2013.

Nhiều chương trình hành động lớn về tái cấu trúc và bổ nhiệm nhân sự cao cấp đã được tiến hành đều nhằm tới mục tiêu tăng cường sức mạnh tổng thể và hỗ trợ nguồn lực cho nhiệm vụ toàn cầu hóa.

Đầu tư cho công nghệ mới

Hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp dựa trên nền công nghệ mới được đẩy mạnh và triển khai rộng rãi trong toàn Tập đoàn. Doanh thu từ các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ mới (S.M.A.C) tăng trưởng 120%, đạt 628 tỷ đồng. Đây là tiền đề quan trọng giúp Tập đoàn tham gia sâu vào những công đoạn cao hơn trong chuỗi cung ứng dịch vụ CNTT toàn cầu đồng thời, tạo sự tăng trưởng tốt hơn cho các mảng kinh doanh hiện tại.

Đẩy mạnh hoạt động M&A:

M&A được xác định là một trong những hướng đi chiến lược giúp mang lại đột phá về năng lực cho FPT đặc biệt khi tiến ra thị trường nước ngoài. Năm 2014, FPT đã hoàn tất 02 thương vụ M&A tại thị trường nước ngoài và trong nước. Trong đó, thương vụ mua 100% vốn của công ty RWE IT Slovakia không chỉ giúp công ty tăng cường năng lực cạnh tranh tại thị trường châu Âu mà còn mở ra một tập khách hàng mới trong lĩnh vực hạ tầng công ích (utilities) tạo động lực tăng trưởng doanh thu cho mảng xuất khẩu phần mềm.

Ngoài ra, ở trong nước, việc mua lại thành công sàn Thương mại điện tử (TMĐT) 123mua.vn từ VNG góp phần thực hiện mục tiêu đưa Sendo.vn trở thành trang thương mại điện tử có nhiều giao dịch nhất thông qua việc cung cấp các dịch vụ có chất lượng vượt trội với mô hình mua bán đảm bảo.

Hoạt động đầu tư:

Cơ sở hạ tầng:

Nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng về nhân lực, trong năm 2014, FPT đã đưa vào sử dụng 02 khu văn phòng làm việc tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), và khu Công nghệ cao Quận 9 (Tp.HCM). Bên cạnh đó, để đảm bảo chỗ làm việc cho quy mô tăng trưởng nhân sự trong năm 2015 và giai đoạn tiếp theo, công ty đã khởi công 02 khu văn phòng mới tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), Đà Nẵng và tìm kiếm địa điểm xây dựng tòa nhà văn phòng tập trung tại Hà Nội.

Viễn thông:

Với mong muốn mang lại dịch vụ với chất lượng tốt nhất cho khách hàng và sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh viễn thông, công ty đã không ngừng nỗ lực đầu tư hạ tầng mạng lưới. Trong năm 2014, ngoài việc đầu tư mở rộng mạng lưới tại 59/63 tỉnh thành, công ty đã đẩy nhanh tốc độ quang hóa, với tỷ lệ đạt trên 50%.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Trong năm 2014, HĐQT chỉ đạo việc thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ hai đơn vị là FPT IS và FPT Education. Việc tái cấu trúc nhằm đưa FPT IS trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp giải pháp thông minh và toàn cầu hóa. Đối với khối giáo dục, việc tái cấu trúc nhằm tăng tối đa tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các khối hoạt động và nằm trong lộ trình triển khai chiến lược GSM (Global - Smart - Mega).

Về nhân sự, trong năm 2014, HĐQT đã bổ nhiệm 02 vị trí lãnh đạo cao cấp chuyên trách trong lĩnh vực toàn cầu hóa để đẩy mạnh triển khai chiến lược này gồm Phó TGD Phụ trách toàn cầu hóa – Ông Dương Dũng Triều (Nguyên Tổng Giám đốc FPT IS) và Phó TGD Phụ trách Nguồn lực phục vụ Toàn cầu hóa – Ông Nguyễn Khắc Thành (Nguyên Phó Hiệu trưởng trường ĐH FPT).

Chương trình quy hoạch và luân chuyển cán bộ được khởi động nhằm bồi dưỡng và tạo nguồn cho các vị trí lãnh đạo cao cấp trong toàn tập đoàn, sẵn sàng cho việc mở rộng hoạt động và tăng trưởng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TGD VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (BDH)

HĐQT đánh giá cao kết quả hoạt động của BDH trong năm 2014, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao và tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và điều hành cũng như các quy trình hoạt động kinh doanh.

Được bổ sung thêm 02 thành viên từ tháng 5/2014, BDH đã có sự phối hợp chặt chẽ, phân nhiệm rõ ràng trong công tác điều hành và giám sát hoạt động của các CTTV nhằm đảm bảo thực hiện thành công các kế hoạch đã đề ra.

Công tác giám sát các chỉ tiêu kinh doanh được thực hiện rất sát sao thông qua công cụ Thẻ điểm cân bằng, kịp thời phát hiện và có hành động khắc phục đối với những điểm yếu và bất cập. Việc BDH chỉ đạo các CTTV bổ nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành (COO) đã bổ sung nguồn lực và tạo sự liên kết chặt chẽ ngành dọc để kiểm soát kỷ luật kế hoạch, thể hiện nỗ lực và quyết tâm cao độ của BDH trong việc thực hiện cam kết kế hoạch.

BDH thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của HĐQT, đồng thời báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động hàng tháng, quý cho HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời và chi tiết.

Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh được BDH triển khai rộng khắp toàn tập đoàn mang lại nhiều đổi mới tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động ở tất cả các khâu trong toàn bộ máy.

Tuy nhiên, sự chuyển biến chậm trong việc cải tổ một số bộ phận thiếu hiệu quả tại FPT IS và FPT Online (mảng kinh doanh Trò chơi trực tuyến) đã khiến cho kết quả chung của toàn công ty bị ảnh hưởng.

FPT đầu tư mạnh mẽ vào phát triển nguồn nhân lực để tiến xa hơn nữa trên con đường toàn cầu hóa

CÔNG TY CÓ CHÍNH SÁCH
ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NHÂN LỰC XUẤT SẮC

CÔNG TY CÓ
MÔI TRƯỜNG
LÀM VIỆC
TỐT NHẤT

CÔNG TY ĐƯỢC
NGƯỜI LAO ĐỘNG
KHAO KHÁT LÀM VIỆC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty bao gồm các chủ thể:

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng cùng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

C. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (BĐH)

TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty và với sự trợ giúp của Ban điều hành mà TGD là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

D. BAN KIỂM SOÁT

BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

E. ỦY BAN NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG THƯỜNG (ỦY BAN NS<)

Ủy ban NS< là một tiểu ban thuộc HĐQT có chức năng chỉ đạo xây dựng khung chính sách và quy trình nhân sự cho Công ty và toàn bộ các CTTV, và hỗ trợ HĐQT trong việc lựa chọn, đề xuất, bổ nhiệm, bãi nhiệm, đãi ngộ và đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, người đại diện và các chức danh quản lý cao cấp khác của bản thân Công ty và các CTTV trong Công ty.

F. ỦY BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Ủy ban chính sách phát triển là một tiểu ban thuộc HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất định hướng phát triển lên HĐQT, xây dựng chiến lược đề trình HĐQT, chỉ đạo và giám sát các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty.

G. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Hội đồng Tư vấn là đơn vị trực thuộc HĐQT, có nhiệm vụ tư vấn, kiến nghị cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT các vấn đề liên quan tới chiến lược, phát triển dài hạn, bền vững, các vấn đề trọng yếu cho Công ty; trợ giúp cho HĐQT, Ban Điều hành, Chủ tịch HĐQT trong việc thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ chiến lược với các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các cơ quan chính quyền nước ngoài, các đối tác trong và ngoài nước; tư vấn và trợ giúp HĐQT, Ban Điều hành, Chủ tịch HĐQT trong việc gìn giữ và phát triển các giá trị, văn hoá cũng như khối đoàn kết của toàn Công ty.

H. VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH

Văn phòng Chủ tịch đóng vai trò là Thư ký Công ty và là cơ quan hỗ trợ thuộc HĐQT có trách nhiệm trợ giúp HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	7,14%
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	3,72%
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	1,18%
4	Ông Trương Đình Anh (từ 01/01/2014 đến 30/06/2014)	Ủy viên HĐQT	0,00%
5	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0,00%
6	Bà Lê Nữ Thùy Dương (từ 01/01/2014 đến 30/06/2014)	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0,00%
7	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0,00%
8	Ông Tomokazu Hamaguchi (từ 01/10/2014)	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	0,00%
9	Ông Dan E Khoo (từ 01/11/2014)	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	0,00%

(Thời điểm chốt số lượng cổ phiếu 26/2/2015)

Thông tin về việc một số thành viên xin rút khỏi HĐQT:

HĐQT phê chuẩn đơn từ nhiệm chức vụ ủy viên HĐQT của ông Trương Đình Anh và bà Lê Nữ Thùy Dương, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017, kể từ ngày 30/06/2014.

Thông tin về bổ nhiệm một số thành viên mới:

» HĐQT phê duyệt bầu ông Tomokazu Hamaguchi, nguyên TGD Công ty NTT Data (Nhật Bản), hiện là Chủ tịch JISA, làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017 kể từ ngày 01/10/2014.

» HĐQT phê duyệt bầu ông Dan E Khoo, nguyên Chủ tịch Liên minh Công nghệ Thông tin Thế giới (WITSA) làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017 kể từ ngày 01/11/2014.

Thông tin về việc kiêm nhiệm các chức danh trong HĐQT của các công ty khác:

STT	Thành viên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	» Ủy viên HĐQT công ty cổ phần FPT Telecom » Ủy viên HĐQT Đại học FPT
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	» Ủy viên HĐQT công ty cổ phần FPT Telecom » Ủy viên HĐQT Đại học FPT
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	Không có
4	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	» Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam » Ủy viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh » Ủy viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
5	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	» Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Everpia » Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Trí Tín
6	Ông Tomokazu Hamaguchi (từ 01/10/2014)	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	» Ủy viên HĐQT IHI Corporation (Nhật Bản) » Ủy viên HĐQT JR East Railway
7	Ông Dan E Khoo (từ 01/11/2014)	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	Không có

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Số lượng các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	5	5/5	
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	5	5/5	
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	5	5/5	
4	Ông Trương Đình Anh	Ủy viên HĐQT	3	3/5	Từ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT từ 30/06/2014
5	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT	3	3/5	Bận đi công tác
6	Bà Lê Nữ Thùy Dương	Ủy viên HĐQT	1	1/5	Từ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT từ 30/06/2014
7	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT	5	5/5	
8	Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên HĐQT	1	1/5	Thành viên mới bổ sung từ tháng 10/2014
9	Ông Dan E Khoo	Ủy viên HĐQT	0	0/5	Thành viên mới bổ sung từ 01/11/2014

Nội dung và kết quả các cuộc họp

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
	HĐQT: 7/7 thành viên	
Phiên 1 Ngày 14/01/2014	Quan sát viên: - BKS: 1/3 - Ban Điều hành: 3/3	» Phê duyệt chiến lược FPT 2014 - 2016. » Phê duyệt kết quả kinh doanh 2013. » Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2014.
Phiên 2 Từ 10/02 - 11/02/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	» Thông qua ngày chốt danh sách ĐHĐCĐ và ngày họp ĐHĐCĐ. » Thông qua chương trình và các đề xuất ĐHĐCĐ thường niên FPT 2014. » Thông qua báo cáo HĐQT 2013 trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua ngân sách thu nhập của HĐQT năm 2014 trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Báo cáo của Ban Điều hành về hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính kiểm toán 2013. » Báo cáo của BKS năm 2013, Ngân sách hoạt động và thù lao của BKS năm 2014. » Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2013, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua Chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2014, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua chương trình phát hành cổ phần cho người lao động giai đoạn 2014 - 2016, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Cập nhật về việc tìm kiếm ứng viên HĐQT độc lập. » Thảo luận việc mua lại Cổ phần của FPT Telecom.
	HĐQT: 5/7 thành viên	
Phiên 3 Ngày 10/03/2014	Quan sát viên: - BKS: 1/3 - Ban Điều hành: 3/3	» Thông qua phương án chi trả cổ tức còn lại năm 2013 bằng tiền mặt. » Thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại. » Thông qua đề xuất bổ nhiệm ông Dương Dũng Triều làm Phó TGD Phụ trách Toàn cầu hóa và ông Nguyễn Khắc Thành làm Phó TGD Phụ trách Nguồn lực Toàn cầu hóa. » Thông qua đề xuất giải thể Phòng Chiến lược trực thuộc HĐQT và thành lập bộ phận Quản lý Chiến lược và Kế hoạch của Tập đoàn và CTTV.
Phiên 4 Từ 1/4 - 5/4/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	» Báo cáo kết quả kinh doanh 04 tháng và triển vọng 06 tháng đầu năm. » Thông qua đề xuất tăng vốn cho các CTTV. » Trình bày kế hoạch hoạt động cho toàn cầu hóa. » Trình bày kế hoạch hành động về nhân lực toàn cầu hóa. » Báo cáo về việc tìm kiếm ứng viên HĐQT độc lập. » Phê duyệt chủ trương mua/xây mới tòa nhà văn phòng FPT tại Hà Nội.
	HĐQT: 6/7 thành viên	
Phiên 5 Từ 21/4 - 25/4/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	
	HĐQT: 6/7 thành viên	
Phiên 6 Từ 28/5/2014	Quan sát viên: - BKS: 1/3 - Ban Điều hành: 5/5	

Nội dung và kết quả các cuộc họp (tiếp theo)

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên 7 Từ 28/6 - 30/6/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	» Phê chuẩn đơn từ nhiệm chức vụ ủy viên HĐQT của ông Trương Đình Anh và bà Lê Nữ Thùy Dương, ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FPT nhiệm kỳ 2012-2017 kể từ ngày 30/06/2014.
Phiên 8 Từ ngày 2/7 - 8/7/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	» Thông qua đề xuất tham gia dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hiện đại phía đông hòn Cặp Bè, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. » Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm. » Thông qua đề xuất mua cổ phiếu FPT Telecom. » Thông qua đề xuất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm.
Phiên 9 Ngày 30/07/2014	Hội đồng Quản trị: 4/5 thành viên Quan sát viên: - Ban Kiểm soát: 1/3 - Ban Điều hành: 4/5	» Báo cáo về Dự án Nâng cao năng lực cạnh tranh. » Thông qua phương án tái cấu trúc các CTTV FPT tại Singapore. » Thông qua đề xuất bầu ông Tomokazu Hamaguchi làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017.
Phiên 10 Từ 26/08 - 25/09/2014	Xin ý kiến bằng văn bản	» Thông qua phương án mua/xây mới tòa nhà văn phòng FPT tại Hà Nội. » Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm.
Phiên 11 Ngày 31/10/2014	Hội đồng Quản trị: 6/6 thành viên Quan sát viên: - Ban Kiểm soát: 1/3 - Ban Điều hành: 3/4	» Thông qua đề xuất bầu ông Dan E Khoo làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017. » Thông qua báo cáo Dự án FPT City Đà Nẵng. » Cập nhật về dự án Bất động sản tại Quảng Ninh. » Báo cáo định hướng chiến lược 2015 – 2017.

Các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành trong năm 2014

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01.01-2014/NQ-HĐQT-FPT	20/01/2014	» Phê duyệt chiến lược FPT 2014 – 2016. » Phê duyệt kết quả kinh doanh 2013 (ước tính). » Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2014.
2	02.01-2014/NQ-HĐQT-FPT	12/02/2014	» Thông qua ngày chốt danh sách ĐHĐCĐ (27/02/2014) và ngày họp ĐHĐCĐ (29/03/2014). » Thông qua chương trình ĐHĐCĐ Thường niên FPT 2014 trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua Báo cáo của HĐQT 2013; ngân sách thu nhập của HĐQT năm 2014, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt.
3	01.03-2014/NQ-HĐQT-FPT	11/03/2014	» Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2013, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua Chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2014, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt. » Thông qua chương trình phát hành cổ phần cho người lao động giai đoạn 2014-2016, trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	01.04-2014/NQ-HĐQT-FPT	04/04/2014	» Thông qua phương án chi trả cổ tức còn lại năm 2013 bằng tiền mặt. » Thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại.
5	02.04-2014/NQ-HĐQT-FPT	28/04/2014	» Thông qua đề xuất bổ nhiệm Ông Dương Dũng Triều làm Phó Tổng Giám đốc Toàn cầu hóa. » Thông qua đề xuất bổ nhiệm Ông Nguyễn Khắc Thành làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách nguồn lực Toàn cầu hóa.
6	03.04-2014/NQ-HĐQT-FPT	28/04/2014	» Thông qua đề xuất giải thể Phòng Chiến lược trực thuộc HĐQT và thành lập bộ phận Quản lý chiến lược và kế hoạch của Tập đoàn và CTTV. » Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ cho một số công ty thành viên.
7	01.05-2014/NQ-HĐQT-FPT	29/05/2014	» Phê duyệt chủ trương mua/xây mới tòa nhà văn phòng FPT tại Hà Nội; ủy quyền cho BDH FPT thực hiện và trình HĐQT phê duyệt phương án chi tiết. » Phê chuẩn đơn từ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT của Ông Trương Đình Anh và Bà Lê Nữ Thùy Dương, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017, kể từ ngày 30/06/2014.
8	01.07-2014/NQ-HĐQT-FPT	30/06/2014	» HĐQT Công ty Cổ phần FPT, Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng có trách nhiệm lên kế hoạch tìm kiếm các ứng viên phù hợp thay thế trong thời gian sớm nhất và bầu cử bổ sung theo luật định. » Phê duyệt phương án mua cổ phần FPT Telecom từ các cổ đông thiểu số. » Phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014. » Phê duyệt đề xuất tái cấu trúc các công ty ở Singapore.
9	01.08-2014/NQ-HĐQT-FPT	04/08/2014	» Phê duyệt bầu ông Tomokazu Hamaguchi, nguyên TGD công ty NTT Data (Nhật Bản), hiện là Chủ tịch JISA, làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 – 2017. HĐQT thống nhất sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt ông Tomokazu Hamaguchi chính thức là Ủy viên HĐQT FPT tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.
10	01.09-2014/NQ-HĐQT-FPT	26/09/2014	» Phê duyệt phương án mua/xây mới tòa nhà văn phòng tại Hà Nội. Ủy quyền cho TGD triển khai chi tiết phương án đầu tư. » Phê duyệt bầu ông Dan E Khoo, nguyên Chủ tịch Liên minh Công nghệ Thông tin Thế giới (WITSA), làm thành viên HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017. HĐQT thống nhất sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt ông Dan E Khoo chính thức là Ủy viên HĐQT FPT tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.
11	01.10-2014/NQ-HĐQT-FPT	31/10/2014	» Thông qua báo cáo Dự án FPT City Đà Nẵng.

Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

Ông Jean-Charles Belliol: Hoạt động rất tích cực thông qua việc tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ như giao ban Tập đoàn hàng tuần, hội nghị chiến lược... Ông thường xuyên có những ý kiến đóng góp, kiến nghị cho hoạt động của các CTTV và Tập đoàn nói chung. Đặc biệt, ông Jean-Charles Belliol rất sát sao trong việc theo dõi kỷ luật thực hiện kế hoạch.

Ông Tomokazu Hamaguchi: Ngay sau khi được bổ nhiệm tạm thời từ tháng 10/2014, ông Tomokazu Hamaguchi đã có các chuyến đi thăm và làm việc với các CTTV như FPT Telecom, FPT IS, FPT Software để tìm hiểu hoạt động và đưa ra những ý kiến tư vấn. Là người có nhiều kinh nghiệm trong việc đưa công ty NTT Data của Nhật Bản toàn cầu hóa, ông cũng đưa ra những khuyến nghị và đề xuất giá trị cho ban lãnh đạo FPT trong các hoạt động toàn cầu hóa mà FPT đang triển khai mạnh mẽ.

Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: ông Lê Song Lai

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Các Ủy ban thuộc HĐQT

Tiểu Ban	Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng	Ủy ban Chính sách Phát triển	Hội đồng Tư vấn	Văn phòng Chủ tịch
Chủ tịch	Đỗ Cao Bảo	Trương Gia Bình	Trương Gia Bình	Lại Thị Hương Huyền

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

Chỉ đạo xây dựng và triển khai Dự án Xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên ngành, đội ngũ công nghệ hàng đầu và đội ngũ cán bộ cốt cán.

Chỉ đạo xây dựng và triển khai Dự án Nâng cấp toàn bộ nguồn nhân lực FPT phù hợp với chuẩn mực công ty toàn cầu.

Triển khai chương trình quy hoạch và phát triển đội ngũ lãnh đạo.

Tổ chức việc Tái cấu trúc và Nâng cao Năng lực cạnh tranh.

Ban hành các chính sách của Tập đoàn:

- » Hoàn thiện, ban hành và triển khai chính sách Đãi ngộ FPT mới theo hướng minh bạch hóa thu nhập đến từng cá nhân từ năm 2014.
- » Ban hành các chính sách/quy định mới và hiệu chỉnh sửa đổi chính sách/quy chế: Quy chế Bổ nhiệm miễn nhiệm, Quy định Công tác phí trong nước, Quy định Công tác phí đi nước ngoài, Quy chế hoạt động 02 công ty toàn cầu hóa, Hệ thống thang bảng lương cơ bản, Chính sách cho cán bộ Công nghệ.

Xây dựng chiến lược Nhân sự

- » Chỉ đạo xây dựng các mảng chiến lược nhân sự toàn Công ty theo mô hình BSC xuống đến từng đơn vị thành viên với các kế hoạch hoạt động chi tiết và các chỉ số đánh giá cho từng giai đoạn của mỗi đơn vị.
- » Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch hành động năm 2015 theo chiến lược nhân sự.
- » Chỉ đạo xây dựng bản mô tả công việc (dự án MyFPT) triển khai ở các công ty con lại và các vị trí công việc Toàn cầu hóa.

Hội đồng Tư vấn

- » Hội đồng Tư vấn họp định kỳ hàng quý, thực hiện

chức năng tư vấn, kiến nghị cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT về các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển dài hạn và các vấn đề trọng yếu cho Công ty. Trong năm 2014, HĐQT đã có các cuộc họp vào các ngày 17/05 và 13/08.

Văn phòng Chủ tịch

VP HĐQT hỗ trợ Chủ tịch và HĐQT trong việc tổ chức 10 phiên họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản, soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các Quy chế hoạt động, Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác.

VP HĐQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014 vào tháng 03/2014, Hội thảo Chiến lược tháng 08/2014, các cuộc họp của Hội đồng Tư vấn trong năm.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT FPT duy trì và phát huy công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đề ra.

Công tác xây dựng chiến lược tiếp tục được cải tiến mạnh mẽ theo hướng huy động sức mạnh của cả hệ thống nhằm đạt mục tiêu chung. Mô hình xây dựng chiến lược được triển khai ở cấp Tập đoàn, xác định rõ các mục tiêu chiến lược, hành động chiến lược và các chương trình hành động cần triển khai ngay. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc phổ biến và thực thi mô hình xây dựng chiến lược tại tất cả các CTTV để đảm bảo sự nhất quán trong định hướng và hành động ở mọi cấp.

Tiếp tục hướng tới sự minh bạch trong công tác quản trị. Sau khi 02 thành viên HĐQT từ nhiệm cuối tháng 06/2014, HĐQT đã tích cực tìm kiếm các ứng viên HĐQT độc lập để bổ sung, thay thế. Các thành viên mới được lựa chọn đều là người nước ngoài, giữ vị trí lãnh đạo lâu năm, có uy tín cao trong ngành CNTT khu vực, có bề dày kinh nghiệm sâu sắc và mạng lưới quan hệ rộng rãi, hỗ trợ đắc lực về mặt định hướng và phát triển thị trường mới trong chiến lược toàn cầu hóa của FPT.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS Công ty Cổ phần FPT bao gồm 03 thành viên được ĐHĐCĐ bầu ra nhằm thực hiện các hoạt động giám sát theo luật định và quy chế hoạt động của công ty.

Trong năm 2014, BKS đã thực hiện:

- » Giám sát việc thực thi điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2014;
- » Tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của công ty rõ ràng và minh bạch;
- » Giám sát tính thực thi của HĐQT, Ban Điều hành và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động công ty.

Các phiên họp của BKS:

BKS tiến hành họp định kỳ hàng quý để đánh giá hoạt động của thành viên BKS cũng như xem xét và đánh giá số liệu báo cáo tài chính hàng quý của Ban Điều hành.

Trong năm 2014, BKS đã thực hiện 04 cuộc họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email... để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

Chi tiết và nội dung chính của các phiên họp BKS năm 2014:

Phiên họp	Nội dung chính
Phiên 1 Ngày 08/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> » Phân công chi tiết các phần việc đảm trách của từng thành viên trong BKS. » Thống nhất kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2014. » Thống nhất cách thức làm việc giữa các thành viên trong BKS và đầu mối trao đổi giữa BKS và HĐQT, Ban Điều hành.
Phiên 2 Ngày 25/07/2014	<ul style="list-style-type: none"> » Xem xét Báo cáo Tài chính quý II và tình hình thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm của công ty. » Thảo luận ý kiến đóng góp của BKS cho cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2014. » Xem xét các kết luận kiểm tra của Ban Giám sát tuân thủ đã triển khai và có kết luận trong 6 tháng đầu năm 2014. » Lên kế hoạch phối hợp tham gia đoàn kiểm soát nội bộ cùng Ban Giám sát tuân thủ trong 06 tháng cuối năm.
Phiên 3 Ngày 24/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> » Xem xét và thảo luận Báo cáo Tài chính quý III và tình hình thực hiện kế hoạch 09 tháng 2014. » Đánh giá tính an toàn về các khoản nợ xấu khó đòi (trên 12 tháng tính tới thời điểm 30 tháng 09 năm 2014) của công ty và các đơn vị thành viên
Phiên 4 Ngày 23/01/2015	<ul style="list-style-type: none"> » Thảo luận và đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014, đánh giá việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm của công ty do Ban Điều hành gửi báo cáo. » Xem xét và đánh giá giám sát tính tuân thủ quy định của các ủy viên HĐQT, Ban Điều hành và các vị trí quản lý của công ty trong năm 2014. » Thảo luận, phân công chuẩn bị công tác báo cáo tình hình hoạt động BKS năm 2014 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2015

Kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ 2014: Năm 2014, bối cảnh chung của nền kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn nhưng FPT đã nỗ lực hoàn thành được gần như đầy đủ các mục tiêu được thông qua trong nghị quyết ĐHCĐ năm 2014 như sau:

Về phương án sử dụng lợi nhuận và chính sách chi trả cổ tức:

- » Tháng 05/2014, công ty đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo luật định và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng Nghị quyết đã được ĐHCĐ thường niên 2014 phê chuẩn với mức chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt (15%) và bằng cổ phiếu (25%).
- » Tháng 09/2014, công ty đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2014 lần 1 (10%) bằng tiền mặt.

Về kết quả kinh doanh năm 2014: Doanh thu đạt 35.130 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch 2014 đã đề ra, tăng tương đương 23% so với năm 2013.

Về chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: Công ty đã trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHCĐ 2014 phê duyệt.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

- » Trong năm 2014, BKS đã tiến hành xem xét toàn bộ báo cáo tài chính hàng quý của công ty, đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập đánh giá tình hình hoạt động và các biện pháp phòng ngừa rủi ro của các hoạt động tài chính công ty.
- » BKS đã tiến hành việc đánh giá rủi ro công nợ quá hạn của công ty và đưa ra khuyến nghị liên quan nhằm hạn chế nhất định những rủi ro tài chính do những khoản công nợ quá hạn này mang lại cũng như khuyến nghị

xử lý những khoản công nợ khó có thể thu hồi để lành mạnh hơn bức tranh tài chính của công ty.

- » Đánh giá và giám sát việc chi trả cổ tức 2013 bằng tiền mặt trong năm 2014 như đã báo cáo ở trên.
- » Năm 2014 BKS đã phối hợp tốt với Ban Giám sát tuân thủ nhằm kiểm soát nội bộ một số hoạt động của các đơn vị thành viên theo định kỳ và các kiểm soát chuyên đề đã được triển khai trong năm theo kế hoạch.

Giám sát thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý

- » Năm 2014 tiếp tục có sự biến động về nhân sự trong HĐQT, 02 thành viên HĐQT xin từ nhiệm (ông Trương Đình Anh và Bà Lê Nữ Thùy Dương). Sau đó HĐQT đã nhất trí thông qua chủ trương bầu bổ sung thêm 02 thành viên mới là ông Tomokazu Hamaguchi và ông Dan E Khoo là người nước ngoài để đẩy mạnh tính toàn cầu hóa trong chiến lược kinh doanh và cả công tác điều hành ở cấp cao nhất. BKS ghi nhận sự tích cực của HĐQT trong năm 2014 đã chi tiết và trách nhiệm cao, theo sát các hoạt động, chiến lược phát triển của công ty trong bối cảnh nhân sự thành viên HĐQT thay đổi như trên.

- » Về giám sát tính tuân thủ: BKS không ghi nhận có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành cũng như các cán bộ quản lý công ty làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định của Nhà nước cũng như của công ty.

Xét chọn kiểm toán độc lập cho năm 2014

BKS tích cực phối hợp với Ban Điều hành để đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2014 là Công ty TNHH Deloitte Vietnam

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2015.

Xem xét báo cáo đánh giá của Kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi những vấn đề được các bên kiểm toán đưa ra.

Kiểm tra và đánh giá tính nghiêm túc, công bằng và minh bạch của việc chi trả và phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động.

Xem xét, giám sát các quy chế tài chính, quy chế hoạt động cũng như các quy định chính sách do HĐQT

và Ban Điều hành ban hành trong năm. Đồng thời, đảm bảo tính tuân thủ luật pháp và đánh giá sự ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông của việc thực thi các quy định này.

Tiếp tục tăng cường sự phối hợp giữa BKS và Ban Giám sát tuân thủ để đánh giá, xử lý kịp thời các sự vụ phát sinh.

Giám sát việc xử lý sau thanh/kiểm tra. Năm 2015 BKS dự kiến phối kết hợp tham gia từ 03- 04 đoàn cùng Ban Giám sát tuân thủ trong kế hoạch kiểm soát định kỳ hoặc theo chuyên đề trong năm.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐHCĐ thường niên 2014 đã phê duyệt ngân sách thù lao HĐQT năm 2014 như sau:

- » Lương cho các thành viên điều hành: 10,76 tỷ đồng;
- » Thưởng cho các thành viên điều hành không quá 0,49% trên tổng lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn;
- » Thù lao cho các thành viên không điều hành: 1,1 tỷ đồng.

Thu nhập HĐQT điều hành (gồm thành viên HĐQT kiêm TGĐ) năm 2014 như sau:

Khoản mục	Thực chi năm 2014 (VND)
Lương	9.964.800.000
Thưởng (% lợi nhuận sau thuế)	0,46%

Thù lao cho các thành viên HĐQT không điều hành năm 2014 như sau:

Khoản mục	Thực chi năm 2014 (VND)
Thù lao	760.000.000

Chi tiết cơ cấu lương, thưởng, thù lao của từng thành viên HĐQT năm 2014 như sau:

Thành viên HĐQT	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	50%	50%	0%	100%
Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	46%	54%	0%	100%
Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	67%	33%	0%	100%
Trương Đình Anh	Ủy viên HĐQT	0%	0%	100%	100%
Lê Nữ Thùy Dương	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0%	0%	100%	100%
Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0%	0%	100%	100%
Jean-Charles Beliol	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0%	0%	100%	100%
Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)				0
Dan E Khoo	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)				0

BKS: Trong năm 2014, các thành viên BKS đã có nỗ lực cao trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ của mình. Về tổng thù lao cho các thành viên BKS năm 2014 đã tạm ứng chi trả hết **417.300.000** đồng trong tổng số **499.400.000** đồng được ĐHCĐ thường niên năm 2014 phê duyệt. Thông tin chi tiết như sau:

Khoản mục	Chi thực tế 2014 (VND)
Thuê tư vấn bên ngoài	0
Thù lao BKS	417.300.000
Đi lại công tác	0
Tổng cộng	417.300.000

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN HOẶC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn hoặc người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH một thành viên SCIC	Lê Song Lai - Ủy viên HĐQT	0	0%	318.710	0,09%	Mua 318.710 cổ phiếu
2	Bùi Nguyễn Phương Châu	Cổ đông nội bộ	35.983	0,01%	15.993	0,00%	Bán 19.990 cổ phiếu
3	Nguyễn Việt Thắng	Cổ đông nội bộ	31.263	0,01%	19.263	0,01%	Bán 12.000 cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn hoặc người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
4	Amersham Industries Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.788.790	1,74%	4.788.790	1,74%	
5	Balestrand Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	474.625	0,17%	474.625	0,17%	
6	Grinling International Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	421.830	0,15%	421.830	0,15%	
7	Venner Group Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	490.140	0,18%	514.370	0,19%	Mua 24.230 cổ phiếu
8	Vietnam Enterprise Investments Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	5.163.338	1,88%	5.163.338	1,88%	
9	Wareham Group Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.468.080	1,62%	4.566.080	1,66%	Mua 98.000 cổ phiếu
10	Norges Bank	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	3.113.840	1,13%	3.113.840	1,13%	
11	DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	63.690	0,02%	128.690	0,05%	Mua 65.000 cổ phiếu
12	The CH/SE Asia Investment Holdings (Singapore) PTE. LTDC	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	132.500	0,05%	132.500	0,05%	
	Tổng nhóm NĐT liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital		19.116.833	6,95%	19.304.063	7,02%	Mua 187.230 cổ phiếu

3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Quy chế Quản trị Công ty quy định về xung đột lợi ích và giao dịch nội bộ tại Điều 10 như sau:

Các Thành viên có trách nhiệm tránh xung đột lợi ích giữa lợi ích Công ty và lợi ích cá nhân của mình hay của người có liên quan với mình. Trong trường hợp có xảy ra xung đột lợi ích, Thành viên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức về xung đột đó đến các Thành viên khác.

Các Thành viên không được tham gia đưa ra quyết định đối với các giao dịch hoặc nhóm giao dịch mà họ hay người có liên quan của họ có lợi ích trừ khi tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và được HĐQT miễn áp dụng.

Trong năm 2014, HĐQT không nhận được thông báo nào từ các Ủy viên HĐQT và người có liên quan về các hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ GIỮA FPT VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Quy định quản trị giữa FPT và các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết được quy định cụ thể trong tài liệu Quy chế quản trị công ty (bản mới nhất ban hành ngày 15/11/2013 – Trang 31 - 36), trong đó bao gồm:

- » Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.
- » Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc.
- » Quan hệ giữa Công ty với các công ty con do Công ty nắm 100% vốn điều lệ.
- » Quan hệ giữa Công ty với Công ty con có cổ phần hoặc vốn góp chi phối.
- » Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết.
- » Quan hệ giữa Công ty với CTTV ở nước ngoài.
- » Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.
- » Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

2. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Một số hoạt động quản trị tiêu biểu:

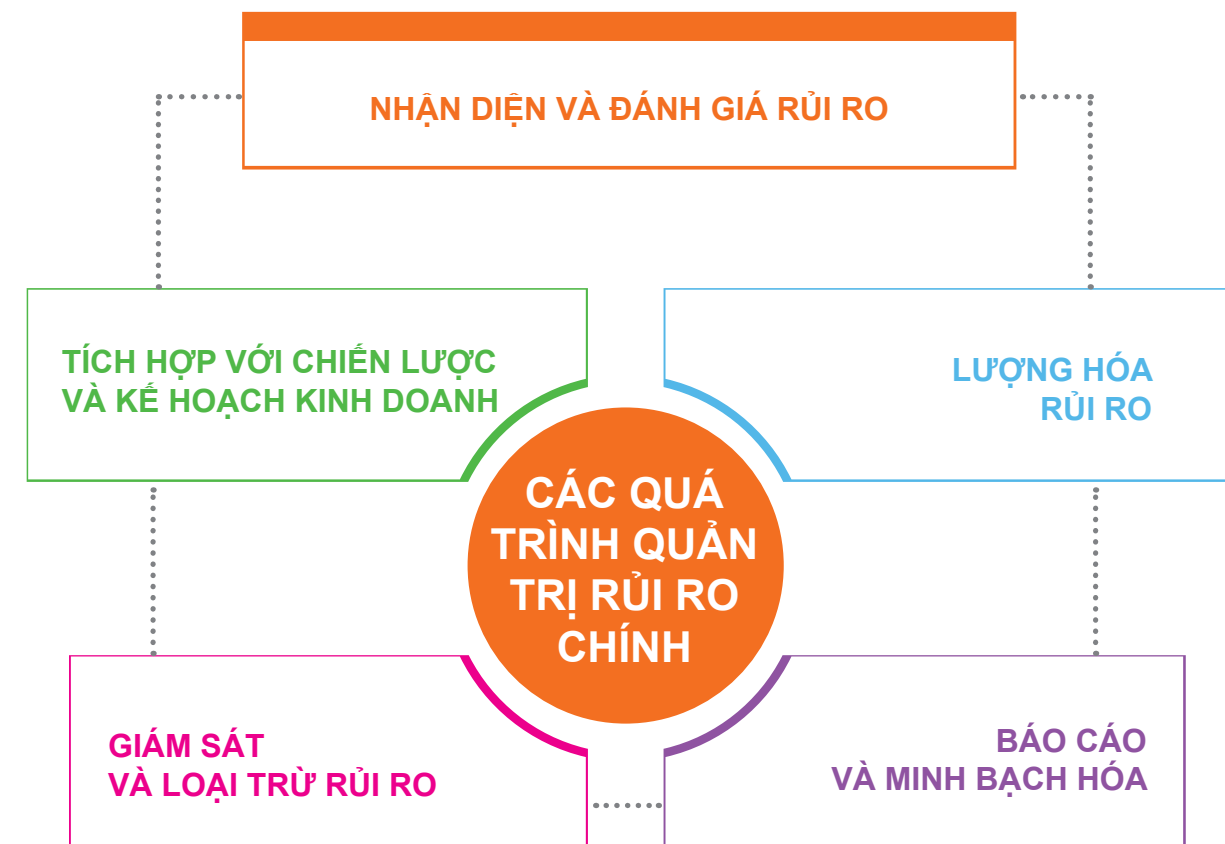
- » Phê duyệt phương hướng, chiến lược kinh doanh: Từ tháng 08-10/2014: Tổ chức Hội thảo Chiến lược cấp tổng Công ty và chỉ đạo công tác xây dựng chiến lược của tất cả các CTTV theo mô hình và mục tiêu nhất quán với chiến lược chung của Công ty;
- » Bổ sung các thành viên HĐQT độc lập người nước ngoài nhằm tăng tính minh bạch trong công tác quản trị theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực quản trị và định hướng nhằm thực hiện thành công chiến lược toàn cầu hóa trong giai đoạn mới;
- » Phê duyệt kế hoạch trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm. Năm 2014, các hoạt động xây dựng kế hoạch đều được thực hiện và kiểm soát bằng công cụ BSC trong toàn công ty. Việc bảo vệ kế hoạch và phê duyệt kế hoạch được triển khai chi tiết và chặt chẽ từ tháng 12/2014 đến hết tháng 01/2015;
- » Chuyển chức năng quản lý triển khai chiến lược xuống Ban Điều hành và thành lập bộ phận Quản lý Chiến lược và Kế hoạch của Công ty và CTTV, tạo thành hệ thống ngành dọc phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý chiến lược và kế hoạch. Trong năm 2014, triển khai công cụ Thẻ điểm cân bằng cho toàn bộ các ban chức năng Công ty và xây dựng thẻ điểm cân bằng cho toàn bộ công ty con của các CTTV. Bắt đầu từ 2015, hệ thống thẻ điểm cân bằng sẽ được chính thức vận hành tại các công ty con này.
- » Ban Điều hành FPT và các CTTV họp định kỳ hàng tuần về tình hình hoạt động kinh doanh trong tuần và kế hoạch cho các tuần tiếp theo;

QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty là một cấu phần không tách rời trong chiến lược tổng thể của FPT nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Rủi ro được phân nhóm để đánh giá khả năng tác động tới các mục tiêu kinh doanh chính. Đó sẽ là cơ sở để FPT đưa ra các quy trình nhận diện sớm rủi ro, lượng hóa, gắn với kế hoạch kinh doanh và có cơ chế giám sát, loại trừ. Các nhóm rủi ro chủ yếu sau khi được nhận diện sẽ được lồng ghép vào các nội dung trong Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) – Hệ thống lập kế

hoạch và quản trị được áp dụng toàn diện tại FPT và các CTTV. Các mục tiêu chiến lược và những hành động cụ thể để đạt đến các mục tiêu đó sẽ được thể hiện trên bản đồ chiến lược (Strategic Map), được theo dõi đánh giá và hiển thị màu tương ứng với mức độ thực hiện trong kỳ, nhằm hỗ trợ các cấp quản lý nhận diện sớm rủi ro và có biện pháp khắc phục. Các giải pháp về quản trị rủi ro sẽ được gắn trực tiếp với các mục tiêu lớn trên bản đồ chiến lược về đổi mới, tối ưu hóa hoạt động và tăng trưởng bền vững doanh thu – lợi nhuận.



Bộ máy quản trị rủi ro được phân cấp rõ ràng từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đảm bảo rủi ro được xử lý bởi lãnh đạo/cá nhân chịu trách nhiệm và có thẩm quyền. Bộ máy quản trị rủi ro tại FPT gồm: Ban lãnh đạo Công ty và các đơn vị thành viên; Bộ máy chuyên trách về quản trị

rủi ro; BKS; BKS nội bộ và bộ máy kiểm soát Tài chính nội bộ; Bộ phận quản lý thực hiện Chiến lược và Kế hoạch dựa trên BSC... Bộ máy này được phân cấp và chịu trách nhiệm quản lý các rủi ro của Công ty theo các cấp và các đơn vị thành viên.

CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

STT	Tên rủi ro	Diễn tả rủi ro	Biện pháp quản trị rủi ro
I NHÓM RỦI RO CHIẾN LƯỢC			
1.	Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn	Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu, không phát triển được những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng, những dịch vụ tin học đặc thù có khả năng khai thác bền vững trên quy mô lớn.	<ul style="list-style-type: none"> » Áp dụng công cụ Thẻ điểm cân bằng (BSC) nhằm xác định rõ các mục tiêu chiến lược lớn và các hành động cụ thể nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng, được theo dõi đánh giá thường xuyên nhằm đạt tới các mục tiêu đã đề ra.
2.	Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh	Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường. Đa phần các lĩnh vực kinh doanh của Công ty có rào cản gia nhập ngành thấp, đã và đang đối diện với những khó khăn lớn khi các công ty nước ngoài hoặc các công ty mới nổi, năng động ở trong nước phát triển nhanh chóng, giành thị phần.	<ul style="list-style-type: none"> » Đưa ra các dịch vụ tổng thể đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và đáp ứng toàn diện nhu cầu khách hàng. » Có định hướng chiến lược hợp lý nhằm giảm rủi ro cạnh tranh, như tham gia vào hệ sinh thái (Eco-System) của các tập đoàn lớn trên thế giới... » Liên tục cải tiến mô hình kinh doanh, giảm rủi ro cạnh tranh bằng cách vượt lên trước đối thủ. Cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ để tối ưu hóa việc vận hành. Tối ưu hóa chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại.
II NHÓM RỦI RO HOẠT ĐỘNG			
1.	Rủi ro về nguồn nhân lực	Rủi ro về nguồn nhân lực có số lượng, chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những chuẩn mực quốc tế để toàn cầu hóa hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> » Phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, liên tục đầu tư bài bản, hướng đến chuẩn mực chất lượng quốc tế. Tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài, chính sách đãi ngộ và lộ trình thăng tiến rõ ràng, khuyến khích và hỗ trợ về đào tạo để nhân lực liên tục nâng cao năng lực chuyên môn. » Tiếp tục đầu tư cho hoạt động đào tạo của Trường đại học FPT cũng như các chương trình đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng cao. » Thực hiện mua bán và sáp nhập (M&A) để tăng cường nguồn nhân lực chuyên ngành chất lượng cao, thúc đẩy tiến độ tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh mới, thị trường mới.

STT	Tên rủi ro	Diễn tả rủi ro	Biện pháp quản trị rủi ro
III NHÓM RỦI RO TÀI CHÍNH			
1.	Rủi ro tỷ giá	Tỷ giá biến động lớn ảnh hưởng tới lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: một số hoạt động kinh doanh của FPT như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm tiềm ẩn rủi ro liên quan tới biến động tỷ giá.	<ul style="list-style-type: none"> » Theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá. » Áp dụng các biện pháp bảo hiểm tỷ giá phù hợp: mua bán ngoại tệ kỳ hạn, quyền chọn... » Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên biến động tỷ giá.
2.	Rủi ro kinh doanh thông thường	Rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, hàng tồn tăng cao.	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng chính sách kiểm soát công nợ khách hàng: xếp hạng tín nhiệm khách hàng; quy trình quản lý công nợ; Quy trình xử lý công nợ. » Phân tích, kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu lượng hóa nhu cầu để nhập hàng. Xây dựng chính sách quản lý tồn kho.
3.	Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư	Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> » Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, đặc thù công nghệ, rủi ro liên quan trước khi được Hội đồng đầu tư thông qua.
IV NHÓM RỦI RO MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH			
1.	Rủi ro về môi trường, luật định	Hoạt động kinh doanh có quy mô ngày càng lớn không chỉ ở lãnh thổ Việt Nam, như yêu cầu phải tuân thủ quy định về lao động nhập cư. Bên cạnh đó, những khác biệt về văn hóa của lực lượng lao động đa quốc gia và của đối tác đang là thách thức ngày càng lớn.	<ul style="list-style-type: none"> » Theo dõi sát các chính sách, định hướng lớn của Chính phủ để có những điều chỉnh về chiến lược cho phù hợp. » Chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cho các cơ quan hữu quan hướng tới việc nâng cao vai trò của CNTT trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân. » Nghiên cứu, cập nhật và tuân thủ luật định cũng như môi trường văn hóa, kinh doanh của các thị trường nước ngoài có liên quan.

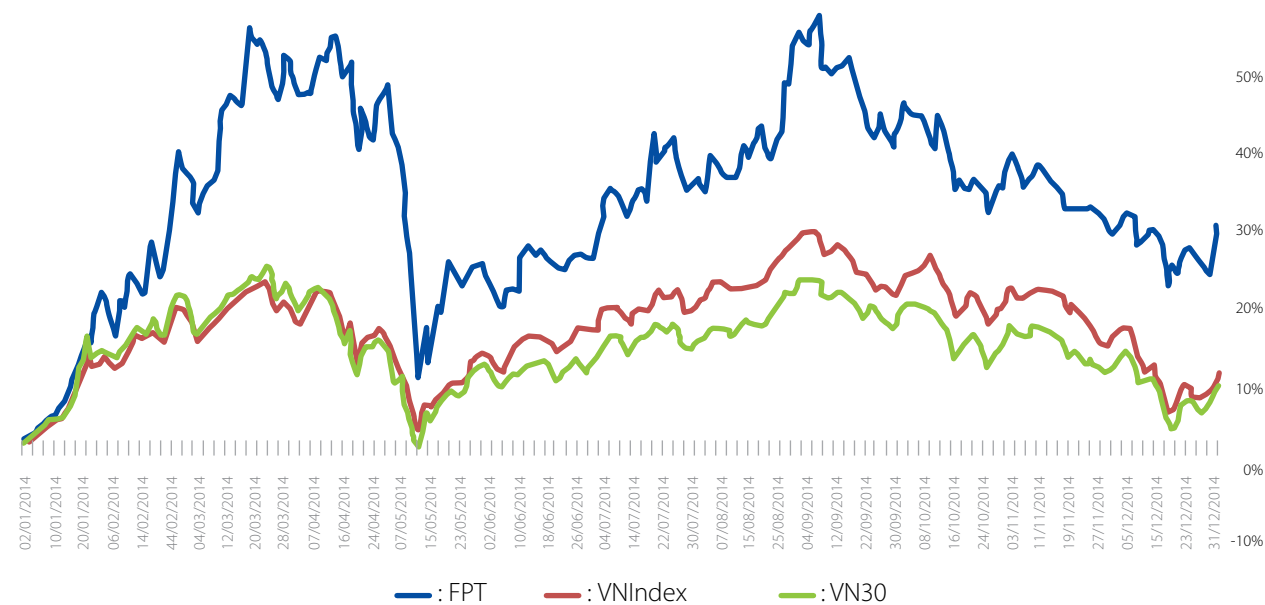
QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Thống kê khối lượng giao dịch và diễn biến của cổ phiếu FPT năm 2014

STT	Hạng mục	Số lượng
1	Tổng số phiên	247 phiên
2	Tổng khối lượng khớp lệnh	227.310.510 cổ phiếu
3	Tổng giá trị khớp lệnh	12.492 tỷ đồng
4	Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân/phiên	920.285 cổ phiếu
5	Khối lượng khớp lệnh cao nhất 52 tuần (ngày 18/07/2014)	3.985.310 cổ phiếu
6	Khối lượng khớp lệnh thấp nhất 52 tuần (ngày 25/12/2014)	100.790 cổ phiếu
7	Giá cao nhất 52 tuần (ngày 08/09/2014)	58.500 đồng/cổ phiếu

* Giá cổ phiếu sử dụng giá đóng cửa, điều chỉnh hồi tố cho cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 4:1.



Tỷ suất sinh lời của cổ phiếu FPT so với thời điểm 31/12/2013.

Thống kê giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài năm 2014

Do tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại FPT luôn đạt mức trần 49% nên trong năm 2014, số phiên có giao dịch của khối ngoại tương đối ít, gồm 96 phiên với tổng khối lượng bán là 24.078.336 cổ phiếu và tổng khối lượng mua là 24.229.666 cổ phiếu. Khối lượng chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại ngày 31/12/2014 là 3.856 cổ phiếu.

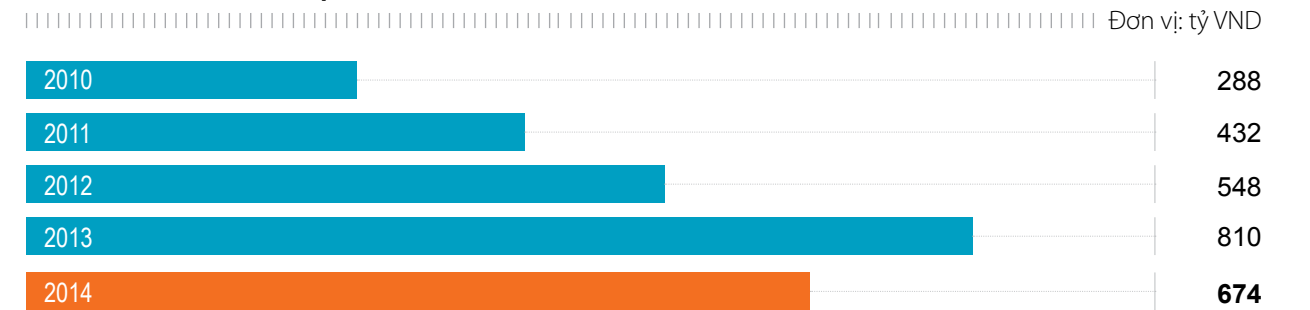
24.229.666 CỔ PHIẾU
TỔNG KHỐI LƯỢNG MUA CỦA KHỐI NGOẠI

24.078.336 CỔ PHIẾU
TỔNG KHỐI LƯỢNG BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Tình hình chi trả cổ tức

Năm 2014, theo xếp hạng của Vietstock, FPT nằm trong Top 20 doanh nghiệp trả cổ tức tiền mặt lớn nhất trong năm.

CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT



Lưu ý: Cổ tức tiền mặt được tính theo tỷ lệ cổ tức tiền mặt được ĐHCĐ phê duyệt cho năm đó. Ví dụ, năm 2013, mức cổ tức 810 tỷ đồng được tính dựa trên tỷ lệ cổ tức 3.000 VND/cổ phiếu được ĐHCĐ thường niên năm 2014 thông qua.

Trong năm 2014, FPT đã thực hiện các đợt trả cổ tức như sau:

1. Trả phần cổ tức còn lại năm 2013 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 15%/mệnh giá vào ngày 22/05/2014.
2. Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho cổ đông theo tỷ lệ 25%, chốt tại ngày 09/05/2014. Cổ phiếu mới được giao dịch chính thức vào ngày 27/06/2014.
3. Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/mệnh giá vào ngày 10/09/2014.

Phát hành thêm cổ phiếu

Vốn điều lệ trong năm 2014 tăng lên 3.439.766.000.000 đồng do Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014.

3.439.766.000.000 ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM 2014

Tình hình giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2014, Công ty không thực hiện việc mua lại cổ phiếu ưu đãi nhân viên khi cán bộ nhân viên nghỉ việc nên cổ phiếu quỹ không thay đổi, vẫn giữ nguyên như thời điểm đầu năm là 82.376 cổ phiếu.

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2015

Loại cổ phần	Cổ phần	Tỷ lệ	Mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết
Cổ phần phổ thông	343.894.224	99,98%	10.000	1:1
Quỹ cổ phiếu ưu đãi nhân viên	82.376	0,02%	10.000	1:0
Tổng cộng	343.976.600	100,00%		

Dựa theo các mức cổ phần sở hữu

Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
1-999	10.814	68,22%	2.213.268	0,64%
1.000-10.000	4.007	25,28%	12.556.000	3,65%
10.001-1.000.000	981	6,19%	90.927.065	26,44%
1.000.001 trở lên	49	0,31%	238.197.891	69,26%
Tổng cộng	15.851	100,00%	343.894.224	100,00%

Dựa theo đối tượng sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước (SCIC)	1	0,01%	20.799.750	6,05%
Cổ đông nội bộ	2.380	15,01%	84.186.973	24,48%
<i>HDQT, Ban Điều hành, BKS và Kế toán trưởng</i>	10	0,06%	43.204.788	12,56%
<i>Nhân viên</i>	2.370	14,95%	40.982.185	11,92%
Cổ đông ngoài (cá nhân)	13.200	83,28%	51.394.983	14,94%
Cổ đông ngoài (tổ chức)	270	1,70%	187.512.518	54,53%
Tổng cộng	15.851	100,00%	343.894.224	100,00%

Dựa theo địa lý

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
Việt Nam	14.587	92,03%	175.345.314	50,99%
<i>Cá nhân</i>	14.456	91,20%	132.480.495	38,52%
<i>Tổ chức</i>	131	0,83%	42.864.819	12,46%
Nước ngoài	1.264	7,97%	168.548.910	49,01%
<i>Cá nhân</i>	1.124	7,09%	3.101.461	0,90%
<i>Tổ chức</i>	140	0,88%	165.447.449	48,11%
Tổng cộng	15.851	100,00%	343.894.224	100,00%

10 cổ đông lớn nhất	Cổ phần	Tỷ lệ
Trương Gia Bình	24.561.410	7,14%
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	20.799.750	6,05%
Red River Holding	19.692.572	5,72%
Bùi Quang Ngọc	12.779.368	3,72%
Government of Singapore	12.246.781	3,56%
The Caravel Fund (International) Ltd.	9.170.006	2,67%
Cashew Investments Pte. Ltd.	7.301.962	2,12%
Amersham Industries Limited	6.670.987	1,94%
Vietnam Enterprise Investments Limited	6.061.909	1,76%
Trương Thị Thanh Thanh	5.588.111	1,62%

3. CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Hướng đến tính chuyên nghiệp trong các hoạt động với nhà đầu tư, năm 2014, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) của FPT đã duy trì và đẩy mạnh các hoạt động đã thực hiện trong các năm trước đây nhằm đưa hình ảnh của FPT tới nhà đầu tư ngày càng minh bạch và đáng tin cậy hơn như:

- » Công bố kết quả kinh doanh hàng tháng tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh và các phương tiện thông tin đại chúng.
- » Cung cấp bản tin định kỳ hàng tháng cho nhà đầu tư.
- » Tổ chức các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư công bố kết quả kinh doanh hàng quý với nhiều hình thức đổi mới.
- » Đảm bảo các thông tin trong mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của công ty luôn chính xác và kịp thời.
- » Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin theo luật định.

Những nỗ lực này của Bộ phận IR được thể hiện qua rất nhiều các báo cáo phân tích về FPT của các công ty chứng khoán hàng đầu thị trường được phát hành hàng tháng. Trong năm 2014, có tổng cộng 13 công ty chứng khoán phát hành các báo cáo phân tích cổ phiếu FPT. Trong năm 2014, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã thực hiện 75 cuộc họp, tiếp xúc với 115 quỹ đầu tư có trụ sở tại nước ngoài (không tính các quỹ đầu tư nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam). Bộ phận IR luôn nỗ lực duy trì kênh thông tin liên lạc hai chiều giữa công ty với nhà đầu tư, nhằm giải đáp thỏa đáng

các thắc mắc về chiến lược, tình hình kinh doanh nhằm giúp nhà đầu tư có những nhận định xác đáng và quyết định đúng đắn.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tham dự một số cuộc hội thảo được các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn tổ chức như:

- » Hội thảo Vietnam Access Day do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 03/2014.
- » Hội thảo thường niên do CIMB tổ chức tại Hồng Kông vào tháng 04/2014.
- » Hội thảo của CLSA tại Thái Lan vào tháng 05/2014.
- » Hội thảo Gateway to Vietnam 2014 do SSI tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 09/2014.

NĂM 2015, BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC ĐẠT MỤC TIÊU

- » Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đưa thông tin chất lượng hơn tới nhà đầu tư qua các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý và bản tin hàng tháng.
- » Cải tiến mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của công ty chuyên nghiệp hơn nhằm giúp nhà đầu tư dễ tiếp cận với các thông tin cần tìm kiếm.
- » Duy trì các kênh giải đáp thông tin cho nhà đầu tư luôn đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhất.

S.M.A.C là công nghệ mũi nhọn
trong chiến lược toàn cầu hóa của FPT



- Doanh thu tăng trưởng **120%** (2014).
- Đối tác vàng về năng lực Mobility của Microsoft, đối tác tư vấn cấp cao của Amazon Web Services.
- Một số dịch vụ/giải pháp tiêu biểu: eMobiz, Cloudification & SaaSification, Fshare, FPT Play HD, Hệ thống quảng cáo thông minh e-click, FPT.eHospital; FPT.eGov...

CHÚNG TÔI ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI BẰNG CHÍNH CÁC GIÁ TRỊ CÔNG NGHỆ CỐT LÕI CỦA MÌNH. ĐỒNG THỜI, CHÚNG TÔI CŨNG MONG MUỐN CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI SẼ GẮN KẾT HƠN 22.000 NGƯỜI FPT VÀ TẠO NÊN MỘT VĂN HÓA CHUNG THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN CÔNG TY.

**THÔNG ĐIỆP CỦA
GIÁM ĐỐC TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

Qua 26 năm phát triển, chúng tôi nhận thức được rằng, một doanh nghiệp muốn phát triển bền vững cần phải gắn lợi ích của doanh nghiệp với sự phát triển của đội ngũ nhân viên và cộng đồng cũng như đảm bảo rằng sự phát triển đó không hủy hoại môi trường chúng ta đang sống.

Chính vì vậy, từ năm 2010, FPT đã đưa các hoạt động Trách nhiệm Xã hội (CSR) vào chiến lược phát triển của công ty như một hoạt động song hành cùng các hoạt động phát triển kinh doanh khác. Chúng tôi đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng chính các giá trị công nghệ cốt lõi của mình. Đồng thời, chúng tôi cũng mong muốn các hoạt động xã hội sẽ gắn kết hơn 22.000 người FPT và tạo nên một văn hóa chung thúc đẩy sự phát triển của toàn công ty.

Chúng tôi tin rằng, với việc thực hiện chiến lược CSR một cách bài bản, FPT sẽ đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư, các đối tác và góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam phát triển và nhân ái.

Trân trọng,

Trương Thị Thanh Thanh

TỔNG QUAN

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU MÀ MỌI TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP TRÊN TOÀN CẦU ĐANG NỖ LỰC THỰC HIỆN. LÀ DOANH NGHIỆP CNTT LỚN NHẤT TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA VIỆT NAM, FPT NHẬN THỨC RÕ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHIẾN LƯỢC NÀY.

1. THÔNG TIN CHUNG

Chiến lược phát triển bền vững của FPT là:

- » Liên tục nâng cao năng lực cạnh tranh để tăng trưởng bền vững, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển đất nước.
- » Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng cho nhân viên và dùng thế mạnh công nghệ để phục vụ cộng đồng.
- » Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.

2. HỒ SƠ BÁO CÁO

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững của FPT được lồng ghép trong Báo cáo Thường niên nhằm mang lại thông tin chất lượng và nội dung truyền tải ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên liên quan.

Nội dung chính của Báo cáo bao gồm các phần sau:

- 1 Tổng quan
- 2 Mô hình phát triển bền vững
- 3 Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 4 Sự tham gia của các bên liên quan
- 5 Phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh
- 6 Phát triển nguồn nhân lực và hoạt động cộng đồng
- 7 Hoạt động môi trường

Kỳ báo cáo: Báo cáo được lập cho năm tài chính 2014, bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc ngày 31/12/2014.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần FPT, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, và trong lĩnh vực CNTT-TT.

Liên hệ

Báo cáo được thực hiện bởi Ban Truyền thông – Tập đoàn FPT. Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng liên hệ:

Bà **Bùi Nguyễn Phương Châu**

Trưởng ban Truyền thông

Điện thoại: **04 7300 7300**

hoặc gửi về hòm thư: **chaubnp@fpt.com.vn**




Địa chỉ: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

FPT LUÔN QUAN TÂM, HÀI HOÀ 3 YẾU TỐ (3P): PROFIT (LỢI ÍCH), PEOPLE (CỘNG ĐỒNG), PLANET (MÔI TRƯỜNG) TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY. THEO ĐÓ, FPT LUÔN CHĂM LO CUỘC SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CHO NHÂN VIÊN, ĐỒNG THỜI ĐÓNG GÓP VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN XÃ HỘI VÀ TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH ĐỂ KHÔNG HUỖ HOẠI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH, CŨNG NHƯ ĐỀ RA CÁC SÁNG KIẾN ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA FPT

	Mục tiêu	Trọng tâm hoạt động
 Phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> » Tăng trưởng nhanh, bền vững, hướng đến trở thành “Tập đoàn toàn cầu hàng đầu Việt Nam về dịch vụ thông minh”, góp phần phát triển đất nước. » Tăng nhanh doanh thu từ toàn cầu hóa. » Tăng nhanh doanh thu từ công nghệ mới S.M.A.C. » Xây dựng thành công hạ tầng thông tin thông minh cho các ngành kinh tế, bộ ngành Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> » Đẩy mạnh đổi mới, đưa ra các sản phẩm mới, dịch vụ mới, mở rộng thị trường mới với tốc độ tăng trưởng cao. » Tích cực tham gia các dự án hạ tầng của hạ tầng, đem lại hiệu quả hoạt động và quản lý cho các ngành kinh tế, bộ ngành của Việt Nam và giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội. » Đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu phát triển, ưu tiên định hướng S.M.A.C, sáng tạo và sở hữu bằng sáng chế, nâng cấp sản phẩm dịch vụ sẵn sàng chào cho khách hàng quốc tế. » Đẩy mạnh hợp tác với các tập đoàn hàng đầu thế giới của các hệ sinh thái công nghệ. » Đẩy mạnh hoạt động M&A. » Liên tục nâng cấp quy trình theo chuẩn mực quốc tế.
 Phát triển nguồn nhân lực và hoạt động cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. » Đảm bảo nguồn nhân lực cho các định hướng phát triển của công ty. » Dùng công nghệ để phục vụ cộng đồng, nhằm lan tỏa lòng nhân ái trong FPT và toàn xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng. » Nghiên cứu xây dựng mô hình “tổ chức học hỏi” cho FPT; liên tục tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên. » Xây dựng cơ sở vật chất theo chuẩn quốc tế, tiếp tục duy trì và mở rộng các chương trình chăm sóc sức khoẻ người lao động. » Xây dựng văn hoá riêng nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị tinh thần cốt lõi của FPT. » Thực hiện các chương trình cộng đồng dựa trên thế mạnh công nghệ, góp phần giải quyết các vấn đề của xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực. » Triển khai các chương trình khuyến khích người FPT có trách nhiệm với cộng đồng.
 Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> » Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. » Tiết kiệm năng lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> » Thực hiện các dự án tuyên truyền về ý thức bảo vệ môi trường trong và ngoài công ty. » Cùng khách hàng và cộng đồng thực hiện lối sống xanh, tiêu dùng xanh, giảm phát khí thải nhà kính từ các toà nhà văn phòng, điều hoà và tủ lạnh.

35.130 TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU

2.459 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

22.016 NGƯỜI
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

78.320 LƯỢT
SỐ LƯỢT CBNV THAM GIA ĐÀO TẠO

29 TỶ ĐỒNG
TỔNG SỐ TIỀN CHI
CHO TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

4.913 TỶ ĐỒNG
ĐÓNG GÓP
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

46,7 TỶ ĐỒNG
TỔNG SỐ TIỀN CHI CHO ĐÀO TẠO

18,2 TRIỆU THÀNH VIÊN
SỐ THÀNH VIÊN
THAM GIA VIOLYMPIC

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



2. VAI TRÒ, HOẠT ĐỘNG CÁC BÊN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

	Vai trò, hoạt động	Bộ phận chịu trách nhiệm
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Phê duyệt, ban hành chiến lược và định hướng phát triển bền vững trên toàn Tập đoàn.	Hội đồng Quản trị
BAN ĐIỀU HÀNH		
Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng mục tiêu phát triển bền vững cụ thể cho từng khối ban chức năng và đơn vị thành viên. » Chỉ đạo triển khai các vấn đề phát triển bền vững. » Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của các khối ban chức năng và đơn vị thành viên. 	Tổng Giám đốc và Giám đốc Trách nhiệm xã hội
Kiểm soát nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> » Đánh giá độc lập và khách quan hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động. » Báo cáo, đề xuất theo định kỳ và đột xuất khi phát sinh vấn đề trong hoạt động phát triển bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> » Đội Quản lý về Thẻ điểm cân bằng (BSC). » Ban Quản lý chất lượng. » Ban Truyền thông.
CÁC PHÒNG/ BAN CÔNG TY MẸ	<ul style="list-style-type: none"> » Triển khai các hoạt động phát triển bền vững tại công ty mẹ. » Tư vấn và hỗ trợ việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững tại các CTTV. 	Ban Truyền thông kết hợp với các Phòng/Ban Công ty mẹ.
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	<ul style="list-style-type: none"> » Triển khai các hoạt động phát triển bền vững tại đơn vị theo kế hoạch. » Báo cáo hoạt động trách nhiệm xã hội tại đơn vị đến ban điều hành công ty mẹ. 	Bộ phận chịu trách nhiệm phát triển bền vững tại các công ty thành viên.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đối tượng	Các kênh tương tác
 KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> » Đội ngũ nhân viên kinh doanh. » Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline của các bộ phận liên quan. » Các mạng xã hội như Facebook, diễn đàn... » Website FPT và đơn vị thành viên. » Triển lãm, hội chợ, hội thảo... » Newsletter cho khách hàng.
 CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> » Gặp gỡ trực tiếp hàng quý và theo yêu cầu. » Đại hội đồng cổ đông. » Bản tin Nhà đầu tư. » Website FPT. » Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư.
 CÁN BỘ NHÂN VIÊN	<ul style="list-style-type: none"> » Các ấn phẩm nội bộ. » Các mạng xã hội như facebook. » Các chương trình đào tạo nội bộ. » Các sự kiện hoạt động nội bộ về thể thao, văn nghệ,...
 ĐỐI TÁC NHÀ CUNG CẤP	<ul style="list-style-type: none"> » Gặp gỡ trao đổi trực tiếp » Newsletter cho đối tác
 CỘNG ĐỒNG	<ul style="list-style-type: none"> » Tổ chức các hoạt động tìm kiếm, ươm mầm tài năng trẻ. » Tổ chức các hoạt động từ thiện, các chương trình về bảo vệ môi trường. » Tổ chức các chương trình ứng dụng CNTT phục vụ cộng đồng.
 CHÍNH PHỦ, BAN NGÀNH TW	<ul style="list-style-type: none"> » Tham gia các hội nghị, hội thảo về ngành CNTT do Chính phủ, các bộ ngành tổ chức. » Tham gia các tổ chức, hiệp hội.
 BÁO CHÍ	<ul style="list-style-type: none"> » Họp báo. » Trả lời phỏng vấn, thông cáo báo chí định kỳ và theo các hoạt động, sự kiện. » Phòng quan hệ báo chí. » Bản tin FPT News.

1. XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



KHÁCH HÀNG



"Với hơn 7 năm kinh nghiệm làm việc cùng FPT Software, chúng tôi đã chứng kiến những thay đổi lớn của công ty về năng lực công nghệ, năng lực tổ chức nhằm bắt kịp và đón đầu xu hướng phát triển công nghệ của thế giới cũng như luôn coi trọng việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tạo động lực phát triển lâu dài cho nhân viên."

Ông Jerome Modolo, Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu & Phát triển Phần mềm của Neopost (Pháp).

Mục tiêu	Hành động của FPT
Thực hiện đầy đủ cam kết với khách hàng.	<ul style="list-style-type: none"> » Xác định và quản lý thông tin thị trường nhằm đánh giá sự cạnh tranh, điểm yếu và lợi thế cạnh tranh của công ty. » Nghiên cứu và thấu hiểu khách hàng. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu khách hàng. Trao đổi đầy đủ với khách hàng về các vấn đề có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ.
Bàn giao sản phẩm và dịch vụ đúng hạn, đảm bảo chất lượng; đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách với phong cách tận tình, chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> » Thiết lập, áp dụng và duy trì các quy định bằng văn bản cho các hoạt động liên quan đến khách hàng. Xây dựng và áp dụng các chuẩn mực làm việc và ứng xử với khách hàng.
Nâng cao năng lực cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho thị trường và khách hàng tiềm năng.	<ul style="list-style-type: none"> » Đánh giá sự hài lòng khách hàng để có hành động thích hợp nâng cao mức độ thoả mãn khách hàng. » Nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ mới. » Đánh giá nhu cầu tiềm năng của khách hàng và chuẩn bị điều kiện để đáp ứng.



CỔ ĐỒNG - NHÀ ĐẦU TƯ



"Với tư cách cổ đông của FPT, chúng tôi đánh giá cao những cam kết của công ty trong việc nâng cao tính minh bạch và hoạt động quản trị doanh nghiệp. FPT đặt tiêu chuẩn cao về công bố thông tin với việc cung cấp báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng và tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa nhà đầu tư với đại diện Ban Điều hành và HĐQT công ty. Chúng tôi tin tưởng cách FPT điều hành và có niềm tin mạnh mẽ vào tương lai phát triển của công ty. Chúng tôi cũng vui mừng khi thấy FPT đang mở rộng hoạt động toàn cầu hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực outsourcing - lĩnh vực có thể tận dụng được nguồn nhân lực dồi dào và trẻ trung của Việt Nam nhằm phục vụ thị trường quy mô 1.000 tỷ USD toàn cầu."

Quỹ đầu tư Dragon Capital

Mục tiêu	Hành động của FPT
Mang lại lợi ích cao nhất và tạo niềm tin vững chắc cho cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung vào các lĩnh vực có thể mạnh trong chuỗi giá trị ngành CNTT-VT, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có tiềm năng làm tăng giá trị và duy trì tăng trưởng bền vững cho cổ đông. Tăng cường tính minh bạch và tuân thủ các quy định. Chủ động đối thoại và lắng nghe các ý kiến phản hồi từ cộng đồng đầu tư để tiếp tục cải tiến hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> » Là một trong số ít công ty công bố kết quả kinh doanh theo tần suất hàng tháng. » Tổ chức gặp gỡ nhà đầu tư hàng quý và gặp gỡ theo yêu cầu. » Chủ động tham dự các hội nghị đầu tư lớn ở trong và ngoài nước để giới thiệu, cập nhật cho cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng về chiến lược, tình hình hoạt động của công ty. » Nghiêm túc tuân thủ việc công bố thông tin cho UBCK và Sở GDCK TPHCM. » Chủ động công bố thông tin rộng rãi trên nhiều phương tiện truyền thông đại chúng hơn so với yêu cầu tối thiểu, giúp các nhà đầu tư dễ dàng và kịp thời tiếp cận thông tin.



CÁN BỘ NHÂN VIÊN

"Ở FPT, môi trường làm việc hiện đại, cởi mở, giàu tính nhân văn, nhân bản. Điều tôi thấy tuyệt vời nhất trong môi trường này là tôi được đón nhận và sống đúng con người thật của mình với cả ưu, nhược điểm."

Lê Tuyết Mai, nhân viên FPT.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Xây dựng và phát triển đội ngũ vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của tổ chức.	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng chính sách đãi ngộ. » Xây dựng chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng. » Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên. » Thu thập ý kiến của nhân viên về công ty và có hành động phù hợp thông qua các khảo sát định kỳ và các trao đổi trực tiếp, gián tiếp.
Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, đảm bảo các quyền lợi chính đáng của nhân viên cả về vật chất lẫn tinh thần.	<ul style="list-style-type: none"> » Cung cấp các điều kiện cần thiết về môi trường làm việc và nguồn lực để nhân viên hoàn thành nhiệm vụ. » Thực hiện các chế độ bảo hiểm, các chế độ phúc lợi theo quy định của Công đoàn công ty; Đảm bảo các yêu cầu an toàn và an ninh trong công việc và môi trường làm việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và bảo hiểm riêng cho cán bộ nhân viên (FPT Care). » Xây dựng và phát triển văn hoá công ty, các giá trị công ty. » Triển khai các hoạt động truyền thông nội bộ để nâng cao sự hiểu biết chiến lược phát triển, văn hoá, giá trị của tập đoàn FPT, sự tự hào và mức độ gắn bó lâu dài với công ty.



ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG CẤP

"Là đối tác quan trọng của nhau trong gần 20 năm qua, chúng tôi đã được chứng kiến sự trưởng thành, vững mạnh của FPT qua từng năm trong việc phân phối sản phẩm, phát triển phần mềm và triển khai các dự án CNTT không chỉ tại Việt Nam mà còn mở rộng ra khu vực Asean. FPT và Oracle đã cùng nhau triển khai thành công nhiều dự án rất lớn trong nước và quốc tế. Chúng tôi kỳ vọng sự hợp tác giữa Oracle và FPT sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong mọi lĩnh vực từ cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống CNTT, triển khai phần mềm đóng gói đến cung cấp các dịch vụ điện toán đám mây..."

Ông Tùng Hồ, Tổng Giám đốc Oracle Việt Nam.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Thiết lập quan hệ bền vững với các đối tác.	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng và áp dụng các chuẩn mực làm việc và ứng xử với đối tác. » Lựa chọn và phân loại đối tác trên các tiêu chí cơ bản: công nghệ, thị phần, thương hiệu và sự hợp tác.
Hiểu biết sâu sắc điểm mạnh của mỗi bên để xây dựng quan hệ liên minh, cùng có lợi, đem lại thành công cho cả hai bên.	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng liên minh lâu dài với các đối tác theo sản phẩm/ dịch vụ, theo địa lý hoặc theo phân khúc thị trường/ khách hàng. » Thực hiện đầy đủ các cam kết với các đối tác.
Cùng đối tác mở rộng lĩnh vực kinh doanh, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.	<ul style="list-style-type: none"> » Thiết lập việc trao đổi thông tin hai chiều giữa các đơn vị trong tập đoàn và đối tác. » Thường xuyên đánh giá khả năng của đối tác trong việc phối hợp, cung cấp sản phẩm/ dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu.



CỘNG ĐỒNG

“Cuộc thi Giải toán qua Internet – ViOlympic do FPT và Bộ Giáo dục & Đào tạo phối hợp tổ chức đã góp phần cải cách giáo dục cũng như tạo sân chơi tri thức bổ ích cho các em học sinh. Cuộc thi đã giúp nhà trường giảm áp lực trong quản lý và bớt tình trạng học sinh chán học hay không muốn đến lớp.”

Thầy Phạm Văn Bé, Hiệu trưởng trường THCS Lê Bình, Cái Răng, Cần Thơ.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Tim kiếm, bồi dưỡng tài năng trẻ.	» Triển khai các chương trình trao học bổng, hỗ trợ tài năng trẻ.
Phát triển công nghệ vì cộng đồng.	» Phát triển các chương trình ứng dụng CNTT vào giáo dục, hoạt động xã hội để tri thức và công nghệ mới được phát triển khắp cộng đồng.
Lan tỏa và ươm mầm nhân ái ra toàn xã hội.	» Tổ chức Ngày Vì cộng đồng (13/3) để toàn thể CBNV đóng góp những hành động thiết thực cho xã hội. » Thành lập và triển khai Quỹ người FPT vì cộng đồng để chủ động, kịp thời hỗ trợ đồng nghiệp, đồng bào khi gặp khó khăn. » Đẩy mạnh các chương trình thiện nguyện của công ty như xây dựng tủ sách, trao học bổng cho những trẻ em nghèo; tặng quà bệnh nhi; hiến máu nhân đạo...



CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, BAN NGÀNH

“Tập đoàn FPT là doanh nghiệp CNTT - VT hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong số các doanh nghiệp tư nhân lớn nhất tại Việt Nam. Từ nhiều năm qua, FPT đã có nhiều đóng góp to lớn cho việc phát triển hạ tầng CNTT-VT và luôn thể hiện vai trò tiên phong trong việc xây dựng ngành CNTT-TT của Việt Nam phát triển.”

Ông Nguyễn Minh Hồng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

Mục tiêu	Hành động của FPT
Thực thi nghĩa vụ tốt nhất đối với nhà nước.	» Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm của doanh nghiệp như nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp bảo hiểm xã hội ...
Tuân thủ đầy đủ quy định công bố thông tin đối với các tổ chức niêm yết.	» Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo quy định. » Áp dụng bộ tiêu chuẩn thực hiện công bố thông tin qua cổng IDS của Ủy ban chứng khoán, tham gia các lớp tập huấn, khóa đào tạo khi có yêu cầu.
Tăng cường mối quan hệ tốt với chính phủ và các bộ ban ngành.	» Tham gia các hiệp hội ngành CNTT như Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (Vinasat)... » Tích cực tham gia và đóng góp ý tưởng cho các hội thảo do các bộ ngành tổ chức. » Hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp cùng ngành.



BÁO CHÍ VÀ CÁC CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

“Trong nhiều năm qua, hoạt động truyền thông báo chí của FPT tương đối hiệu quả. FPT rất tích cực trong việc phân phối thông tin đầy đủ cho các cơ quan báo chí cũng như thường xuyên tổ chức sự kiện, hoạt động để chủ động cung cấp thông tin.”

Nhà báo Phạm Thịnh, báo điện tử VTC News.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động của FPT.	» Chủ động cung cấp thông tin thường xuyên cho báo chí, thông qua: Bản tin FPT, Thông cáo báo chí, họp báo, bài viết... » Hỗ trợ và giải đáp các câu hỏi của báo chí thường xuyên và kịp thời.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỮNG CHẮC LÀ MỤC TIÊU QUAN TRỌNG NHẤT CỦA FPT VÀ LÀ NỀN TẢNG ĐỂ FPT ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

ĐÓNG GÓP CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

FPT là một trong những doanh nghiệp có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Năm 2014, FPT đóng góp 4.913 tỷ đồng, tăng trưởng 21,5% so với năm 2013.

Ngoài ra, FPT đã dùng thế mạnh công nghệ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngành kinh tế Việt Nam và giải quyết các vấn đề của xã hội, góp phần cải thiện cuộc sống của người dân. Cụ thể:

Chính phủ điện tử: FPT đã phát triển phần mềm cải cách hành chính dành cho khối chính phủ FPT.eGov. Phần mềm này hiện đang ứng dụng tại hơn 500 đơn vị cơ quan nhà nước các cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện, phường, xã tại 22 tỉnh, thành trên cả nước.

Hiện đại hóa ngành Thuế: FPT là tổng thầu dự án “Ứng dụng CNTT đáp ứng quản lý thuế thu nhập cá nhân”, phục vụ việc quản lý 15 triệu đối tượng nộp thuế, với 7.000 người sử dụng, 800 điểm triển khai tại 63 tỉnh thành. Đây là hệ thống xử lý tập trung đầu tiên của Tổng cục Thuế, được đánh giá là lớn nhất trong các hệ thống xử lý tập trung thuộc khối chính phủ Việt Nam.

Hiện đại hóa Hải quan: FPT triển khai dự án xây dựng và triển khai hệ thống thông quan điện tử phục vụ ngành Hải quan, đáp ứng các nghiệp vụ lõi phục vụ thông quan hàng

hóa, tạo thuận lợi thương mại cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên phạm vi toàn quốc. Hệ thống đã đem lại hạ tầng thuận lợi về CNTT cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hiện đại hóa ngành Đường sắt: FPT xây dựng Hệ thống bán vé tàu điện tử cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nhằm phục vụ cho tất cả người dân có nhu cầu sử dụng phương tiện đường sắt. Theo đó, chỉ bằng vài bước đơn giản, hành khách có thể ngồi nhà để đặt mua vé mà không phải đến ga. Hình thức đặt vé này cũng giúp khách hàng có thêm nhiều cơ hội mua vé khi chỉ có một kho vé thống nhất, tránh được tình trạng đầu cơ vé.

Đổi mới Giáo dục: Đại học FPT là đơn vị tiên phong trong đào tạo và thực hành gắn liền với thực tiễn công việc. Hiện, Đại học FPT có khoảng 17.000 sinh viên, học viên đang theo học các hệ đào tạo, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc phát triển đất nước.

Hiện đại hóa ngành Y tế: FPT xây dựng hệ thống thông tin quản lý bệnh viện FPT.eHospital góp phần làm giảm các thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả quản lý, tạo sự tin cậy cho các bệnh nhân. Phần mềm này đã được triển khai và ứng dụng tại trên 60 bệnh viện, trung tâm y tế của Việt Nam.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CNTT

Thành công trong xuất khẩu phần mềm, góp phần đưa Việt Nam có tên trong bản đồ số của thế giới.

Hiện FPT có 8.528 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế và đang là đối tác/ khách hàng của 350 tập đoàn/công ty lớn trong các lĩnh vực công nghệ, hàng không, điện tử, tài chính ngân hàng, thiết bị y tế... trên thế giới. Theo xếp hạng của A.T.Kearney, năm 2011, Việt Nam xếp thứ 8 trong tổng số 50 nước hấp dẫn nhất về gia công phần mềm. Trong 2 năm liên tiếp (2014-2015), FPT lọt vào danh sách 100 nhà cung cấp dịch vụ ủy thác (The Global Outsourcing 100) hàng đầu thế giới do Hiệp hội các chuyên gia ủy thác chuyên nghiệp quốc tế (IAOP) đánh giá.

1 trong những nhà cung cấp dịch vụ internet đầu tiên, đóng góp tích cực cho sự phát triển của Internet Việt Nam.

FPT là nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet bằng rộng cố định lớn thứ 2 và có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Internet Việt Nam. Bên cạnh đó, FPT hiện là đơn vị quảng cáo trực tuyến số 1 tại Việt Nam, chiếm khoảng 50% thị phần quảng cáo trực tuyến trong nước.

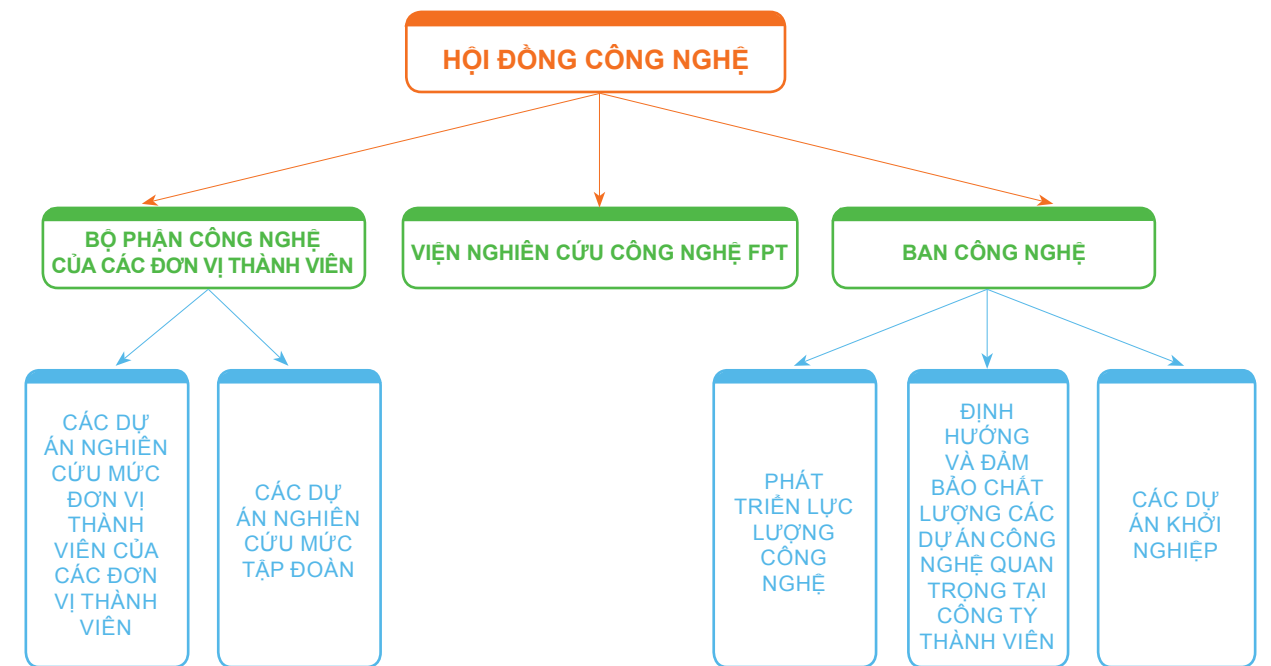
Tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển các dịch vụ theo xu hướng công nghệ mới.

FPT đang đón đầu các xu hướng công nghệ mới (S.M.A.C), hiện FPT là đối tác phát triển ứng dụng trên nền công nghệ S.M.A.C cho nhiều công ty lớn trên phạm vi toàn cầu.

2. NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Mô hình tổ chức



Định hướng và chính sách

Định hướng

Tạo ra những giá trị mới cho khách hàng và mang lại sự phát triển bền vững cho Công ty và các đơn vị thành viên. Theo đó, Công ty tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm/dịch vụ/giải pháp CNTT theo những xu hướng công nghệ mới nhất áp dụng cho khách hàng trong nhiều lĩnh vực khác nhau tại thị trường trong nước và nước ngoài. Hiện nay, FPT và các đơn vị thành viên đang tập trung phát triển theo xu hướng công nghệ S.M.A.C.

Chính sách

Ngân sách cho Nghiên cứu và Phát triển

Từ năm 2012, HĐQT FPT đã quyết định trích 5% lợi nhuận trước thuế hàng năm cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) chung của Công ty. Các dự án SmartBank, NextG - Xây dựng phần mềm Core Banking mới; Dự án

FPT.eGov - Nâng cấp hệ thống chính quyền điện tử; Dự án FPT.eHEALTH - Nâng cấp hệ thống eHospital là những kết quả bước đầu của quyết định trên.

Bên cạnh đó, mỗi đơn vị thành viên của Công ty cũng dành một khoản ngân sách riêng đáng kể cho lĩnh vực R&D của đơn vị mình.

Xây dựng nguồn nhân lực

Nhằm đảm bảo nguồn lực tốt cho việc thực hiện các dự án R&D, FPT đã hoàn thiện cơ chế đánh giá và xếp hạng chung cho cán bộ công nghệ toàn Công ty, gồm: Cấu trúc chức danh công nghệ; Hệ thống mô tả tiêu chuẩn chức danh; Danh sách cán bộ công nghệ; Đề xuất về chính sách đãi ngộ; Quy trình quản lý và sử dụng cán bộ công nghệ; Triển khai việc xếp hạng cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn.

Ngoài ra, FPT cũng liên kết với các nguồn lực nghiên cứu trong và ngoài nước để tận dụng những kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực công nghệ mới như xử lý dữ liệu lớn, học máy,...

Kết quả hoạt động năm 2014

Các công nghệ cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển ứng dụng cho robot Smartoshin như xử lý ngôn ngữ tự nhiên; xử lý thông tin dạng hình ảnh, video; điều khiển hành vi robot và các thiết bị trong gia đình,... được FPT đưa vào triển khai thực tế như:

- » Hệ thống quảng cáo thông minh e-Click.
- » Hệ thống thuyết minh tự động cho OneTV.
- » Giải pháp giao tiếp với tivi thông minh và settop box cho truyền hình cáp (IPTV).
- » Hệ thống khuyến nghị người dùng cho trang thương mại điện tử Sendo và hệ thống cửa hàng FPT Shop.
- » Dự án do Ban Công nghệ chủ trì theo hướng khởi nghiệp tinh gọn (lean-startup): F-Profile, Dự án HMI (Human Machine Interface), Dịch vụ quảng cáo Ants, Dự án về Bảo mật, Dự án về nghiên cứu robot.

Ngày Công nghệ FPT được tổ chức vào 13/05/2014 tại Hà Nội và 16/05/2014 tại thành phố Hồ Chí Minh với mục đích tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về những

NÂNG TẦM QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Ban lãnh đạo FPT tin tưởng: liên tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý sản xuất là phương thức hiệu quả nhất đảm bảo hài lòng khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và đem lại lợi ích bền vững cho cổ đông.

Năng lực quản trị công ty

Triển khai BSC nhằm xây dựng hệ thống quản lý triển khai chiến lược hiện đại. BSC được đánh giá là 1 trong 10 công cụ quản trị hiệu quả nhất thế giới và được áp dụng ở hầu hết các tập đoàn lớn trên toàn cầu. FPT đã

kết quả đã đạt được trong việc ứng dụng và triển khai sản phẩm trong các mảng công nghệ trọng tâm như: S.M.A.C, Security (an ninh)... và hoạch định hướng đầu tư trong thời gian tới. Sự kiện đã thu hút sự tham gia của 300 chuyên gia công nghệ trong Tập đoàn, cùng diễn giả và các lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn hàng đầu trên thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, Ban công nghệ cũng hỗ trợ VINASA tổ chức Ngày hội Công nghệ thông tin & sự kiện công nghệ thông tin quốc tế ASOCIO 2014.

Xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống chia sẻ tri thức cho các chuyên gia công nghệ trong công ty dựa trên nền tảng mạng xã hội doanh nghiệp. Gần 60 hội thảo công nghệ chuyên sâu đã được tổ chức trong năm 2014.

Tham gia hàng loạt sự kiện/hội thảo khoa học của cộng đồng trong nước và nước ngoài: Mobile World Congress 2014; Gartner Outsourcing & Strategic Partnerships Summit 2014; Gartner Symposium/Itxpo 2014; Cloudera, Global Cloud & Mobile Payment, Programaticio & Adtech 2014, IROS & ROSCON 2014, re:Invent 2014, WWW2014, KDD & ACML...

Xin cấp bằng sáng chế gần 20 sản phẩm/dịch vụ/giải pháp ứng dụng trong đời sống kinh tế xã hội dựa trên các công nghệ: tự động hóa, thiết bị di động thông minh, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, tổng hợp giọng nói.

xây dựng thành công đội ngũ quản lý triển khai chiến lược tại tất cả các CTTV. Năm 2014, BSC đã được triển khai tại mọi bộ phận sản xuất kinh doanh và các ban chức năng trong toàn FPT.

Triển khai cấu trúc thu nhập mới trên nền tảng mô hình quản trị nhân sự đẳng cấp quốc tế giúp nâng cao tính minh bạch; khuyến khích nhân viên trong công việc; gia tăng động lực cho những mũi tấn công chiến lược của công ty; tạo thuận lợi cho FPT mở rộng quy mô nhân sự tại nước ngoài, thúc đẩy chiến lược Toàn cầu hóa.

Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh

FPT không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng các phương pháp quản trị và tiêu chuẩn quốc tế nhằm đem lại sự hài lòng cho khách hàng và tối ưu hóa chi phí.

FPT là doanh nghiệp CNTT đầu tiên tại Đông Nam Á nhận được chứng chỉ ISO 9001, áp dụng cho toàn công ty. Ngoài ra, FPT còn đạt nhiều chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế cho từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh cụ thể.

STT	Khối Kinh doanh	Chứng chỉ/Chứng nhận
1	Khối Công nghệ (Phát triển phần mềm; Tích hợp hệ thống; Dịch vụ CNTT)	<ul style="list-style-type: none"> » CMMi5: Chứng chỉ dành riêng cho hoạt động phát triển phần mềm. » ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý bảo mật thông tin.
2	Khối Viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> » ISO 50001:2011: Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống Quản lý Năng lượng. » Uptime Tier III: Chứng chỉ quốc tế dành cho Data Center. » ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý Bảo mật thông tin.
3	Khối Phân phối, bán lẻ và sản xuất thiết bị công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> » ISO 14001: Chuẩn về Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất/kinh doanh. » ISO 17025: Chuẩn về năng lực của phòng thí nghiệm/kiểm thử.
4	Khối Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> » Xếp hạng quốc tế 3 sao theo chuẩn QS Stars (một trong các chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho trường đại học trên toàn thế giới).
5	Thương mại điện tử	<ul style="list-style-type: none"> » Chứng chỉ bảo mật PCI DSS cấp 1 do Control Case (Mỹ) cấp.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



CÁN BỘ NHÂN VIÊN

FPT LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY CÔNG NGHỆ CÓ ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC CNTT LỚN TẠI ĐÔNG NAM Á. TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2014, TỔNG SỐ CBNV LÀ 22.016 NGƯỜI, TRONG ĐÓ CÓ 8.528 KỸ SƯ, LẬP TRÌNH VIÊN, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.

Trong suốt chặng đường hơn 26 năm, FPT luôn chú trọng thu hút nhân tài, phát triển tiềm năng và tinh thần hợp tác của mọi thành viên.

Đánh giá chung hoạt động nhân sự

Số lượng nhân sự qua các năm

STT	Năm	Nhân sự
1	2010	12.300
2	2011	12.969
3	2012	14.912
4	2013	17.419
5	2014	22.016

Cơ cấu nhân sự theo giới tính năm 2014

Nam	13.855	62,9%
Nữ	8.161	37,1%

Cơ cấu nhân sự theo trình độ 2014

Trên Đại học	958	4,4%
Đại học	13.777	62,6%
Dưới Đại học	7.281	33,1%

Cơ cấu nhân sự theo chức năng công việc

Quản lý	1.041	4,7%
Công nghệ	8.528	38,7%
Kinh doanh	5.089	23,1%
Hỗ trợ	7.358	33,4%

Cơ cấu nhân sự theo địa lý

Miền Bắc	10.101	45,9%
Miền Trung	2.764	12,6%
Miền Nam	8.436	38,3%
Nước ngoài	715	3,2%

Độ tuổi trung bình toàn FPT năm 2014

Dưới 25 tuổi	7.320	33,2%
Từ 25 đến 30 tuổi	9.326	42,4%
Từ 31 đến 40 tuổi	4.856	22,1%
Từ 41 đến 50 tuổi	403	1,8%
Trên 50 tuổi	111	0,5%

THU HÚT VÀ BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI



Tài sản lớn nhất của FPT là con người, vì vậy FPT luôn có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng.

Tổ chức thi Trạng

- » Từ năm 2003, FPT tổ chức thi Trạng nhằm tìm kiếm và phát triển những tài năng mới cho công ty.
- » Tham gia cuộc thi, cán bộ nhân viên trong toàn công ty sẽ trải qua các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình, từ cấp phòng ban đến quy mô Công ty. Người chiến thắng chung cuộc sẽ được tôn vinh là Trạng Nguyên FPT và được bổ nhiệm vào vị trí quản lý.
- » Nhiều Trạng nguyên được bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc FPT, Tổng Giám đốc FPT IS, Giám đốc đơn vị phần mềm chiến lược số 1 FPT Software...

Sinh viên thực tập tài năng

- » Được triển khai từ năm 2003 đến nay nhằm tìm kiếm, bổ sung những tài năng trẻ, nhiệt huyết cùng tham gia vào chiến lược toàn cầu hóa của FPT.
- » Tuyển lựa những sinh viên xuất sắc ở cả hai khối Kinh tế và Công nghệ để làm hạt giống cho các vị trí quản lý tiềm năng.
- » Các ứng viên được giao việc, thử thách, đào tạo, kèm cặp và huấn luyện đặc biệt để có lộ trình phát triển nhanh hơn tuyển dụng thông thường.
- » Năm 2014, từ gần 1.300 hồ sơ FPT đã tuyển dụng hơn 60 sinh viên tham gia vào chương trình. Hiện đã có 06 sinh viên được cử sang làm việc tại Singapore, Philippines ... 05 sinh viên được bổ nhiệm làm quản lý các cửa hàng bán lẻ (FPT Shop), những bạn còn lại đang là cán bộ tại trụ sở chính và các CTTV.

Học viện lãnh đạo:

Từ năm 2009, FPT thành lập Học viện Lãnh đạo với mục tiêu là tạo môi trường để lãnh đạo các cấp cập nhật tri thức quản trị hiện đại, tối luyện kỹ năng và chia sẻ kinh nghiệm từ thực tiễn tốt nhất của FPT cũng như trên thế giới.

Học viện lãnh đạo đã tổ chức các chương trình như:

- » **MiniMBA:** Chương trình đào tạo nhằm cung cấp kiến thức quản trị chuẩn MBA quốc tế, kết hợp với thực tiễn FPT cho các đối tượng học viên là cán bộ quản lý level 4-6 trong toàn Tập đoàn. Học viên tốt nghiệp MiniMBA được nhận chứng chỉ tương đương 30% khóa MBA tiêu chuẩn. Khởi động từ năm 2010, đến nay, FLI khai giảng 33 lớp MiniMBA. Tổng số học viên đã và đang tham gia học là 944 người, trong đó hơn 500 người đã tốt nghiệp.
- » **Leader Talk/FLI Club:** Là kênh giao lưu, gặp gỡ giữa lãnh đạo cao cấp trong và ngoài FPT, những nhân vật nổi tiếng tại Việt Nam với người FPT nhằm chia sẻ kinh nghiệm lãnh đạo, kỹ năng quản trị; trao đổi về các vấn đề mà xã hội đang quan tâm... Năm 2014, FLI đã tổ chức được gần 30 chương trình.
- » **Chương trình sư phụ - đệ tử:** Đây là hình thức huấn luyện nhằm kết nối các nhà lãnh đạo trẻ thông qua những buổi offline. Tham gia vào chương trình, các thành viên sẽ có cơ hội học hỏi, chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm liên quan đến cuộc sống, các vấn đề chuyên môn và bí kíp nghề nghiệp dựa trên việc thảo luận, phân tích tình huống thực tế.
- » **Coaching Skills for Executive:** Chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo dành cho Cán bộ Quản lý các cấp Level 5-7.
- » **Câu lạc bộ Kinh Doanh dự án (PBC):** Là một hoạt động thuộc chương trình Coaching do FLI triển khai từ tháng 5/2010 với mục đích nâng cao kiến thức về kinh doanh dự án - hoạt động kinh doanh đặc thù tại FPT.

Quy hoạch cán bộ

Đặc biệt, FPT đã triển khai chương trình quy hoạch cán bộ cấp cao toàn Công ty nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ trẻ, được rèn luyện và trải nghiệm thực tế, hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi FPT để có thể sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo và quản lý cấp cao của Công ty.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Văn hóa doanh nghiệp độc đáo

FPT chấp nhận mọi người như họ vốn có: cả mặt mạnh, mặt yếu, cả điểm tốt và không tốt. FPT luôn tôn trọng, lắng nghe và tạo điều kiện để mỗi thành viên được là chính mình.

Văn hóa chính là sức mạnh của FPT, là chất keo gắn kết người FPT, thúc đẩy mỗi người FPT nỗ lực, sáng tạo đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn.

Văn hóa FPT trước hết là văn hóa ứng xử FPT, là tinh thần mà người FPT hướng tới: Người FPT "Tôn trọng cá nhân – Đổi mới – Đồng đội", lãnh đạo FPT cần "Chí công – Gương mẫu – Sáng suốt". Ở FPT, cấp dưới có thể nói thẳng và trao đổi bình đẳng với cấp trên. Việc lắng nghe những ý kiến khác biệt là cách để lãnh đạo FPT tránh đưa ra những quyết định sai lầm và khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo cho nhân viên.

Văn hóa FPT còn được thể hiện bởi những điều khác biệt như lãnh đạo không nhận quà, phong bì của nhân viên, lãnh đạo phải làm gương cho nhân viên của mình, không được tham nhũng, không tư lợi cá nhân... Dù trong hoàn cảnh nào, người FPT vẫn lạc quan và nỗ lực hết mình, không ngừng học hỏi để có được điều mình mơ ước.

Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của FPT được tuyên truyền, lưu giữ và phát triển thông qua các ấn

phẩm như lược sử, sử ký, tuyển tập, nội san Chúng ta, phim ảnh, đĩa CD, văn thơ, hội họa, điêu khắc và các lễ hội truyền thống...

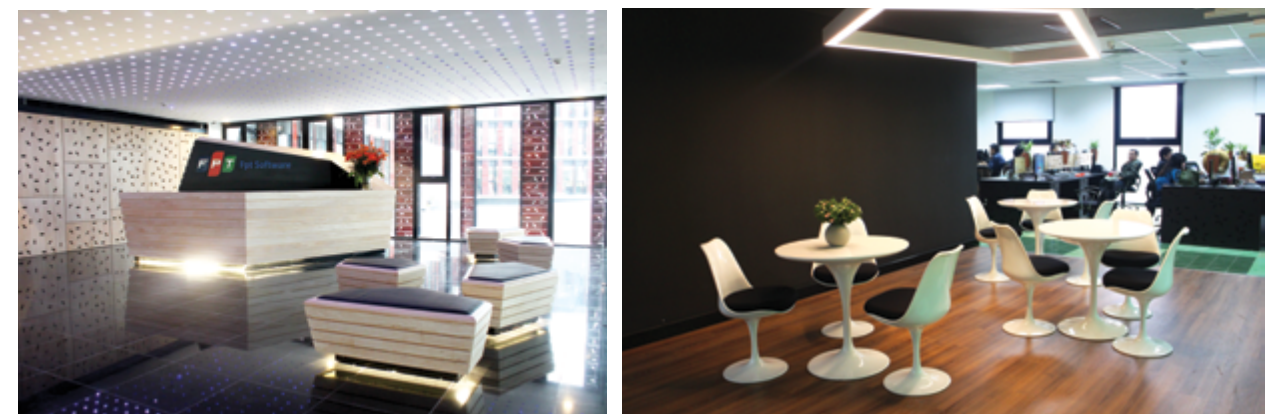
FPT là một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam duy trì các ngày truyền thống mang bản sắc riêng trong nhiều năm, đó là:

- » Ngày Vi cộng đồng (13/03): Tổ chức nhiều chương trình mang tính cộng đồng, nâng cao nhận thức và khơi dậy lòng nhân ái của toàn thể CBNV;
- » Ngày Hướng về Cội nguồn (dịp 10/03 Âm lịch): Tổ chức những chuyến đi về nguồn, tưởng nhớ lịch sử dân tộc, khơi gợi lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc;
- » Ngày Văn nghệ FPT (19/05): Tổ chức các hoạt động văn nghệ ca múa nhạc, đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho CBNV;
- » Ngày thành lập FPT (13/09): Tổ chức các hoạt động hội diễn, hội thao... nhằm gìn giữ giá trị truyền thống của công ty;
- » Hội làng FPT (22/12 Âm lịch): Tổ chức mỗi khi Tết đến, với mong muốn xây dựng một không gian truyền thống lễ hội Việt và cơ hội để người FPT chia sẻ chúc mừng sau một năm làm việc vất vả. Cũng trong ngày này, những cá nhân có kết quả cao nhất trong các cuộc thi Trạng hằng năm sẽ được sắc phong Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

Cơ sở vật chất hiện đại

FPT chú trọng phát triển cơ sở vật chất, xây dựng môi trường làm việc hiện đại, thân thiện môi trường. Trong đó có những khu văn phòng được xây dựng theo mô hình campus như F-Ville, F-Town, FPT Đà Nẵng... nhằm tạo ra một môi trường làm việc sáng tạo giúp CBNV có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình trong công việc.

Theo khảo sát được Ban Nhân sự FPT tiến hành hàng năm, chỉ số gắn kết nhân viên đang có sự phát triển ổn định thể hiện người FPT ngày càng gắn bó với công ty.



CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

NĂM 2014, FPT ĐÃ ĐẦU TƯ 46,7 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, TỔ CHỨC 1.718 KHÓA HỌC VỚI SỰ THAM GIA CỦA 78.320 LƯỢT CBNV.

Biểu đồ

Ngân sách dành cho đào tạo	46,7 tỷ đồng
Số lượt đào tạo	78.320 lượt
Số giờ đào tạo	220.160 giờ
Chi phí đào tạo/ đầu người	21,2 triệu đồng/người
Số lượt đào tạo/ đầu người	3,6 lượt/người
Số giờ đào tạo/đầu người	10 giờ/ người
Số các chứng chỉ công nghệ của CBNV FPT	Hơn 2.000 chứng chỉ

Tại FPT, các lãnh đạo cấp cao nhất trực tiếp định hướng cho hoạt động đào tạo và phát triển của toàn công ty. Chủ tịch FPT Trương Gia Bình là người sáng tạo ra môn FPT Way và thành lập Học viện Lãnh đạo FPT.



Một số chương trình đào tạo chính của FPT

- » Đào tạo tân binh: 100% nhân viên mới được tham gia khóa học đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của FPT.

- » Đào tạo cán bộ công nghệ: Thường xuyên tổ chức đào tạo cập nhật những xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những hãng công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo.
- » Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: Định kỳ hàng năm, nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.
- » Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: Ưu tiên nguồn lực để đào tạo cán bộ nòng cốt trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của công ty.

Chính sách đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ của FPT được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí:

- » Tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho FPT.
- » Cạnh tranh theo thị trường.
- » Khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc.
- » Công bằng và minh bạch.

Hệ thống đãi ngộ FPT được phân thành 04 loại gồm:

- » Lương: Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng).
- » Lương tháng thứ 13 được thưởng vào dịp thành lập Tập đoàn và Tết Âm lịch.
- » Phụ cấp: Đi lại, cước điện thoại di động, kiêm nhiệm....
- » Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc.
- » Phúc lợi xã hội: Bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp...

FPT RẤT CHÚ TRỌNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, QUAN TÂM ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA CBNV VỚI PHƯƠNG CHÂM TẠO CHO CBNV CÓ MỘT CUỘC SỐNG “ĐẦY ĐỦ VỀ VẬT CHẤT VÀ PHONG PHÚ VỀ TINH THẦN”.

Chăm sóc sức khỏe

- » Chính sách chăm sóc sức khỏe của FPT được thiết kế đặc biệt để CBNV luôn có được thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc.
- » Kiểm tra sức khỏe định kỳ miễn phí 01 lần/năm.
- » Chương trình bảo hiểm phúc lợi cho CBNV và người thân (FPT Care) nhằm giảm bớt áp lực về kinh tế và được sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao khi

người lao động gặp rủi ro do tai nạn, ốm đau, bệnh tật với tổng mức chi lên đến hơn 20 tỷ đồng.

- » Khuyến khích CBNV rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao, các câu lạc bộ thể thao, xây dựng các phòng tập và bể bơi trong khuôn viên công ty.
- » Chế độ nghỉ mát hàng năm và chi phí hỗ trợ từ công ty.





TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

FPT TIN TƯỞNG RẰNG, VỚI THỂ MẠNH VỀ CÔNG NGHỆ VÀ LỰC LƯỢNG TRI THỨC ĐÔNG ĐẢO CÙNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC SÁNG TẠO, FPT SẼ GIÚP CÁC TÀI NĂNG TRẺ CÓ CƠ HỘI TỎA SÁNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÌ CỘNG ĐỒNG, LAN TỎA VÀ ƯƠM MẦM NHÂN ÁI RA TOÀN XÃ HỘI THÔNG QUA CÁC HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ. NĂM 2014, FPT ĐÃ CHI 29 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI.

HỖ TRỢ TÀI NĂNG TRẺ

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG TÀI NĂNG TRẺ FPT

Năm 1999, FPT thành lập Trung tâm Bồi dưỡng Tài năng trẻ FPT (FYT) từ ý tưởng của Chủ tịch Trương Gia Bình.

Mục đích

- » Tập hợp những nhân tài trẻ tuổi của đất nước, tạo điều kiện để họ phát triển một cách toàn diện và tạo tiền đề cho họ trở thành người thành đạt trong xã hội, góp phần hưng thịnh quốc gia.
- » Xây dựng môi trường, kết nối những bạn trẻ có những năng khiếu đặc biệt để hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Đối tượng tham gia: Mỗi năm tuyển chọn 25-30 thành viên là sinh viên các trường đại học thỏa mãn các yêu cầu:

- » Những sinh viên xuất sắc tại các trường đại học trên toàn quốc (Sinh viên đạt giải quốc gia, quốc tế, có thành tích học tập tốt...).
- » Vượt qua các vòng thi IQ, GMAT, Tiếng Anh, viết luận, làm việc nhóm và phỏng vấn.

Hoạt động

- » Trao học bổng hàng tháng của FPT.
- » Tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao kiến thức và kỹ năng mềm.
- » Tổ chức các buổi chia sẻ từ những nhà khoa học, chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực liên quan, các lãnh đạo trong FPT và các doanh nghiệp khác.
- » Định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Tham gia trực tiếp vào các dự án tại FPT.

Kết quả đạt được

- » Năm 2014, FYT đã tuyển chọn 29 thành viên khóa 15, trong đó có 10 thành viên đạt giải quốc tế, 12 bạn đạt giải quốc gia và 03 thủ khoa đầu vào đại học.
- » Sau 15 năm hoạt động, FYT quy tụ được gần 400 sinh viên tài năng, trong đó có 250 bạn được giải quốc gia, 170 giải quốc tế... trong đó nhiều thành viên đã thành đạt như anh Đàm Quang Minh, Hiệu trưởng Đại học FPT; anh Vương Vũ Thắng, TGD VCCorp; anh Vương Quang Khải, Phó TGD VNG; anh Nguyễn Hòa Bình, TGD PeaceSoft...

TRAO HỌC BỔNG NGUYỄN VĂN ĐẠO

Quỹ học bổng mang tên cố Giáo sư - Viện sỹ Nguyễn Văn Đạo được Trường Đại học FPT thành lập từ năm 2010.

Mục đích: nhằm mang đến điều kiện học tập tốt nhất và cơ hội phát triển cho những sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các tài năng trẻ.

Loại hình học bổng và Đối tượng tham gia: Từ năm 2014, học bổng Nguyễn Văn Đạo có 03 loại hình:

- » Học bổng Hiểu học dành cho các thí sinh có hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt.
- » Học bổng Học tập xuất sắc dành cho các thí sinh có thành tích học tập xuất sắc.
- » Học bổng Văn-Thể-Mỹ dành cho các thí sinh có thành tích đặc biệt trong lĩnh vực Thể thao – Văn hóa – Nghệ thuật.

Mức học bổng cao nhất bao gồm toàn bộ học phí và chi phí ăn ở trong 04 năm học tại trường.

Kết quả đạt được

- » Năm 2014: Trao được 122 suất học bổng.
- » Tính đến nay, Chương trình đã trao 467 học bổng trị giá 67,7 tỷ đồng.

CÔNG NGHỆ VÌ CỘNG ĐỒNG

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU VỀ CÔNG NGHỆ, FPT MONG MUỐN TẠO RA MÔI TRƯỜNG ĐỂ TRI THỨC VÀ CÔNG NGHỆ MỚI ĐƯỢC PHÁT TRIỂN KHẮP CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI.

CUỘC THI GIẢI TOÁN QUA INTERNET – VIOLYMPIC

Là cuộc thi giải toán qua mạng Internet dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 trên toàn quốc do Bộ GD-ĐT phối hợp với ĐH FPT tổ chức, bắt đầu từ năm học 2008 – 2009.

Mục đích:

- » Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học.
- » Tạo sân chơi trực tuyến môn toán cho học sinh.
- » Tạo điều kiện cho học sinh sử dụng internet là một phương thức học tập

Đối tượng tham gia: Học sinh tiểu học, trung học cơ sở, THPT trên toàn quốc..

Kết quả đạt được

- » Thu hút 18,2 triệu thành viên tham gia (tăng gần 4 triệu thành viên so với năm 2013), phổ cập tới hàng nghìn trường tại 63 tỉnh thành. Mỗi ngày ghi nhận trung bình 25.000 – 30.000 thành viên mới.
- » Giúp hàng triệu học sinh nâng cao kiến thức, phát triển tư duy và tiếp cận với tin học hiện đại.
- » Mở ra một hướng mới cho việc ứng dụng CNTT vào trong chương trình dạy và học.



MẠNG TÌNH NGUYỆN LỚN NHẤT VIỆT NAM – VICONGDONG.COM

Vicongdong.vn là mạng lưới tình nguyện lớn nhất Việt Nam thành lập năm 2008 và được FPT tài trợ về công nghệ.

Mục đích:

- » Kết nối và hỗ trợ các tổ chức, hội nhóm cá nhân hoạt động tình nguyện hoạt động hiệu quả hơn.
- » Xây dựng cộng đồng tình nguyện rộng lớn, lan tỏa lòng nhân ái tới toàn xã hội.

Đối tượng tham gia: Tất cả các cá nhân, tổ chức trên toàn quốc quan tâm, yêu thích hoạt động tình nguyện.

Hoạt động:

- » Tổ chức các chương trình thiện nguyện, giao lưu, kết nối các nhóm tình nguyện.
- » Tổ chức giải thưởng tình nguyện Chim én nhằm tôn vinh những cá nhân, tổ chức làm tình nguyện xuất sắc.
- » Hỗ trợ đào tạo hoạt động tình nguyện.

Kết quả đạt được

- » Là mạng lưới tình nguyện lớn nhất Việt Nam, với hơn 60.000 tình nguyện viên, tham gia trên toàn quốc.
- » Hơn 1.000 dự án tình nguyện đã được triển khai.

ƯƠM MÀM NHÂN ÁI

FPT LÀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM DÀNH RIÊNG MỘT NGÀY ĐỂ TOÀN THỂ CBNV TRONG TẬP ĐOÀN DÀNH THỜI GIAN SUY NGHĨ HOẶC ĐÓNG GÓP MỘT HÀNH ĐỘNG THIẾT THỰC CHO CỘNG ĐỒNG. TỪ NĂM 2010, NGÀY FPT VÌ CỘNG ĐỒNG (13/03 HÀNG NĂM) ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT NÉT VĂN HÓA ĐẦY TÍNH NHÂN VĂN CỦA NGƯỜI FPT.

Năm 2014, Ngày FPT Vì cộng đồng được tổ chức với thông điệp “Tặng nụ cười - Trao hạnh phúc”, nhiều chương trình đã được phát động trên toàn quốc như: tìm kiếm và trao tặng các suất phẫu thuật nụ cười miễn phí cho trẻ em bị sứt môi, hở hàm ếch; hiến máu nhân đạo; tặng quà bệnh nhi; trao học bổng cho những học sinh nghèo; tổ chức các gian hàng gây quỹ từ thiện...

Cũng trong ngày này, FPT đã thành lập Quỹ “Người FPT Vì Cộng đồng” và kêu gọi mỗi CBNV quyên góp một ngày lương cho Quỹ để chủ động, kịp thời hỗ trợ đồng bào, đồng nghiệp khi gặp khó khăn và thực hiện các chương trình thiện nguyện một cách bài bản hơn. Năm 2014, Quỹ đã quyên góp được 3,14 tỷ đồng.

Các hoạt động thiện nguyện chính của người FPT trong năm:

- » Tìm kiếm và trao tặng 100 suất phẫu thuật sứt môi, hở hàm ếch miễn phí cho trẻ em nghèo Việt Nam trị giá 500 triệu đồng.

- » Triển khai 83 chương trình cộng đồng, giúp đỡ 28 gia đình người FPT gặp hoạn nạn.

- » Trao tặng 28 tủ sách với hơn 21.000 cuốn sách, mang thêm cơ hội tiếp cận tri thức tới gần 9.000 học sinh tại các trường học khó khăn.

- » 1.711 người tham gia hiến máu nhân đạo, trao tặng 2.014 đơn vị máu.

Bên cạnh đó, năm 2014 là năm thứ 05 liên tiếp, FPT kết hợp cùng với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Hội Bảo trợ trẻ em nhiễm dioxin Việt Nam tại Pháp (VNED) thực hiện chương trình hỗ trợ học sinh khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam được tiếp tục đến trường hoặc học nghề để hòa nhập cộng đồng. Theo đó, FPT đã trao 240 triệu đồng tương đương 200 suất học bổng, trị giá 1,2 triệu đồng/suất, cho trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam.



HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Với định hướng doanh nghiệp xanh, FPT đã hướng sự quan tâm của mình đến các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên bằng các giải pháp cụ thể:

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

- » Áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao ý thức của toàn thể CBNV, kết hợp cùng những tổ chức quốc tế hành động vì môi trường.
- » Thành lập CLB xe đạp, khuyến khích CBNV đạp xe đi làm.
- » Hưởng ứng chiến dịch giờ Trái đất.
- » Là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên kết hợp cùng Hiệp hội Bảo tồn động vật hoang dã, chương trình tại Việt Nam (WCS) ký cam kết thực hiện Chương trình “Nói không với tiêu thụ động vật hoang dã” (Go for zero).
- » Tham gia chương trình “Nói không với sừng tê giác” do Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên tại Việt Nam (WWF) triển khai.
- » Đăng cai tổ chức cuộc thi về quản lý tài nguyên thiên nhiên mang tên “Thành phố tương lai” tại Việt Nam. Đây là cuộc thi quốc tế đã được tổ chức tại 12 nước trên thế giới nhằm mở rộng nhận thức của thế hệ trẻ trên thế giới về nguồn nước và tầm quan trọng của nước tới hệ sinh thái xung quanh môi trường sống.

Áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng

- » Triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng của Panasonic tại Đại học FPT giúp giảm được 341.200 kWh trị giá 500 triệu đồng và cắt giảm 192,2 tấn CO₂ hàng năm.
- » Triển khai dự án Green IT giảm phát khí thải nhà kính và cắt giảm 255.000 kWh điện năng với trị giá 300 triệu đồng hàng năm cho Data Center.
- » Nhà máy sản xuất máy tính công suất 240.000 máy/năm đạt chứng nhận Quản lý môi trường ISO 14.000 từ 2004 sau 2 năm thành lập.
- » Văn phòng xanh.

-341.200

KWH

TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG CỦA PANASONIC TẠI ĐẠI HỌC FPT



-192,2

TẤN CO₂

TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP CẮT GIẢM LƯỢNG CO₂ HÀNG NĂM



-255.000

KWH

TRIỂN KHAI DỰ ÁN GREEN IT GIẢM PHÁT KHÍ THẢI NHÀ KÍNH



Chinh phục mục tiêu

FPT đặt mục tiêu doanh thu toàn cầu hóa
đạt 1 tỷ USD vào năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Lê Song Lai	Ủy viên
Ông Jean Charles Belliol	Ủy viên
Ông Hamaguchi Tomokazu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Dan E Khoo	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2014)
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014)
Bà Lê Nữ Thùy Dương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Dũng Triều	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Khắc Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2015, từ trang 4 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 03 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1576-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		16.964.332.738.803	12.908.243.472.406
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015
1. Tiền	111		2.072.206.319.316	1.426.911.070.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.264.076.128.453	1.324.060.073.253
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	1.441.486.664.176	1.443.449.364.921
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.450.892.161.296	1.452.854.862.041
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.405.497.120)	(9.405.497.120)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.034.337.827.055	4.411.534.370.955
1. Phải thu khách hàng	131		4.005.225.417.438	3.658.267.197.017
2. Trả trước cho người bán	132		400.189.196.061	253.623.307.137
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	8	522.982.860.079	419.888.616.854
4. Các khoản phải thu khác	135	9	401.395.904.525	320.026.947.899
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(295.455.551.048)	(240.271.697.952)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.572.636.184.140	3.328.880.961.810
1. Hàng tồn kho	141		4.652.333.244.983	3.353.805.593.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.697.060.843)	(24.924.631.429)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.579.589.615.663	973.407.630.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	592.435.044.749	178.529.969.119
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		921.625.024.678	757.073.611.102
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.743.686.340	10.025.030.013
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		31.785.859.896	27.779.020.471
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		5.694.011.211.930	4.662.313.781.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.212.664.525
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	1.212.664.525
II. Tài sản cố định	220		3.837.788.188.637	3.075.863.270.475
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.998.002.341.729	2.263.586.993.603
- Nguyên giá	222		5.352.532.953.679	4.132.422.050.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.354.530.611.950)	(1.868.835.056.732)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		740.441.475	545.870.029
- Nguyên giá	225		958.946.192	794.460.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(218.504.717)	(248.590.779)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	301.803.730.735	272.627.710.038
- Nguyên giá	228		529.387.560.020	480.191.028.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.583.829.285)	(207.563.318.693)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	537.241.674.698	539.102.696.805
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		796.508.947.186	706.727.341.936
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	251.078.173.392	225.525.036.285
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	703.175.738.859	663.468.944.666
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(157.744.965.065)	(182.266.639.015)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		726.543.631.463	647.002.229.017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	523.437.534.683	489.423.569.136
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	131.807.015.837	103.536.509.729
3. Tài sản dài hạn khác	268		71.299.080.943	54.042.150.152
V. Lợi thế thương mại	269		333.170.444.644	231.508.275.153
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.658.343.950.733	17.570.557.253.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		13.400.525.192.639	9.316.700.305.301
I. Nợ ngắn hạn	310		13.056.523.189.378	9.068.740.122.198
1. Vay ngắn hạn	311	21	6.722.412.217.259	4.166.634.532.080
2. Phải trả người bán	312		3.018.857.084.191	2.200.022.923.453
3. Người mua trả tiền trước	313		478.420.174.874	374.759.654.082
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	250.837.100.459	196.311.775.347
5. Phải trả người lao động	315		647.441.848.103	506.482.831.093
6. Chi phí phải trả	316		517.896.927.838	447.646.454.864
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		15.756.096.426	28.377.082.233
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	177.252.587.439	172.163.501.647
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	24	32.252.745.918	52.496.233.059
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		209.216.273.528	211.131.680.402
11. Doanh thu chưa thực hiện	338		986.180.133.343	712.713.453.938
II. Nợ dài hạn	330		344.002.003.261	247.960.183.103
1. Phải trả dài hạn khác	333		198.449.132.073	191.130.136.496
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	142.418.459.294	55.406.052.179
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		2.929.410.611	1.138.933.402
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	24	12.905.000	12.905.000
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		192.096.283	272.156.026
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		7.913.345.041.820	7.208.664.664.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	7.910.595.041.820	7.205.914.664.472
1. Vốn điều lệ	411		3.439.766.000.000	2.752.017.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.465.703.201	49.465.703.201
3. Cổ phiếu quỹ	414		(823.760.000)	(823.760.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(12.569.673.745)	4.302.490.092
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.400.040.851	78.666.938.875
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		87.203.093.024	114.943.857.509
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.268.153.638.489	4.207.341.884.795
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.344.473.716.274	1.045.192.283.739
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		22.658.343.950.733	17.570.557.253.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	179.232.471.568	192.504.242.365
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD	9.030.032	8.767.216
- Đồng Euro	EUR	2.575.589	633.945
- Yên Nhật	JPY	1.221.650.783	306.967.947
- Đô la Singapore	SGD	1.507.484	662.727

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	32.873.026.689.955	27.114.701.620.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	228.370.331.060	86.812.893.801
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	32.644.656.358.895	27.027.888.726.307
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	26.371.195.996.918	21.488.735.997.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.273.460.361.977	5.539.152.728.566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	367.644.565.708	385.721.360.302
7. Chi phí tài chính	22	31	354.076.323.129	270.555.567.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		166.165.287.204	132.491.172.822
8. Chi phí bán hàng	24		1.702.757.995.648	1.356.607.364.353
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.183.260.264.435	1.846.473.690.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.401.010.344.473	2.451.237.466.527
11. Thu nhập khác	31	32	193.661.930.126	204.959.308.306
12. Chi phí khác	32	33	123.533.340.100	119.640.696.452
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		70.128.590.026	85.318.611.854
14. Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		40.858.599.445	21.520.886.281
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
- Trước khi trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (48=30+40+45)	48		2.511.997.533.944	2.558.076.964.662
- Trích lập Quỹ đầu tư và phát triển	49	34	52.773.331.907	42.446.972.450
- Sau khi trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (50=48-49)	50		2.459.224.202.037	2.515.629.992.212
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	399.000.144.668	477.971.353.268
17. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(18.900.741.566)	(27.654.356.365)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.079.124.798.935	2.065.312.995.309
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		447.039.711.742	457.604.776.329
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.632.085.087.193	1.607.708.218.980
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	4.746	4.684

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.459.224.202.037	2.515.629.992.212
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	547.273.646.085	442.985.954.392
- Các khoản dự phòng	03	85.434.608.560	71.929.294.278
- (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết		(32.886.470.107)	(15.084.111.193)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	(16.872.163.837)	(23.657.268.042)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(372.811.060.784)	(402.795.583.777)
- Chi phí lãi vay	06	166.165.287.204	132.491.172.822
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.835.528.049.158	2.721.499.450.692
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(680.600.489.029)	(686.587.885.329)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.311.691.368.768)	(643.504.372.095)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.085.838.052.344	617.658.722.473
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(107.329.691.370)	(64.328.286.889)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(202.542.537.509)	(139.995.347.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(401.600.073.578)	(440.791.857.488)
- Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	(66.562.113.848)	36.180.670.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.151.039.827.400	1.400.131.094.803
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.440.556.923.125)	(919.555.304.469)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.157.827.856	8.533.736.154
3. Tiền thu/(chi) cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23, 24	(38.195.216.179)	(775.227.472.629)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	189.684.494.595	156.458.913.777
5. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		(203.239.205.312)	(45.920.974.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.469.149.022.165)	(1.575.711.101.448)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	13.529.220.000
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		16.388.910.000	3.898.290.000
3. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	-	(29.420.000)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.817.428.762.280	14.216.536.260.965
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.174.638.669.986)	(12.875.984.294.847)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(755.758.503.775)	(750.313.927.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.903.420.498.519	607.636.128.570
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.585.311.303.754	432.056.121.925
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.750.971.144.015	2.318.915.022.090
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015

Nguyễn Tiến Hảo
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) ban đầu là công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần FPT có 9 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT; và
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 28 tháng 5 năm 2014, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 3.439.766.000.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.016 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 17.419 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu: (i) Dịch vụ phát triển phần mềm gồm gia công xuất khẩu phần mềm, cung cấp giải pháp, dịch vụ phần mềm và hệ thống quản trị nguồn lực ERP; (ii) Tích hợp hệ thống; (iii) Dịch vụ tin học gồm dịch vụ quản trị hệ thống, dịch vụ BPO, dịch vụ Data center v.v.; (iv) Dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ internet và các dịch vụ giá trị gia tăng; (v) Dịch vụ nội dung số gồm các dịch vụ quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến v.v.; (vi) Dịch vụ đào tạo ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học; (vii) Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 10% lợi nhuận thuần sau thuế của các đơn vị thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của phát triển phần mềm, tích hợp hệ thống và dịch vụ tin học

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện, hoặc tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước nhưng chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- Viễn thông:** bao gồm các dịch vụ internet cá nhân và hộ gia đình, dịch vụ internet cho doanh nghiệp như cho thuê kênh riêng (internet leased line), viễn thông trong nước, viễn thông quốc tế, tên miền, hosting, cổng dữ liệu Web, IPTV...;
- Nội dung số:** bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân như hệ thống báo điện tử (VnExpress.net, Ngoisao.net, iOne.net, PCWorld.com.vn, Gamethu.vn v.v...); quảng cáo trực tuyến; hệ thống mạng quảng cáo (AdNetwork), trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v...;
- Phát triển phần mềm:** bao gồm hoạt động sản xuất phần mềm; các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
- Tích hợp hệ thống:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v...;
- Dịch vụ tin học:** cung cấp dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân - Doanh nghiệp - Chính phủ, điện toán đám mây (cloud computing), chứng thực chữ ký số, bảo mật, bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- Giáo dục:** bao gồm dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học;
- Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ:** bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT.

Đầu tư: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: triệu VND

Năm 2014

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông						Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng	
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục			Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.869.902	946.405	3.507.641	2.706.880	723.641	559.976	20.280.084	50.127	32.644.656
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	5.959	-	72.991	211.642	56.579	30.422	2.571.113	134.626	(3.083.332)
Tổng doanh thu theo bộ phận	3.875.861	946.405	3.580.632	2.918.522	780.220	590.398	22.851.197	184.753	32.644.656
Chi phí theo bộ phận									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(3.066.834)	(853.413)	(3.035.960)	(2.788.836)	(745.551)	(426.285)	(22.260.244)	(274.553)	3.194.147
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	809.027	92.992	544.672	129.686	34.669	164.113	590.953	(89.800)	2.387.127
Khấu hao và chi phí phân bổ	(512.530)	(56.357)	(287.523)	(75.091)	(20.074)	(54.304)	(64.911)	(21.550)	4.274
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	1.087.160	28.573	486.089	86.575	23.144	146.665	101.342	25.793	(659.949)
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	833.809	102.223	518.825	136.682	84.496	170.961	588.833	1.848.860	(1.825.780)
Tài sản bộ phận	8.803.915	937.495	2.849.138	2.677.263	715.724	757.364	8.294.629	3.356.508	(5.733.692)
Nợ phải trả bộ phận	6.308.059	545.401	1.534.916	1.891.701	505.716	279.572	6.950.611	1.262.681	(5.878.132)
									13.400.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: triệu VND

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Năm 2013

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông							Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ		
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.237.844	1.038.021	2.779.185	2.973.025	682.595	556.265	15.760.954	-	27.027.889
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	15.852	10.039	40.093	146.655	37.009	706	1.633.282	219.906	(2.103.542)
Tổng doanh thu theo bộ phận	3.253.696	1.048.060	2.819.278	3.119.680	719.604	556.971	17.394.236	219.906	27.027.889
Chi phí theo bộ phận									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(2.442.979)	(905.670)	(2.285.942)	(2.814.491)	(645.867)	(433.885)	(16.979.758)	(331.778)	2.148.553
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	810.717	142.390	533.336	305.189	73.737	123.086	414.478	(111.872)	45.011
Khấu hao và chi phí phân bổ	(335.919)	(77.768)	(112.402)	(79.435)	(17.807)	(54.874)	(35.415)	(22.953)	46.526
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	809.673	106.953	307.696	91.102	20.289	84.969	134.056	4.866	(54.193)
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	830.107	139.812	548.009	264.365	104.232	132.959	404.247	1.096.935	(1.005.036)
Tài sản bộ phận	3.128.328	428.342	2.018.988	2.422.453	539.485	674.287	6.459.105	2.415.396	(515.827)
Nợ phải trả bộ phận	1.534.579	123.517	797.475	1.530.081	340.752	211.305	5.360.917	805.363	(1.387.289)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	25.340.467.183	21.740.820.986
Tiền gửi ngân hàng	2.046.865.852.133	1.404.818.351.158
Tiền đang chuyển	-	351.898.618
Các khoản tương đương tiền	2.264.076.128.453	1.324.060.073.253
	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.299.337.980.000	1.211.839.734.955
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	22.413.099.520	22.413.099.520
Các khoản ủy thác đầu tư	129.141.081.776	218.602.027.566
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.405.497.120)	(9.405.497.120)
	1.441.486.664.176	1.443.449.364.921

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng lũy kế đã ghi nhận	1.732.531.686.666	2.093.213.496.004
Trừ: Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(1.209.548.826.587)	(1.673.324.879.150)
	522.982.860.079	419.888.616.854

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì	92.294.878.439	133.976.742.779
Các khoản phải thu khác	309.101.026.086	186.050.205.120
	401.395.904.525	320.026.947.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	240.271.697.952	181.027.027.206
Tăng dự phòng trong năm	135.964.030.410	74.956.477.875
Sử dụng dự phòng trong năm	713.795.760	(327.860.400)
Hoàn nhập	(81.493.973.074)	(15.383.946.729)
Số dư cuối năm	295.455.551.048	240.271.697.952

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	236.143.261.376	280.500.312.127
Công cụ, dụng cụ	47.795.028.308	33.051.214.767
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	923.735.613.682	457.288.544.509
Hàng hóa	3.444.659.341.617	2.582.965.521.836
Cộng	4.652.333.244.983	3.353.805.593.239
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(79.697.060.843)	(24.924.631.429)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.572.636.184.140	3.328.880.961.810

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm 211.035.385.641 VND là chi phí hoãn lại tương ứng với doanh thu đã nhận trước từ hoạt động viễn thông theo ước tính tốt nhất của Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính (tại 31 tháng 12 năm 2013: 66.147.407.408 VND). Trong năm 2014, Tập đoàn triển khai quang hóa thay cho cáp đồng theo đó ước tính về chi phí này cũng đã được cập nhật cho phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	811.877.332.343	2.471.493.470.584	73.149.849.114	760.987.292.572	14.914.105.722	4.132.422.050.335
Tăng do mua sắm	112.112.402.249	799.382.081.645	8.938.008.673	90.696.039.192	23.623.396.705	1.034.751.928.464
Tăng do XDCB hoàn thành	140.822.618.224	54.970.621.689	-	-	-	195.793.239.913
Thanh lý, nhượng bán	(499.916.673)	(11.215.579.656)	(777.892.099)	(10.887.989.316)	(1.084.500.000)	(24.465.877.744)
Tăng/(Giảm) khác	18.770.015.122	(2.637.465.842)	-	(1.890.063.777)	(210.872.792)	14.031.612.711
Tại ngày 31/12/2014	1.083.082.451.265	3.311.993.128.420	81.309.965.688	838.905.278.671	37.242.129.635	5.352.532.953.679
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	110.580.916.485	1.158.579.456.806	33.865.319.728	557.149.146.500	8.660.217.213	1.868.835.056.732
Khấu hao trong năm	42.741.069.816	373.430.704.616	5.898.114.216	73.953.467.874	5.369.915.539	501.393.272.061
Thanh lý, nhượng bán	(499.916.673)	(5.969.237.422)	(739.726.930)	(8.652.263.149)	(704.468.356)	(16.565.612.530)
Tăng/(Giảm) khác	(192.245.091)	588.861.180	-	801.697.716	(330.418.118)	867.895.687
Tại ngày 31/12/2014	152.629.824.537	1.526.629.785.180	39.023.707.014	623.252.048.941	12.995.246.278	2.354.530.611.950
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	930.452.626.728	1.785.363.343.240	42.286.258.674	215.653.229.730	24.246.883.357	2.998.002.341.729
Tại ngày 31/12/2013	701.296.415.858	1.312.914.013.778	39.284.529.386	203.838.146.072	6.253.888.509	2.263.586.993.603

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 849,055 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 719,812 triệu VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 297,879 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 44,774 triệu VND) đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	56.338.494.650	187.256.346.509	236.596.187.572	480.191.028.731
Mua trong năm	2.032.992.000	23.810.409.778	44.216.870.303	70.060.272.081
Tăng do XDCB hoàn thành	-	12.217.412.394	1.413.894.438	13.631.306.832
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.733.799.871)	(10.612.270)	(14.744.412.141)
Tăng/(Giảm) khác	-	358.737.247	(20.109.372.730)	(19.750.635.483)
Tại ngày 31/12/2014	58.371.486.650	208.909.106.057	262.106.967.313	529.387.560.020
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.404.151.213	118.385.653.294	86.773.514.186	207.563.318.693
Khấu hao trong năm	610.947.640	25.359.824.547	19.939.687.899	45.910.460.086
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.946.654.707)	(6.991.167)	(5.953.645.874)
Tăng/(Giảm) khác	-	(86.011.764)	(19.850.291.856)	(19.936.303.620)
Tại ngày 31/12/2014	3.015.098.853	137.712.811.370	86.855.919.062	227.583.829.285
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	55.356.387.797	71.196.294.687	175.251.048.251	301.803.730.735
Tại ngày 31/12/2013	53.934.343.437	68.870.693.215	149.822.673.386	272.627.710.038

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	539.102.696.445	540.996.358.701
Tăng trong năm	220.415.695.445	277.393.271.851
Kết chuyển sang tài sản cố định	(209.424.546.745)	(156.126.314.742)
Giảm khác	(12.852.171.807)	(123.160.619.005)
Số dư cuối năm	537.241.674.698	539.102.696.805
Chi tiết theo công trình:		
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án cáp quang biển Châu Á - Thái Bình Dương	155.652.668.002	115.159.526.748
Dự án F-Town 2	101.233.104.567	15.527.359.843
Dự án đầu tư tại Nam An Khánh	92.999.271.455	92.999.271.455
Xây dựng các hệ thống tin học	49.857.628.829	35.313.560.116
Khu văn phòng Tân Thuận	28.043.467.251	27.329.867.251
Cơ sở hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	10.457.492.702	8.189.401.795
Đại học FPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	11.959.791.022	2.299.437.663
Công trình trục đường Bắc Nam	7.982.725.648	34.831.378.215
Dự án FVille 2 (Hòa Lạc)	6.709.617.336	-
Dự án FVille 1 (Hòa Lạc)	-	144.560.808.807
Khác	72.345.907.886	62.892.084.912
	537.241.674.698	539.102.696.805

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 103.163 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 144.561 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 6.515 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Tầng 22, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	45,64%	45,64%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	Số 408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	51,95%	84,08%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	84,27%	84,27%	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 45,64% phần vốn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 42,51%) và nắm giữ 45,64% quyền biểu quyết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 42,51%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	225.525.036.285	210.440.925.092
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	32.886.470.107	15.084.111.193
Cổ tức nhận được	(7.333.333.000)	-
Số dư cuối năm	251.078.173.392	225.525.036.285

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Tầng 9, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ủy thác đầu tư	85.800.000.000	85.800.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nam	21.300.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	44.870.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	487.357.569.046	487.357.569.046
Khác	63.848.169.813	15.441.375.620
	703.175.738.859	663.468.944.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	489.423.569.136	330.699.555.321
Tăng trong năm	666.964.694.488	420.313.922.987
Phân bổ vào chi phí trong năm	(540.762.191.889)	(247.061.159.029)
Giảm khác	(92.188.537.052)	(14.528.750.143)
Số dư cuối năm	523.437.534.683	489.423.569.136

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Doanh thu	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	21.400.190.950	1.288.319.469	-	80.847.999.310	103.536.509.729
Mua thêm công ty	-	-	8.287.026.421	-	8.287.026.421
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	(944.111.590)	(1.288.319.469)	125.825.675	22.700.790.664	20.594.185.280
Giảm khác	-	-	(767.960.350)	157.254.757	(610.705.593)
Tại ngày 31/12/2014	20.456.079.360	-	7.644.891.746	103.706.044.731	131.807.015.837

21. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	6.608.343.774.045	4.121.012.095.159
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	7.318.323.845
Vay và nợ dài hạn tới hạn trả	114.068.443.214	38.304.113.076
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 25)	113.838.052.738	38.304.113.076
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	230.390.476	-
	6.722.412.217.259	4.166.634.532.080

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	86.052.935.289	39.330.495.369
Thuế xuất, nhập khẩu	312.474.709	315.837.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.884.990.434	143.943.458.474
Thuế thu nhập cá nhân	15.816.819.194	8.528.059.795
Thuế nhà thầu	6.553.617.502	3.505.039.295
Thuế khác	1.216.263.331	688.884.889
	250.837.100.459	196.311.775.347

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.385.555.008	20.965.302.823
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	18.094.301.731	11.832.650.759
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	983.480.000	791.484.220
Phải trả tiền cổ tức	5.001.985.839	63.880.865.239
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	51.954.456.378	25.457.355.931
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.832.808.483	49.235.842.675
	177.252.587.439	172.163.501.647

24. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành sản phẩm VND	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	52.496.233.059	12.905.000	52.509.138.059
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	30.567.755.557	-	30.567.755.557
Hoàn nhập dự phòng	(8.811.969.621)	-	(8.811.969.621)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(41.999.273.077)	-	(41.999.273.077)
Tại ngày 31/12/2014	32.252.745.918	12.905.000	32.265.650.918

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG (Tiếp theo)

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Công ty, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	255.538.203.839	93.233.438.655
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (i)	31.654.028.080	63.308.056.152
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (ii)	149.467.352.859	29.925.382.503
- Ngân hàng Mizuho Nhật Bản (iii)	73.599.377.600	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (iv)	817.445.300	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	948.698.669	476.726.600
Tổng cộng	256.486.902.508	93.710.165.255
Trong đó		
Số phải trả trong vòng 12 tháng	114.068.443.214	38.304.113.076
Số phải trả sau 12 tháng	142.418.459.294	55.406.052.179

(i) Phản ánh khoản vay theo lãi suất thị trường tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với tổng hạn mức là 100 tỷ VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tòa nhà FPT Đà Nẵng tại lô 29+42 và lô số 30, khu công nghiệp Đà Nẵng, phường Bắc Hải, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng và tòa nhà C4 tại Làng công nghệ số 4, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

(ii) Phản ánh các khoản vay theo lãi suất thị trường tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng thương mại ký ngày 15 tháng 8 năm 2013 với tổng hạn mức là 50 tỷ VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tòa nhà C4 tại Làng công nghệ số 4, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

- Hợp đồng tín dụng thương mại ký ngày 11 tháng 12 năm 2013 và bản sửa đổi lần 1 ngày 13 tháng 11 năm 2014 với tổng hạn mức đợt 1 là 125 tỷ VND và đợt 2 là 50 tỷ VND.

Khoản vay tài trợ vốn cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn II dự án tòa nhà Ftown 2 tại Khu công nghệ cao phần mềm quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay cho giai đoạn II của dự án và toàn bộ tài sản hiện tại được hình thành trong giai đoạn I của dự án (tòa nhà Ftown 1) và quyền nhận các khoản thu được từ bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm liên quan đến tài sản thế chấp.

(iii) Phản ánh các khoản vay theo lãi suất thị trường tại Ngân hàng Mizuho Nhật Bản nhằm bổ sung vốn lưu động và không có tài sản thế chấp:

- Các khoản vay tổng hạn mức là 130.000.000 Yên Nhật, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Khoản vay tổng hạn mức là 300.000.000 Yên Nhật, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(iv) Tại ngày 19 tháng 11 năm 2014, Tập đoàn ký hợp đồng vay dài hạn theo lãi suất thị trường với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với số tiền 36 tỷ đồng để đầu tư Dự án "Cung cấp hệ thống bán vé điện tử của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam". Khoản vay được giải ngân trong thời gian là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu. Khoản vay này được trả làm nhiều lần, bắt đầu từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 và sẽ được hai bên ký lịch trả nợ chính thức và số tiền trả nợ chính thức sau khi rút vốn hoặc Dự án đã giải ngân hết.

Tập đoàn sử dụng tài sản hình thành trong tương lai từ việc đầu tư Dự án "Cung cấp hệ thống bán vé điện tử của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam" để thế chấp cho khoản vay này. Khoản vay được rút vốn lần đầu tiên vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	113.838.052.738	38.304.113.076
Trong năm thứ hai	75.361.130.056	44.954.198.078
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	65.521.575.745	9.975.127.501
Sau năm năm	-	-
Chưa có lịch trả nợ	817.445.300	-
	255.538.203.839	93.233.438.655
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	113.838.052.738	38.304.113.076
Số phải trả sau 12 tháng	141.700.151.101	54.929.325.579

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.738.488.330.000	49.465.703.201	(794.340.000)	27.959.758.134	67.103.009.261	115.477.144.855	3.181.312.460.987	6.179.012.066.438								
Phát hành cổ phiếu	13.529.220.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.529.220.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.607.708.218.980	-	-	1.607.708.218.980
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	(29.420.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(29.420.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(167.728.965.745)	-	-	(167.728.965.745)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(412.679.068.500)	-	-	(412.679.068.500)
Biến động khác	-	-	-	(23.657.268.042)	11.563.929.614	(533.287.346)	(1.270.760.927)	(13.897.386.701)								(13.897.386.701)
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.752.017.550.000	49.465.703.201	(823.760.000)	4.302.490.092	78.666.938.875	114.943.857.509	4.207.341.884.795	7.205.914.664.472								
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	687.748.450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(687.748.450.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.632.085.087.193	-	-	1.632.085.087.193
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(158.874.063.869)	-	-	(158.874.063.869)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(756.573.292.500)	-	-	(756.573.292.500)
Biến động khác	-	-	-	(16.872.163.837)	733.101.976	(27.740.764.485)	31.922.472.870	(11.957.353.476)								
Số dư tại ngày 31/12/2014	3.439.766.000.000	49.465.703.201	(823.760.000)	(12.569.673.745)	79.400.040.851	87.203.093.024	4.268.153.638.489	7.910.595.041.820								

(i) Trong năm, Tập đoàn đã phát hành 68.774.845 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2013 với tỷ lệ 25% (04 cổ phần hiện hữu được chia thêm 01 cổ phần mới); trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (1.500 VND/cổ phiếu).

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01.08-2014/NQ-HĐQT-FPT ngày 04 tháng 8 năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (1.000 VND/cổ phiếu). Mức chia cổ tức bằng tiền mặt của cả năm 2014 sẽ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 quyết định.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2014	31/12/2013
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	343.976.600	275.201.755
Cổ phiếu đã phát hành	343.976.600	275.201.755
Cổ phiếu phổ thông	342.203.103	273.696.515
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.773.497	1.505.240
Cổ phiếu quỹ	(82.376)	(82.376)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(82.376)	(82.376)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	343.894.224	275.119.379
Cổ phiếu phổ thông	342.203.103	273.696.515
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.691.121	1.422.864

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.873.026.689.955	27.114.701.620.108
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	23.137.125.190.058	19.290.289.049.815
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.735.901.499.897	7.824.412.570.293
Các khoản giảm trừ doanh thu	228.370.331.060	86.812.893.801
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.644.656.358.895	27.027.888.726.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	32.644.656.358.895	27.027.888.726.307
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	2.485.838.459.847	1.618.997.029.910
Tổng doanh thu kinh doanh	35.130.494.818.742	28.646.885.756.217

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	20.704.311.251.828	17.219.301.191.740
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.612.112.315.676	4.255.302.589.064
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.772.429.414	14.132.216.937
	26.371.195.996.918	21.488.735.997.741

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí giá vốn hàng mua	18.132.407.613.139	15.171.760.279.143
Chi phí nguyên vật liệu	3.356.674.095.833	2.475.358.508.582
Chi phí nhân công	3.091.000.395.774	2.739.882.521.594
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.088.035.837.975	690.047.113.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.601.546.584.762	3.360.511.581.161
Chi phí khác bằng tiền	453.996.798.691	439.278.691.338
	30.723.661.326.174	24.876.838.695.239

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	169.341.885.541	139.250.524.797
Lãi chênh lệch tỷ giá	111.798.087.890	102.726.429.787
Doanh thu tài chính khác	86.504.592.277	143.744.405.718
	367.644.565.708	385.721.360.302

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	166.165.287.204	132.491.172.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.278.556.862	127.606.279.374
Chi phí hoạt động tài chính khác	74.632.479.063	10.458.115.005
	354.076.323.129	270.555.567.201

32. THU NHẬP KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	38.393.723.547	28.217.751.822
Nợ khó đòi đã thu hồi	73.530.000	-
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	24.480.366.116	23.285.049.547
Các thu nhập khác	130.714.310.463	153.456.506.937
	193.661.930.126	204.959.308.306

33. CHI PHÍ KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	26.781.437.112	17.861.608.579
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.205.096.985	4.993.715.482
Chi phí khác	93.546.806.003	96.785.372.391
	123.533.340.100	119.640.696.452

34. TRÍCH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư và phát triển được tạm trích lập với tỷ lệ 25% từ lợi nhuận trước thuế tại Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Điều 66 Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện tại	391.028.015.330	471.534.578.181
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận từ các công ty liên kết	7.972.129.338	6.436.775.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	399.000.144.668	477.971.353.268
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	(18.900.741.566)	(27.654.356.365)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	380.099.403.102	450.316.996.903

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.459.224.202.037	2.515.629.992.212
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	439.886.607.000	518.567.468.639
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(21.637.010.123)	(20.509.776.244)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	8.481.342.192	11.026.634.043
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	27.721.596.405	6.945.268.628
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(55.359.560.872)	(32.647.421.275)
Các ảnh hưởng khác	(18.993.571.500)	(33.065.176.888)
	380.099.403.102	450.316.996.903

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 22% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ còn lại đã cung cấp.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT tuân theo các quy định thuế hiện hành.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.085.087.193	1.607.708.218.980
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	343.894.224	343.218.571
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.746	4.684

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	274.443.726	5.858
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành vào ngày 09 tháng 5 năm 2014	68.774.845	(1.174)
Số đã điều chỉnh lại	343.218.571	4.684

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 25 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	6.864.830.676.553	4.222.040.584.259
Trừ: Tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	5.635.620.427.769	3.962.810.878.970
Nợ thuần	1.229.210.248.784	259.229.705.289
Vốn chủ sở hữu	7.913.345.041.820	7.208.664.664.472
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,16	0,04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Ghi chú	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	(i)	1.299.337.980.000	1.211.839.734.955	1.299.337.980.000	1.211.839.734.955
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	4.111.165.770.915	3.739.235.111.489	4.111.165.770.915	3.739.235.111.489
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết	(iii)	13.007.602.400	13.007.602.400	16.843.177.467	13.382.821.700
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu đã niêm yết	(ii)	40.000.000.000	130.296.975.790	37.872.000.000	119.729.811.000
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	(v)	89.141.081.776	88.305.051.776	Thuyết minh (v)	Thuyết minh (v)
- Các khoản đầu tư dài hạn vào quỹ đầu tư	(iv)	52.306.589.981	52.332.065.110	54.547.795.569	52.332.065.110
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	(v)	493.124.183.813	428.870.240.541	Thuyết minh (v)	Thuyết minh (v)
- Tài sản tài chính ngắn hạn khác	(i)	554.768.719.975	447.667.637.325	554.768.719.975	447.667.637.325
- Tài sản tài chính dài hạn khác	(v)	71.299.080.943	54.042.150.152	Thuyết minh (v)	Thuyết minh (v)
Tổng tài sản tài chính		11.060.433.457.572	8.916.567.713.553		
- Các khoản vay	(i)	6.864.830.676.553	4.222.040.584.259	6.864.830.676.553	4.222.040.584.259
- Phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn	(i)	3.196.109.671.630	2.372.186.425.100	3.196.109.671.630	2.372.186.425.100
- Phải trả người bán và phải trả khác dài hạn	(v)	31.642.570.430	15.450.462.353	Thuyết minh (v)	Thuyết minh (v)
- Chi phí phải trả	(i)	517.896.927.838	447.646.454.864	517.896.927.838	447.646.454.864
- Công nợ tài chính ngắn hạn khác	(i)	15.756.096.426	28.377.082.233	15.756.096.426	28.377.082.233
Tổng công nợ tài chính		10.626.235.942.877	7.085.701.008.809		

- (i) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này bằng giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn. Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn chịu lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thị trường nên giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- (ii) Giá trị hợp lý của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên sàn giao dịch dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của năm tại sàn giao dịch.
- (iii) Giá trị hợp lý của công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.
- (iv) Giá trị hợp lý của các quỹ đầu tư dựa trên giá trị tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.
- (v) Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Dù đặc điểm của thị trường hàng công nghệ là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá bán hàng, Tập đoàn cũng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách theo dõi sát biến động của các nhân tố chính tác động lên tỷ giá cũng như tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn và các biện pháp bảo hiểm tự nhiên như neo tỷ giá bán ra, thu tiền trước và các biện pháp bảo hiểm khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn luôn chú trọng đến hoạt động kiểm hàng tồn, đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ được cập nhật liên tục về năng lực tài chính của khách hàng một cách có hệ thống theo thời gian, kết hợp với đánh giá của các tổ chức tài chính trung gian làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Ngoài ra, phần lớn các khách hàng khi được Tập đoàn cấp tín dụng đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Tập đoàn thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ, bao gồm: phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Tập đoàn cũng đồng thời mua bảo hiểm công nợ phải thu nhằm hạn chế những rủi ro không lường trước với chi phí hợp lý.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung, Tập đoàn đã tối ưu hóa được các khoản thanh toán và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.336.282.447.769	-	4.336.282.447.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.111.165.770.915	-	4.111.165.770.915
Đầu tư ngắn hạn	1.441.486.664.176	-	1.441.486.664.176
Đầu tư dài hạn	-	545.430.773.794	545.430.773.794
Tài sản tài chính khác	554.768.719.975	71.299.080.943	626.067.800.918
Tổng cộng	10.443.703.602.835	616.729.854.737	11.060.433.457.572

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	6.722.412.217.259	142.418.459.294	6.864.830.676.553
Phải trả người bán và phải trả khác	3.196.109.671.630	31.642.570.430	3.227.752.242.060
Chi phí phải trả	517.896.927.838	-	517.896.927.838
Công nợ tài chính khác	15.756.096.426	-	15.756.096.426
Tổng cộng	10.452.174.913.153	174.061.029.724	10.626.235.942.877
Chênh lệch thanh khoản thuần	(8.471.310.318)	442.668.825.013	434.197.514.695

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.750.971.144.015	-	2.750.971.144.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.738.022.446.964	1.212.664.525	3.739.235.111.489
Đầu tư ngắn hạn	1.443.449.364.921	-	1.443.449.364.921
Đầu tư dài hạn	-	481.202.305.651	481.202.305.651
Tài sản tài chính khác	447.667.637.325	54.042.150.152	501.709.787.477
Tổng cộng	8.380.110.593.225	536.457.120.328	8.916.567.713.553

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	4.166.634.532.080	55.406.052.179	4.222.040.584.259
Phải trả người bán và phải trả khác	2.372.186.425.100	15.450.462.353	2.387.636.887.453
Chi phí phải trả	447.646.454.864	-	447.646.454.864
Công nợ tài chính khác	28.377.082.233	-	28.377.082.233
Tổng cộng	7.014.844.494.277	70.856.514.532	7.085.701.008.809
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.365.266.098.948	465.600.605.796	1.830.866.704.744

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết

	2014 VND	2013 VND
Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	7.333.333.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản ủy thác đầu tư và cho vay		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	214.766.081.776	304.372.027.566
Vốn góp		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	27.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Trong vòng một năm	159.625.884.014	175.641.196.756
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	381.010.195.106	411.929.782.009
Sau năm năm	77.875.506.660	160.099.641.428
	618.511.585.780	747.670.620.193

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Thông qua phương án đầu tư 250 tỷ VND vào Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp được 127,5 tỷ VND.
- Dự án xây dựng giai đoạn 1 khu phức hợp văn phòng của FPT tại Đà Nẵng với tổng vốn đầu tư của Dự án là 454.175.000.000 VND.
- Khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel Group (với đại diện là Viettel Telecom - đơn vị thành viên của Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực Châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Tập đoàn cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Viettel Telecom. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, số vốn góp thực tế của Tập đoàn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 7.371.402,8 USD tương đương 155.652.668.002 VND.
- Tập đoàn đang thực hiện dự án đầu tư Xây dựng khu Phần mềm FPT- Giai đoạn 2 tại Làng công nghệ số 3, Khu Phần mềm, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 271.148.000.000 VND (đã bao gồm VAT), theo Quyết định phê duyệt số 26-2014/QĐ-FPT-TGD ngày 29 tháng 4 năm 2014 và số 4424/2014/QĐ/FSOFT-FID - Quyết định của Chủ tịch Công ty TNHH Phần mềm FPT ngày 07 tháng 11 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị công trình thực hiện đã ghi nhận là 6.709.617.336 VND.

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân,
quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 9061
Website: www.fpt.com.vn

CHI NHÁNH FPT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3-4, tòa nhà FPT Thành phố Hồ Chí Minh,
153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 7300 7300
Fax: +84 8 7300 7388

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT
(FPT INFORMATION SYSTEM)

Trụ sở chính: Tầng 20-22, Tòa nhà văn phòng Keangnam,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3562 6000
Fax: +84 4 3562 4850
Website: www.fis.com.vn
Vốn điều lệ: 850.000.000.000 VND

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT
(FPT TRADING GROUP)

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Zodiac, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 6666
Fax: +84 4 7300 6668
Website: www.ftg.vn
Vốn điều lệ: 600.000.000.000 VND

CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT
(FPT SOFTWARE)

Trụ sở chính: Tầng 6-12, Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 9048
Fax: +84 4 3768 9049
Website: www.fpt-software.com
Vốn điều lệ: 520.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
(FPT TELECOM)

Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 2222
Fax: +84 4 7300 8889 / 3822 3111 / 3726 2163
Website: www.fpt.net – www.fpt.vn
Vốn điều lệ: 1.246.198.090.000 VND

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 173 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84 9 0344 1333

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710 3752 666
Fax: +84 0710 3752 555

CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC FPT
(FPT EDUCATION)

Trụ sở chính: Tòa nhà DETECH, số 8 Tôn Thất Thuyết, Xã Mỹ Đình, Quận Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 7717 / 3768 8922
Fax: +84 4 3768 7718
Website: www.fpt.edu.vn
Vốn điều lệ: 250.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
(FPT ONLINE)

Trụ sở chính: 408 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP. HCM
Điện thoại: +84 7300 9999
Fax: +84-8-8-3929 1758
Website: www.fptonline.net
Vốn điều lệ: 140.853.360.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
(FPT RETAIL)

Trụ sở chính: 261-263 Khánh Hội, Phường 5, Quận 4, TP. HCM
Điện thoại: + 84 8 73023456
Fax: + 84 39435773
Website: fptshop.com.vn
Vốn điều lệ: 151.298.200.000 VND

CÔNG TY ĐẦU TƯ FPT
(FPT INVESTMENT)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 7410
Website: www.fpt.com.vn
Vốn điều lệ: 600.000.000.000 VND

FPT TOÀN CẦU

SINGAPORE

Trụ sở chính
Địa chỉ: Số 116 Middle Road, # 09-03 ICB Enterprise House, Singapore 188972
Điện thoại: 0065 6338 4353
Fax: 0065 6338 1987

NHẬT BẢN

Trụ sở chính
Địa chỉ: Toyko Tatemono Gotana Building 8F, Higashi Gotanda 1-6-3,
Shinagawa ku, Tokyo 141-0022 Japan
Điện thoại: 0081 3 5789 2536
Fax: 0081 3 5789 2537

Văn phòng đại diện

OSAKA

Địa chỉ: Chiyoda building, East tower 10F, 2-9-4 Higashi Tenma,
Kitaku, Osakashi, Osakafu 530-0044, Japan
Điện thoại: 0081 6 6356 1005
Fax: 0081 6 6655 1166

NAGOYA

Địa chỉ: 33 Sobashima Daini Noritake Building 1-9-9,
Noritake, Nakamura ku, Nagoya shi, Aichi Pref, 453-0014, Japan
Điện thoại: 0081 52453 1013
Fax: 0081 52453 1014

MỸ

Trụ sở chính
Địa chỉ: 155 Bovet Road, Suite 303, San Mateo, California, CA 94402
Điện thoại: 001 650 349 5000
Fax: 001 650 349 5005

Văn phòng đại diện

NEW YORK

Địa chỉ: 1385 Broadway, Suite 912, New York, NY 10018, USA
Điện thoại: 001 212 418 4793
Fax: 001 212 317 8666

TEXAS

Địa chỉ: 801 E. Campbell, Suite 180, Richardson, Texas 75081, USA
Điện thoại: 001 214 253 2662
Fax: 001 214 253 2988

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7,
92977 Paris La Defense, France
Điện thoại: 0033 1 7329 4749
Fax: 0033 1 7329 4500

AUSTRALIA

Địa chỉ: Level 13, 2 park street, NSW 2000, Australia
Điện thoại: 006 129 004 7160
Fax: 006 129 004 7070

MALAYSIA

Địa chỉ: Suite 9.06, level 9, The Gardens North tower, Mid valley city,
Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: 00603 2287 8086
Fax: 00603 2287 7086

ĐỨC

Địa chỉ: Business-Center Dornhofstraße 34, 63263 Neu-Isenburg, Germany
Điện thoại: 0049 6102 812 534
Fax: 0049 6102 299 938

CAMPUCHIA

Địa chỉ: No.47, Street 306, Sangkat Boeung Keng Kang 1,
Khan Chamka Morn, Phnom Penh, Cambodia
Điện thoại: 00855 236 877 779 - 00855 236 336 236
Fax: 00855 236 877 778

LÀO

Địa chỉ: No.061, Unit 03, Dongpalane Street, Sisattanak District,
Vientiane Capital, Lao PDR.
Điện thoại: 00856 209 396 465 - 00855 976 869 160

MYANMAR

Địa chỉ: 60A Pyidaungzu Yeiktha st, Dagon tsp, Yangon, Myanmar
Điện thoại: 0095 1 218 223 - 0095 1 1221 668
Fax: 0095 1 218 224

FPT SLOVAKIA S.R.O

Địa chỉ: Južná trieda 6, Košice 040 01, Slovakia
Điện thoại: 00856 209 396 465 - 00855 976 869 160
Email: fger.contact@fsoft.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân,
quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel : +84 4 7300 7300
Fax : +84 4 3768 9061
www.fpt.com.vn